

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 492 – Chúa nhật 13.10.2024

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Hr 5, 1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

Chỉ những người bùng cháy mới có thể nhóm lửa lên ở những người khác.

THÁNH AUGUSTINÔ (354- 430)

MỤC LỤC

Quà Tặng Tin Mừng Công Vụ các Tông Đồ (tiếp theo) – IV. Khai mạc sứ vụ đến với dân ngoại.....
(ngoài Do Thái) (10:1–15:35)

ĐỨT RUỘT Lm Giuse Nguyễn Văn Nghĩa, Ban Mê Thuật

QUỖI GỐI MÀ LÀM Lm Minh Anh, TGP Huế

CÁCH CỨU VẤN HÔN NHÂN ĐANG TRỤC TRẠC Phêrô Phạm Văn Trung Lược dịch

CÓ PHẢI THIÊN CHÚA MUỐN CÁC TRẺ EM PHẢI CHẾT?..... Lm. Giuse Vũ Thái Hòa

BA THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI TIỀN BẠC (CN 28B) Lm Anphong Nguyễn Công Minh, OFM

HÀNH TRÌNH THEO DẤU CHÂN PHAOLÔ (FOLLOW PAUL'S FOOTSTEPS) Bernard Nguyễn-Đặng

CÁC TÔNG ĐỒ ĐÃ SỐNG Ở ĐÂU VÀ CHẾT NHƯ THẾ NÀO SAU NGÀY CHÚA VỀ TRỜI.....
Tiến Sĩ Trần Mỹ Duyệt

TƯƠNG QUAN VỚI MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN Lm Micae-Phaolô Trần Minh Huy, PSS

VĂN HOÁ GIAO TIẾP - HAI THƯƠNG ẮN NÓI MẶN MÀ CÓ DUYÊN? Lm Đan Vinh, HHTM

TỪ GIÁO HỘI NÀY ĐẾN GIÁO HỘI KHÁC Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp

THƠ GỬI NGƯỜI EM QUÊ LŨ..... francis assisi lê đình bằng.

IV. Khai mạc sứ vụ đến với dân ngoại (ngoài Do Thái) (10:1–15:35)

HIỆP HÀNH TẠ ƠN

hướng đến **500** Năm

TIN MỪNG đến trên Quê Hương Việt Nam

1533-2033

Hòa Bình là kết quả của Công Lý và Tình Liên Đới
Peace As The Fruit Of Justice and Solidarity
(Is 32,17; Gc 3,18; Srs 39)

Hiệp Hành Tạ Ôn 500 Năm Tin Mừng đến Việt Nam
Mừng Năm Thánh Toàn Cầu 2025:

"Spes Non Confudit" = "Niềm Hy vọng không làm thất vọng".
29/12/2024 - 06/01/2026

**Tại
Việt
Nam:**

- 1. Hành Hương & Cầu Nguyện**
- 2. Loan Báo Tin Mừng**
- 3. Sử dụng các phương tiện đang có sẵn,
để chia sẻ cho nhau về Chúa, v.v...**

**Công Vụ
các
Tông Đồ**

(tiếp theo)

**IV. Khai mạc sứ vụ đến với dân ngoại
(ngoài Do Thái)
(10:1–15:35)**

Chương 10

Thị kiến của ông Cornêliô.

¹Tại Cêsarê có một người tên là Cornêliô, là một đại đội trưởng thuộc cơ đội* mang tên Italica, ²là người có lòng đạo đức sâu xa, ông cùng cả nhà đều rất kính sợ Thiên Chúa; ông thường bố thí rộng rãi cho dân và không ngừng cầu nguyện cùng Thiên Chúa, ³một hôm vào khoảng giờ thứ chín*, ông thấy rõ ràng một thiên thần của Thiên Chúa đến và nói với ông: "Hỡi Cornêliô". ⁴Nhìn chăm chú thiên thần, ông sợ hãi thưa: "Có chuyện gì vậy, thưa ngài?". Thiên thần trả lời: "Lời cầu nguyện của ông, việc bố thí của ông, đã bay lên như của lễ Hoà Tế * trước mặt Thiên Chúa. ⁵Và bây giờ, ông hãy cho người đến Giaphô mời một người có tên là Simon, cũng được gọi là Phêrô; ⁶ông ấy trọ tại nhà một ông Simon khác, làm nghề thuộc da và nhà ở ngay bên bờ biển". ⁷Sau khi vị thiên thần đi khỏi, ông gọi hai gia nhân của ông và một người đạo đức trong nhóm lính có nhiệm vụ phục vụ ông, ⁸ông kể lại cho họ tất cả sự việc và sai họ đến Giaphô.

* Cv 10, 1 "Đại đội trưởng": tạm dịch từ chữ "Centurio" trong tiếng Latinh, là sĩ quan chỉ huy khoảng 100 lính. "Cơ đội": có từ 500 đến 600 người (x. Mt 27, 27).

* Cv 10, 3 Giờ thứ chín tức ba giờ chiều. (x. Mt 20, 3-6).

* Cv 10, 4 "Lễ Hoà Tế": là một nghi lễ trong Cựu Ước với lễ vật gồm tinh bột, dầu, và nhũ hương được đốt cháy trên bàn thờ làm kỷ vật tiến dâng lên Thiên Chúa (x. Lv 2, 2). Theo quan niệm của người Do Thái thì những người vì hoàn cảnh hay không có điều kiện đến Đền Thờ Giêrusalem dâng lễ vật có thể cầu nguyện, làm việc bác ái, và học hỏi Thánh Kinh. Những việc đạo đức này cũng được coi tương tự như dâng Lễ Hòa Tế trong Đền Thờ, và sẽ được Chúa thương nhớ đến (x. Cv 10, 31).

Thị kiến của ông Phêrô.

⁹Ngày hôm sau, đang khi họ đi đường và đến gần thành Giaphô, Phêrô lên sân thượng để cầu nguyện, lúc ấy khoảng giờ thứ sáu*. ¹⁰Cảm thấy đói, ông muốn ăn. Trong khi người ta đang dọn bữa cho ông, thì ông xuất thần, ¹¹ông thấy trời mở ra và một vật giống như một tấm vải lớn có bốn góc buộc túm, từ trên cao đang từ từ sà xuống đất, ¹²trong tấm vải đó có tất cả các loại thú bốn chân, các loại bò sát dưới đất và các loại chim trời. ¹³Và một tiếng vang vọng đến với ông: “Trỗi dậy đi, hỡi Phêrô, hãy giết mà ăn!”. ¹⁴Phêrô thưa: “Lạy Chúa, không thể được, con không bao giờ ăn những lương thực ô uế và không thanh sạch”. ¹⁵Và lại thêm một lần thứ hai, tiếng vang vọng đến ông: “Những gì Thiên Chúa đã tẩy sạch, thì con đừng nói là ô uế”. ¹⁶Việc ấy xảy ra ba lần, rồi sau đó tấm vải được kéo lên trời.

¹⁷Trong khi Phêrô còn đang hoang mang về ý nghĩa của thị kiến, thì này, những người do ông Cornêliô sai đi đã tìm ra nhà của Simon, và đã đứng ngay trước cửa, ¹⁸họ lên tiếng hỏi thăm xem ông Simon, biệt danh là Phêrô, có cư trú ở đây không. ¹⁹Phêrô lúc đó vẫn còn suy nghĩ về thị kiến ông nhìn thấy, thì Thần Khí nói với ông: “Kìa, có ba người đang đến tìm con; ²⁰trỗi dậy và xuống mà đi với họ đừng ngần ngại, bởi vì chính Ta sai họ đến”. ²¹Phêrô xuống gặp những người ấy và nói với họ: “Tôi đây, tôi chính là người các ông đang tìm. Vì lý do nào các ông đến đây?”. ²²Họ trả lời: “Đại đội trưởng Cornêliô là một người công chính, kính sợ Thiên Chúa, và được toàn dân Do Thái chứng nhận là người tốt, ông ấy đã được một Thánh Thiên Thần báo cho biết là phải mời ông đến nhà, để được nghe ông rao giảng”. ²³Phêrô mời họ vào nhà và mời họ tạm trú.

Ngày hôm sau, ông cùng một vài tín hữu ở Giaphô lên đường với họ. ²⁴Hôm sau nữa, ông vào thành Cêsarê. Quả thực, khi ấy Cornêliô đang đợi họ, ông đã triệu tập mọi người thân trong gia đình và những bạn bè thân thiết nhất. ²⁵Khi Phêrô đến, Cornêliô ra đón và phủ phục dưới chân ông mà thờ lạy. ²⁶Nhưng Phêrô đỡ ông dậy và nói: “Xin hãy trỗi dậy, vì tôi cũng chỉ là một con người mà thôi”. ²⁷Vừa đi vừa trao đổi với Cornêliô, Phêrô vào nhà và thấy rất nhiều người tụ họp ở đó; ²⁸ông nói với họ: “Chắc hẳn quý vị cũng đã biết rõ: người Do Thái không được phép giao du hay đến gần dân ngoại. Thế nhưng, Thiên Chúa đã tỏ cho tôi thấy là không được xem bất cứ ai là người ô uế hay không thanh sạch; ²⁹vì thế, khi quý vị cho người đến tìm, tôi đã lên đường không ngần ngại. Tôi rất muốn biết vì lý do nào mà quý vị đã cho người đến tìm tôi”. ³⁰Cornêliô đáp: “Cách đây bốn ngày, khi tôi đang cầu nguyện ở nhà mình, cũng vào giờ này, tức khoảng giờ thứ chín, thì một người đứng ngay trước mặt tôi với y phục sáng chói ³¹và nói: “Cornêliô, kinh nguyện của ông đã được thấu nghe và những việc bố thí của ông đã được ghi nhớ trước nhan Thiên Chúa. ³²Hãy sai người đến Giaphô để mời Simon, biệt danh là Phêrô; ông ấy trọ trong nhà một ông Simon khác, làm nghề thuộc da và nhà ở ngay cạnh bờ biển”. ³³Tôi liền cho người đi mời ngài đến với tôi, và ngài đã làm đúng khi đến đây. Và giờ đây, tất cả chúng tôi có mặt ở đây trước nhan Thiên Chúa để lắng nghe mọi điều mà Chúa đã truyền cho ngài”.

Bài giảng của ông Phêrô.

³⁴Bấy giờ Phêrô mở miệng và nói: “Quả thật, tôi biết rằng Thiên Chúa không thiên vị ai, ³⁵nhưng trong mọi dân tộc, hễ ai kính sợ Ngài và ăn ở ngay lành, đều được Ngài đón nhận. ³⁶Ngài đã gửi Lời đến cho con cái Israel, loan báo cho họ Tin Mừng Bình An nhờ Chúa Giêsu Kitô; Đấng là Chúa của tất cả. ³⁷Quý vị hẳn đã biết điều xảy ra trong toàn cõi Giuđê, khởi đầu từ Galilê, sau phép rửa mà Gioan rao giảng: ³⁸Chúa Giêsu thành Nagiarét, Thiên Chúa đã dùng Chúa Thánh Thần mà xức dầu và ban quyền năng cho Ngài, bất cứ nơi đâu Ngài đi qua, Ngài đều thi ân giáng phúc và chữa lành tất cả những ai phải sống dưới quyền lực của Quỷ, bởi vì Thiên Chúa ở cùng Ngài. ³⁹Và chúng tôi là những chứng nhân về tất cả những việc Ngài thực hiện trong vùng Giuđê và ở Giêrusalem; họ đã giết Ngài bằng cách treo lên cây khổ giá. ⁴⁰Ngày thứ ba, Thiên Chúa đã cho Ngài sống lại và hiện ra tỏ tường ⁴¹không phải với toàn dân, nhưng là với những chứng nhân mà Thiên Chúa đã chọn trước, tức là

chúng tôi, những người đã từng ăn, từng uống với Ngài sau khi Ngài sống lại từ trong cõi chết; ⁴²Ngài đã truyền dạy chúng tôi phải rao giảng cho toàn dân và long trọng khẳng định rằng chính Ngài được Thiên Chúa đặt làm Đấng Xét Xử người sống lẫn kẻ chết. ⁴³Tất cả các ngôn sứ cũng đã làm chứng rằng: bất cứ ai tin vào Ngài thì nhờ Danh Ngài mà được ơn tha tội”.

* Cv 10, 9 Giờ thứ sáu tức là 12 giờ trưa. (x. Mt 20, 3-6).

Ông Cornêliô chịu phép rửa.

⁴⁴Phêrô còn đang nói các điều ấy, thì Chúa Thánh Thần đã ngự xuống trên tất cả những người nghe Lời. ⁴⁵Những tín hữu đã được cắt bì cùng đến với Phêrô đều kinh ngạc, vì Chúa Thánh Thần cũng được ban cho và tuôn đổ trên các dân ngoại; ⁴⁶bởi họ nghe những người ấy nói nhiều thứ tiếng và ngợi khen Thiên Chúa. Bấy giờ Phêrô nói: ⁴⁷“Ai có thể từ chối làm phép rửa cho những người này khi tất cả họ đều đã nhận lãnh Chúa Thánh Thần như chúng ta?”. ⁴⁸Và ông truyền cử hành phép rửa cho họ nhân Danh Chúa Giêsu Kitô. Sau đó, họ xin ông ở lại đó với họ một ít ngày.

Chương 11**Giải thích việc làm phép rửa cho dân ngoại.**

¹Các Tông Đồ và anh em ở Giuđê nghe tin dân ngoại đã đón nhận Lời của Thiên Chúa. ²Nhưng khi Phêrô lên Giêrusalem, những người đã cắt bì chỉ trích ông, ³và nói: “Ông đã vào nhà của những người không cắt bì và đã ăn uống với họ!”. ⁴Khi ấy Phêrô thuật lại cho họ đầu đuôi sự việc, ông nói: ⁵“Tôi đang ở trong thành Giaphô và đang cầu nguyện thì xuất thần, tôi đã thấy một thị kiến, có vật gì đó như một tấm vải lớn bốn góc buộc túm, từ trời cao sà xuống trên đất ngay bên cạnh tôi; ⁶chăm chú nhìn vào tấm vải, tôi thấy những con vật bốn chân trên mặt đất, những thú rừng hoang dã, các loài bò sát và chim trời. ⁷Tôi nghe một tiếng vang vọng nói với tôi: “Trỗi dậy đi, hỡi Phêrô, hãy giết mà ăn!”. ⁸Tôi đáp: lạy Chúa, chắc chắn là không được, vì những gì ô uế không thanh sạch, không bao giờ vào miệng con. ⁹Lần thứ hai, từ trời cao, có tiếng trả lời tôi: “Những gì Thiên Chúa đã làm cho thanh sạch thì con không được nói là ô uế”. ¹⁰Việc đó xảy ra đến ba lần, rồi tất cả được kéo lên trời. ¹¹Và này, ngay lúc đó, ba người đã đến trước cửa nhà tôi đang ở, họ từ Cêsarê được sai đến gặp tôi. ¹²Thần Khí nói với tôi rằng đừng ngần ngại gì, cứ lên đường với họ, vậy là cả sáu anh em ở đó đã cùng đi với tôi, và chúng tôi đến nhà người ấy. ¹³Người ấy đã kể lại việc một thiên thần đứng trong nhà ông và nói: “Hãy sai người đến Giaphô để đón ông Simon, biệt danh là Phêrô, ¹⁴ông ta sẽ chia sẻ với ông những lời, nhờ đó ông sẽ được ơn cứu độ, cho ông và toàn thể gia đình ông”. ¹⁵Khi tôi vừa bắt đầu nói, thì Chúa Thánh Thần đã ngự xuống trên họ, cũng y như Ngài đã ngự xuống với chúng ta từ thuở ban đầu. ¹⁶Tôi đã nhớ lại Lời Chúa, đã nói: “Gioan làm phép rửa bằng nước, nhưng các con sẽ được rửa trong Chúa Thánh Thần”. ¹⁷Vậy nếu Thiên Chúa đã ban cho họ cùng một ân sủng như đã ban cho chúng ta, là những người đã tin vào Đức Chúa Giêsu Kitô, thì tôi là ai mà dám cản trở Thiên Chúa?”. ¹⁸Khi nghe như thế, họ cúi xuống và tôn vinh Thiên Chúa rằng: “Như vậy, Thiên Chúa cũng ban cho dân ngoại ơn hoán cải để họ được sống”.

Giáo hội tại Antiôkia.

¹⁹Những anh em tản mác khắp nơi do cuộc bách hại Stêphanô đã đi đến tận miền Phênixia, rồi Cyprô và Antiôkia, họ không rao giảng Lời cho ai khác; ngoại trừ người Do Thái. ²⁰Trong số họ, có những người từ Cyprô và Cyrênê, đã đến Antiôkia, và đã rao giảng cho cả người Hy Lạp, Tin Mừng Chúa Giêsu. ²¹Và có cánh tay của Thiên Chúa ở với họ; một số đông trong dân đã tin theo và trở về với Chúa. ²²Tin ấy đã đến tai Hội Thánh ở Giêrusalem, và người ta đã cử ông Barnaba đến Antiôkia; ²³đến nơi, nhận ra ân sủng của Thiên Chúa đang có hiệu quả, ông rất vui mừng và khuyên bảo tất cả họ hãy giữ vững một tấm lòng trung kiên với Chúa, ²⁴vì ông vốn là một con người tốt lành, tràn đầy Chúa Thánh Thần và niềm tin. Và đã có thêm số rất đông nhiều người tin vào Chúa. ²⁵Barnaba bèn đến Tarsô để tìm Saolô; ²⁶tìm được rồi, ông đưa ông ấy về Antiôkia. Trong suốt một năm trời, các ông làm việc với Hội Thánh tại đó, và giảng dạy cho rất nhiều người và chính tại Antiôkia mà lần đầu tiên các môn đệ được gọi là Kitô Hữu.

Ông Agabô nói tiên tri.

²⁷Trong những ngày ấy, có những ngôn sứ từ Giêrusalem đến Antiôkia; ²⁸một người trỗi dậy trong nhóm họ tên là Agabô, dưới tác động của Thần Khí, đã cho biết sẽ có một nạn đói lớn trên khắp mặt đất; điều này xảy ra dưới triều hoàng đế Claudiô. ²⁹Các môn đệ đã quyết định, tùy theo khả năng của mỗi người mà gọi sự hỗ trợ của mình cho anh em ở Giuđê; ³⁰và họ đã làm việc ấy bằng cách gửi đến cho hàng niên trưởng, qua tay của Barnaba và Saolô.

Chương 12

Vua Hêrôđê bách hại Kitô Hữu.

¹Vào thời đó, vua Hêrôđê* ra tay hãm hại một số thành viên của Hội Thánh. ²Vua cho chém đầu Giacôbê*, anh của Gioan. ³Thấy việc đó làm vui lòng người Do Thái, vua quyết định bắt luôn Phêrô — đó là vào những ngày Lễ Bánh Không Men* — ⁴bắt được rồi, vua cho tống ngục, và đặt dưới sự canh gác của bốn tốp lính, mỗi tốp bốn người; dự định sau Lễ Vượt Qua sẽ điệu ông ra trước dân chúng. ⁵Trong khi Phêrô bị giam trong ngục như thế thì Hội Thánh kiên trì cầu nguyện cùng Thiên Chúa cho ông.

⁶Trong đêm trước ngày Hêrôđê định điệu ông ra xử, Phêrô ngủ giữa hai người lính, bị xiềng bằng hai sợi xích và những người lính canh luôn túc trực trước cửa ngục. ⁷Thì này, thiên thần của Chúa xuất hiện, và một nguồn ánh sáng tỏa rạng khắp phòng giam. Ngài vỗ vào cạnh sườn của Phêrô đánh thức ông dậy: “Trỗi dậy mau!”. Những xiềng xích rơi khỏi tay ông. ⁸Thiên thần nói với ông: “Hãy thắt lưng, mang dép vào”. Ông liền làm theo. Thiên thần lại nói: “Khoác áo choàng vào và đi theo ta”. ⁹Ông theo ra, nhưng không biết việc thiên thần dẫn ông đi là thật; ông nghĩ rằng mình đang thấy một thị kiến. ¹⁰Đi qua trạm canh thứ nhất, rồi trạm canh thứ hai, các ngài đến trước cửa sắt thông ra phố, cửa sắt tự động mở ra; các ngài ra ngoài, đi thêm một con phố và thiên thần từ biệt ông. ¹¹Khi trấn tĩnh lại, Phêrô nói: “Quả thật, bây giờ tôi biết Chúa đã sai thiên thần của Ngài đến cứu tôi thoát khỏi tay Hêrôđê và khỏi tất cả những gì người Do Thái mong muốn tôi phải chịu”. ¹²Nhận ra như thế rồi, ông đến ngay nhà bà Maria, mẹ của Gioan còn được gọi là Marcô, ở đó nhiều người còn đang tụ họp và cầu nguyện. ¹³Ông đập cổng, cô giúp việc tên là Rôđê đến gần cổng để lắng nghe; ¹⁴nhận ra giọng nói của Phêrô, cô quá đỗi vui mừng nên quên mất việc mở cổng, cô vội vàng chạy vào báo cho mọi người rằng Phêrô đang đứng trước cổng. ¹⁵Họ bảo cô: “Cô điên rồi!”. Nhưng cô quả quyết rằng đó là sự thật. Họ lại nói: “Đó là thiên thần của ông ấy”. ¹⁶Phêrô tiếp tục đập cổng; họ ra mở cổng, vừa thấy ông, họ vô cùng sửng sốt. ¹⁷Đưa tay ra dấu xin họ im lặng, ông kể cho họ sự việc Chúa đã đưa ông ra khỏi nhà tù như thế nào. Rồi ông nói với họ: “Hãy báo tin cho Giacôbê và anh em”. Rồi ông ra đi để đến một nơi khác. ¹⁸Sáng sớm hôm sau, cả đám lính đều rối loạn không biết điều gì đã xảy ra cho Phêrô. ¹⁹Hêrôđê ra lệnh truy nã ông, nhưng không thể tìm ra; nhà vua đưa đám lính ra tra hỏi rồi ra lệnh đem họ đi hành quyết. Sau đó, bỏ miền Giuđê, nhà vua xuống ở Cêsarê.

Vua Hêrôđê băng hà.

²⁰Hêrôđê đang rất phẫn nộ với dân thành Tyrô và Sidôn; cùng liên minh với nhau, họ đến yết kiến ông. Sau khi mua chuộc được Blastô, quan thị vệ của nhà vua, họ xin cầu hòa, vì lãnh thổ của họ phải cậyl nhờ lãnh thổ của nhà vua cung cấp lương thực. ²¹Vào ngày ấn định, Hêrôđê mặc trang phục của hoàng gia và ngự trên ngai để nói với họ; ²²dân chúng lớn tiếng tung hô ông: “Đúng là tiếng thần linh chứ không phải tiếng người!”. ²³Ngay lập tức, thiên thần của Thiên Chúa đánh phạt ông, vì ông đã không tôn vinh Thiên Chúa; và bị giòi bọ rúc rĩa mà chết. ²⁴Còn Lời Chúa tiếp tục được loan truyền và phát triển.

Sứ vụ của ông Barnaba và Saolô.

²⁵Về phần Barnaba và Saolô, sau khi hoàn thành công việc phục vụ ở Giêrusalem, các ông đã trở về, mang theo Gioan, cũng gọi là Marcô.

* Cv 12, 1 Có nhiều vị vua thuộc dòng họ Hêrôđê trong Tân Ước, nhưng có ba người được đề cập với tên Hêrôđê là: Hêrôđê cha (x. Mt 2, 1); Hêrôđê con (x. Mt 14, 1); và Hêrôđê cháu (x. Cv 12, 1).

* Cv 12, 2 “Giacôbê”: ngài là Thánh Giacôbê Tông Đồ (x. Mt 4, 21; Mc 1, 19). Vì được phúc là vị Tông Đồ từ đạo tiên khởi, nên ngài cũng được gọi là thánh Giacôbê Tiên, hay thánh Giacôbê Cả. Truyền thống cho rằng mộ ngài ở Compostella (Tây Ban Nha), và lễ kính vào ngày 25/7).

* Cv 12, 3 “Lễ Bánh Không Men”: kéo dài trong bảy ngày, trùng với dịp Lễ Vượt Qua (x. Mt 26, 17). Việc dùng bánh không men là để nói về dân Israel vội vã rời khỏi Ai Cập. Họ không có thời gian để làm bánh có men. Họ ngủ mà chân phải mang giày...

Chương 13

¹Lúc ấy trong Hội Thánh ở Antiôkia có các ngôn sứ và thầy dạy: Barnaba, Simêon cũng gọi là Niger, Luciô thành Cyrênê, Manaen — người cùng được nuôi dưỡng chung với Hêrôđê Têtrach*, và Saolô. ²Một ngày kia khi các ông đang cử hành việc thờ phượng Chúa và ăn chay, thì Chúa Thánh Thần nói: “Hãy để riêng Barnaba và Saolô cho Ta để lo công việc Ta kêu gọi họ làm”. ³Thế là, sau khi đã ăn chay và cầu nguyện, đồng thời đặt tay trên hai ông, họ để các ông lên đường.

Sứ vụ tiên khởi bắt đầu ở Síp.

⁴Được Chúa Thánh Thần sai đi, các ông xuống Sêlêukia và từ đó xuống thuyền đi đến đảo Síp; ⁵và khi đến Salamina, các ông loan báo Lời Thiên Chúa trong các hội đường của người Do Thái; cũng có Gioan phụ giúp các ông. ⁶Các ông đi giảng khắp đảo cho đến tận Paphô, các ông gặp một đạo sĩ, một ngôn sứ giả người Do Thái tên là Bariêsu, ⁷ông ta ở với tổng trấn Sergiô Paulô, một con người thông minh. Vị tổng trấn cho mời Barnaba và Saolô đến, vì ông khát khao được nghe Lời Thiên Chúa; ⁸thế nhưng Elyma, là đạo sĩ — vì tên của ông này dịch ra có nghĩa như thế — đã chống lại các ông và tìm cách ngăn cản viên tổng trấn đón nhận Đức Tin. ⁹Saolô, cũng gọi là Phaolô, được tràn đầy Chúa Thánh Thần, đã nhìn thẳng vào mặt ông đạo sĩ ¹⁰và nói: “Ông là kẻ đầy mọi thứ gian xảo và mọi thứ dối trá, ông là con cái của Quỷ và là kẻ thù của mọi điều công chính, ông không ngừng bẻ cong đường lối ngay thẳng của Chúa sao? ¹¹Này đây, tay của Chúa giáng trên ông, khiến ông bị mù và không còn nhìn thấy mặt trời trong một thời gian”. Tức thì mù mịt và tối tăm giáng xuống trên ông ta, ông ta loay hoay tìm người dắt đi. ¹²Bấy giờ, chứng kiến sự việc xảy ra, vị tổng trấn đã tin, ông hết sức kinh ngạc về giáo huấn của Chúa.

Ông Phaolô đến Antiôkia miền Pisidia.

¹³Rời Paphô, Phaolô và những người cùng đi đã đến Pergê miền Pamphylia. Nhưng Gioan đã bỏ các ông để quay lại Giêrusalem. ¹⁴Hai ông tiếp tục cuộc hành trình của mình qua Pergê và đến Antiôkia miền Pisidia. Ngày Sabát, các ông vào hội đường và ngồi xuống. ¹⁵Sau khi công bố Sách Luật và Sách Các Ngôn Sứ, những vị trách nhiệm trong hội đường mời hai ông lên tiếng: “Thưa anh em, nếu anh em có đôi lời khích lệ dân thì xin vui lòng nói!”.

Ông Phaolô phát biểu trong hội đường.

¹⁶Phaolô đứng dậy, giơ tay ra dấu và nói: “Thưa đồng bào Israel và tất cả những ai kính sợ Thiên Chúa, xin hãy nghe. ¹⁷Thiên Chúa của dân Israel đã chọn cha ông chúng ta; Ngài đã làm cho dân nên mạnh mẽ trong thời gian cư ngụ bên Ai Cập và Ngài đã đưa dân ra khỏi xứ đó bằng cánh tay hùng mạnh; ¹⁸trong khoảng bốn mươi năm, Ngài đã nuôi dưỡng họ trong sa mạc; ¹⁹và sau khi đã lần lượt tiêu diệt bảy dân tộc trong miền Canaan, Ngài đã ban cho họ vùng đất ấy làm gia sản, ²⁰tất cả những điều ấy trải dài khoảng bốn trăm năm mươi năm. Rồi sau đó Ngài ban cho họ các vị thủ lãnh, mãi cho đến thời ngôn sứ Samuel. ²¹Và khi họ yêu cầu có vua, Thiên Chúa đã ban cho họ Saun*, con của ông Cis, người của chi tộc Bengiamin, ông đã làm vua bốn mươi năm. ²²Sau khi truất phế vua này, Thiên Chúa đã vì họ, đưa Đavít lên làm vua, và Ngài đã làm chứng về ông: “Ta đã tìm được Đavít, con của Giêsê, đây là một người đẹp lòng Ta, người sẽ thực hiện tất cả những điều Ta mong muốn”. ²³Từ dòng dõi của Đavít, theo lời hứa Thiên Chúa đã cho xuất hiện Đấng Cứu Thế của Israel là Chúa Giê-su, ²⁴Gioan đi trước dọn đường cho Ngài, ông đã rao giảng phép rửa sám hối cho toàn dân Israel. ²⁵Đến giai đoạn hoàn thành sứ mạng, Gioan nói: “Anh em nghĩ tôi là ai? Tôi không phải Đấng ấy đâu; nhưng này, Ngài đến sau tôi, và tôi không xứng đáng để xỏ giày chân Ngài”.

²⁶Thưa anh em là con cái thuộc dòng giống Abraham và thừa quý vị là những người kính sợ Thiên Chúa, lời cứu độ này đã được gửi tới cho chúng ta. ²⁷Cư dân thành Giêrusalem và các vị thủ lãnh của họ đã không nhận biết Ngài và không hiểu những lời trong Sách Các Ngôn Sứ mà họ vẫn đọc trong mỗi ngày Sabát, nhưng khi lên án Ngài, họ đã làm cho những lời ấy được ứng nghiệm; ²⁸mặc dù họ không tìm thấy Ngài có tội gì đáng chết, thế mà họ vẫn đòi Philatô xử tử Ngài; ²⁹khi họ đã làm xong mọi sự đã được viết về Ngài, họ đưa xác Ngài xuống khỏi cây gỗ và đặt Ngài trong mộ. ³⁰Nhưng

* Cv 13, 1 “Hêrôđê Têtrach” là “Hêrôđê con” (x. Mt 14, 1).

* Cv 13, 21 “Saun”: Cũng gọi là Saolê.

Thiên Chúa đã cho Ngài sống lại từ trong cõi chết; ³¹trong nhiều ngày, Ngài đã hiện ra với tất cả những người đã theo Ngài từ Galilê lên Giêrusalem, bây giờ họ là chứng nhân cho Ngài trước mặt dân chúng. ³²Còn chúng tôi, chúng tôi loan báo Tin Mừng cho anh em, lời hứa với cha ông chúng ta, ³³Thiên Chúa đã thực hiện cách trọn vẹn cho con cái là chúng ta, khi làm cho Chúa Giêsu sống lại, như đã được viết trong Thánh Vịnh thứ hai rằng: “Con là Con của Cha; ngày hôm nay, Cha đã sinh ra Con”. ³⁴Việc Thiên Chúa đã cho Ngài sống lại từ trong cõi chết để không bao giờ trở về hư nát nữa, Ngài đã nói thế này: “Ta sẽ ban cho các con những lời hứa thánh đã hứa với Đavít, ³⁵Chính điều này cũng được nói đến trong một thánh vịnh khác: “Thiên Chúa sẽ ban cho Đấng Thánh của Ngài không phải hư nát”. ³⁶Thế mà Đavít, sau khi phục vụ thế hệ của mình theo ý muốn của Thiên Chúa, ông đã chết, đã được an táng bên cha ông mình, và đã chịu sự hư nát; ³⁷còn Đấng được Thiên Chúa cho sống lại, Ngài không bị hư nát. ³⁸Thưa anh em, xin hãy biết cho rằng, nhờ Đấng ấy mà ơn tha tội được loan báo cho anh em; trong khi anh em không được tha tội và nên công chính nhờ vào việc tuân giữ lề luật Môsê, ³⁹nhưng chính nhờ Ngài mà mọi người tin đều được nên công chính. ⁴⁰Hãy coi chừng đừng để cho mình bị vướng vào điều đã được nói đến trong sách Các Ngôn Sứ:

⁴¹“Xem kìa,
hỡi những kẻ khinh mạn,
hãy kinh ngạc và hãy biến đi,
bởi vì Ta sẽ thực hiện một việc
trong thời đại của các ông,
một việc mà các ông không thể tin được,
ngay cả khi người ta thuật lại cho các ông!”.

⁴²Lúc các ông đi ra, người ta mời các ông tiếp tục nói với họ vào ngày Sabát sau. ⁴³Khi tan buổi họp, nhiều người Do Thái và những người tông giáo tôn thờ Thiên Chúa đã đi theo Phaolô và Barnaba. Các ông đã khuyến khích họ hãy luôn trung tín trong ơn Thiên Chúa.

Hướng đến với dân ngoại.

⁴⁴Ngày Sabát kế tiếp, gần như cả thành đều qui tụ lại để nghe Lời Chúa. ⁴⁵Thấy vậy, những người Do Thái đầy lòng ghen ghét; họ lộng ngôn, khích bác những điều Phaolô giảng. ⁴⁶Vì thế, Phaolô và Barnaba mạnh dạn nói: “Đứng ra, cần phải ngỏ Lời Thiên Chúa cho anh em trước đã; nhưng bởi vì anh em chối từ và tự cho rằng mình không xứng đáng với đời sống vĩnh cửu, thì đây, thưa anh em, chúng tôi quyết định đi đến với các dân ngoại. ⁴⁷Vì Chúa cũng đã truyền cho chúng tôi rằng: “Ta đã đặt con làm ánh sáng muôn dân, để con đem ơn cứu độ đến tận cùng bờ cõi trái đất”.

⁴⁸Nghe những lời ấy, dân ngoại vui mừng tôn vinh Lời Chúa; và tất cả những ai đã được định cho hưởng sự sống đời đều tin theo; ⁴⁹chính nhờ vậy mà Lời Chúa lan rộng trong khắp miền ấy. ⁵⁰Nhưng người Do Thái kích động các phụ nữ thượng lưu đã theo Do Thái giáo, và những lãnh đạo trong thành; xúi họ làm hại Phaolô và Barnaba, và họ trục xuất hai ông ra khỏi lãnh thổ của họ. ⁵¹Hai ông giữ bụi

chân phản đối họ và đi đến Icônô; ⁵²các môn đệ được tràn ngập niềm vui và Chúa Thánh Thần.

Chương 14

Ông Phaolô và Barnaba tại Icônô.

¹Tại Icônô cũng xảy ra như vậy, các ông vào trong hội đường của người Do Thái và giảng dạy, khiến một số đông người Do Thái và Hy Lạp tin theo. ²Nhưng những người Do Thái không tin đã kích động và đầu độc tâm trí những người dân ngoại khiến họ chống đối các anh em. ³Các ông phải ở lại đó một thời gian khá lâu, đặt trọn niềm tín thác vào Chúa, Đấng làm chứng cho lời ân sủng của Ngài, bằng những dấu lạ và những việc kỳ diệu qua tay các ông. ⁴Dân chúng trong thành chia rẽ: một phần đứng về phía người Do Thái, một phần lại đứng về phía các Tông Đồ. ⁵Rồi những người dân ngoại và những người Do Thái, họp với các thủ lãnh của họ, tìm cách lăng mạ và ném đá các ông, ⁶biết

thế, các ông trốn sang các thành Lycaonia, Lýstra và Đéc bê cùng các vùng lân cận ⁷và tại những nơi đó, các ông tiếp tục rao giảng Tin Mừng.

Ông Phaolô và Barnaba tại Lýstra.

⁸Tại Lýstra, có một người què bẩm sinh, anh chưa bao giờ cất chân bước đi được. ⁹Người này nghe Phaolô giảng; ông nhìn thẳng vào anh và thấy anh có Đức Tin để có thể được cứu thoát, ¹⁰nên ông nói lớn tiếng: “Hãy trỗi dậy, đứng thẳng trên đôi chân của anh!”. Anh nhảy lên và bước đi. ¹¹Chúng kiến việc Phaolô vừa làm, đám đông la lên bằng tiếng Lycaonice: “Những vị thần linh đội lốt người vừa xuống giữa chúng ta!”; ¹²họ gọi Barnaba là thần Zeus, và Phaolô là thần Hermê, bởi vì ông là người phát ngôn. ¹³Tư tế của đền thờ thần Zeus ở ngoại thành, đã cho mang đến trước cửa thành những con bò mộng và những vòng hoa. Ông tư tế muốn cùng với đám đông dâng lễ tế.

¹⁴Biết việc ấy, các Tông Đồ Phaolô và Barnaba xé áo mình ra và xông vào đám đông ¹⁵và nói: “Tại sao quý vị lại làm như thế? Chúng tôi đây cũng chỉ là những con người như quý vị thôi, và chúng tôi loan báo Tin Mừng này là: hãy bỏ những thần hão huyền của quý vị, và hãy đón nhận Thiên Chúa Hằng Sống, Đấng tạo thành trời, đất, biển khơi, và mọi thứ trong đó. ¹⁶Ở những thế hệ đã qua, Ngài để cho mọi dân nước xuôi theo con đường riêng của họ; ¹⁷tuy nhiên, Ngài vẫn không ngớt đưa ra dấu chứng về những việc tốt lành của Ngài, bởi vì Ngài vẫn cho mưa từ trời rơi xuống cho quý vị và ban cho quý vị những mùa màng bội thu để có cái ăn và cuộc sống tốt”. ¹⁸Tuy đã nói như vậy rồi, nhưng cũng phải vất vả lắm các ông mới có thể ngăn cản dân chúng tế lễ cho các ông.

¹⁹Bấy giờ những người Do Thái từ Antiokia và từ Icônô kéo đến và thuyết phục được đám đông, họ ném đá Phaolô và kéo ông ra khỏi thành vì nghĩ rằng ông đã chết. ²⁰Nhưng khi các môn đệ vây quanh ông, ông trỗi dậy và đi vào thành. Ngày hôm sau, cùng với Barnaba, ông đi đến Đéc bê.

Kết thúc sứ vụ tiên khởi.

²¹Sau khi các ông đã rao giảng Tin Mừng cho thành ấy và nhận một số khá đông các môn đệ, các ông quay trở lại Lýstra, Icônô và Antiokia ²²các ông củng cố tinh thần các môn đệ; khuyến khích họ giữ vững Đức Tin vì rằng phải chịu nhiều thử thách gian khổ chúng ta mới vào được Nước Thiên Chúa”. ²³Các ông chỉ định những niên trưởng cho từng Hội Thánh, và sau khi cầu nguyện và ăn chay, hai ông ký thác họ cho Chúa là Đấng họ đã tin. ²⁴Các ông ngang qua Pisidia và đến Pamphylia; ²⁵sau khi đã rao giảng Lời cho dân chúng ở Pergê, các ông xuống Attalia. ²⁶Và từ đó các ông vượt biển về Antiokia, nơi trước đây các ông đã được phó thác cho ân sủng của Thiên Chúa, để thực hiện những công việc các ông vừa hoàn thành. ²⁷Khi tới nơi, các ông qui tụ Hội Thánh lại, tường thuật tất cả những gì Thiên Chúa đã cùng làm với các ông, và việc Ngài đã mở cánh cửa Đức Tin cho các dân ngoại. ²⁸Các ông ở lại đó một thời gian dài với các môn đệ.

Chương 15

Công Đồng Giêrusalem.

¹Có những người xuống từ Giuđê, họ dạy anh em rằng: “Nếu anh em không chịu cắt bì theo tục lệ Môsê, anh em sẽ không được cứu độ”. ²Điều đó đã đưa đến sự bất đồng ý kiến và tranh luận không nhỏ giữa Phaolô và Barnaba với họ. Các môn đệ bèn quyết định cử Phaolô và Barnaba cùng một số người khác đại diện cho họ đi lên Giêrusalem để thảo luận vấn đề ấy với các Tông Đồ và các niên trưởng. ³Vậy Hội Thánh tiễn họ lên đường, các ông đi ngang qua vùng Phênicia và Samari, đến đâu cũng tường thuật việc trở lại của các dân ngoại, điều ấy mang lại niềm vui lớn cho tất cả anh em. ⁴Vừa đến Giêrusalem, các ông được Hội Thánh, các Tông Đồ và niên trưởng tiếp đón, và các ông kể lại tất cả những gì Thiên Chúa đã thực hiện với các ông. ⁵Khi ấy một số thành viên trong nhóm những người Pharisêu đã tin, đứng lên phát biểu rằng: “Phải cắt bì cho những người ngoại và dạy họ tuân giữ luật Môsê!”.

⁶Các Tông Đồ và niên trưởng họp nhau lại để xem xét sự việc này. ⁷Sau khi tranh luận khá nhiều, Phêrô đứng lên nói với họ: “Thưa anh em, hẳn anh em đã biết ngay trong những ngày đầu, Thiên

Chúa đã chọn tôi giữa anh em, để qua miệng tôi các dân ngoại được nghe Lời Tin Mừng và tin; ⁸Thiên Chúa, Đấng thấu suốt lòng người, đã làm chứng khi ban Chúa Thánh Thần cho họ cũng như chúng ta; ⁹và không có sự phân biệt nào giữa chúng ta và họ, chỉ nhờ Đức Tin mà lòng họ được tẩy sạch. ¹⁰Vậy bây giờ, tại sao anh em lại thử thách Thiên Chúa, khi tròng vào cổ các môn đệ một cái ách mà cha ông chúng ta cũng như chính chúng ta không sao mang nổi? ¹¹Trong khi chúng ta tin rằng: chính nhờ ân sủng của Đức Chúa Giêsu mà chúng ta được cứu rỗi, cũng giống như họ vậy”. ¹²Toàn thể hội nghị im lặng, rồi người ta lắng nghe Phaolô và Barnaba kể lại tất cả những dấu lạ và những việc kỳ diệu mà Thiên Chúa đã thực hiện cho dân ngoại qua các ông.

Ông Giacôbê nói về luật kiêng chay.

¹³Khi các ông tường thuật xong, ông Giacôbê lên tiếng nói: “Thưa anh em, xin hãy nghe tôi. ¹⁴Ông Simon đã kể lại ngay từ đầu Thiên Chúa đã viếng thăm và tuyển chọn từ các dân ngoại một dân mang Danh Ngài ¹⁵và những lời của các ngôn sứ đều phù hợp với điều đó, như đã viết:

¹⁶“Sau đó Ta sẽ trở lại
và sẽ tái thiết lều Đavít đã sụp đổ,
Ta sẽ tái thiết những gì bị rã mục
và sẽ xây dựng lại lều ấy,
¹⁷để những người còn sót lại và các dân ngoại,
kêu cầu danh Ta, đều tìm kiếm Chúa,
Chúa là Đấng làm nên mọi sự
¹⁸như được biết từ ngàn xưa”.

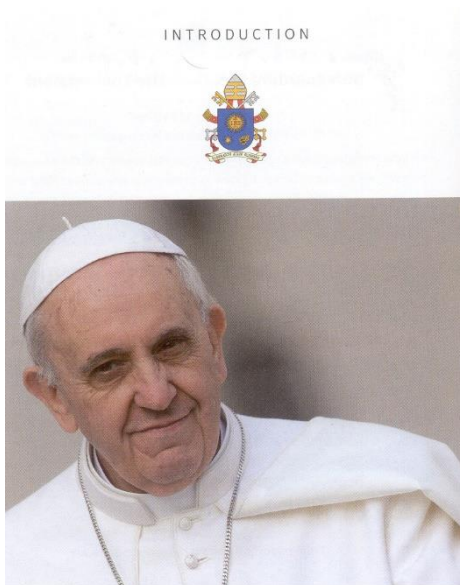
¹⁹Cho nên, phần tôi, tôi ước mong rằng không nên làm khó những dân ngoại muốn trở về với Thiên Chúa, ²⁰mà chỉ cần viết thư khuyên họ kiêng những thức ăn ô uế vì đã cúng cho các ngẫu tượng, tránh gian dâm, kiêng ăn thịt loài vật không cắt tiết và cũng không ăn tiết. ²¹Thật vậy, từ lâu đời ông Môsê đã được người ta rao giảng trong mỗi thành, vì người ta đọc ông vào mọi ngày Sabát trong các hội đường”.

Thư của các Tông Đồ.

²²Bấy giờ các Tông Đồ và các niên trưởng cùng với tất cả Hội Thánh đã quyết định chọn giữa họ những người mà họ sẽ gửi đến Antiôkia cùng với Phaolô và Barnaba. Đây là những người có uy tín trong anh em: Giuđa, cũng còn gọi là Barsabba, và Sila, ²³đây là những gì các ông đã tự tay viết: “Anh em Tông Đồ và niên trưởng chúng tôi gửi lời chào các anh em gốc dân ngoại cư ngụ tại Antiôkia, Syria và Cicilia! ²⁴Chúng tôi nghe biết là có một số người trong chúng tôi, dù không có giấy giới thiệu, đã đến nói những điều gây xáo trộn và hoang mang cho anh em, ²⁵đồng tâm nhất trí với nhau, chúng tôi đã quyết định gửi ít người được chọn đến với anh em, cùng với các anh em thân thương của chúng ta là Barnaba và Phaolô, ²⁶vốn là những người đã tình nguyện hiến dâng cuộc sống mình vì Danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. ²⁷Vậy chúng tôi xin gửi đến với anh em Giuđa và Sila, chính miệng họ sẽ nhắc lại điều này với anh em. ²⁸Chúa Thánh Thần và chúng tôi đã quyết định là không đặt trên anh em một gánh nặng nào khác ngoài những điều sau đây: ²⁹kiêng những thứ thịt đã được dâng cúng lên các ngẫu tượng, kiêng máu, kiêng các loại thịt không được cắt tiết và tránh chuyện gian dâm. Anh em tuân giữ những điều ấy là tốt lắm rồi. Tạm biệt”.

Các đại biểu tại Antiôkia.

³⁰Các vị được sai đi đã lên đường, và xuống Antiôkia, sau khi đã qui tụ đồng đảo các môn đệ lại, họ trình ra lá thư; ³¹nghe đọc thư, tất cả đều vui mừng vì nội dung của thư rất khích lệ. ³²Giuđa và Sila, vốn cũng là những ngôn sứ, đã nói chuyện rất lâu với anh em để khuyến khích và làm cho họ thêm vững mạnh. ³³Sau một thời gian, anh em để họ quay trở lại với các vị đã sai họ đến. ^[34]^[35]Riêng phần Phaolô và Barnaba, hai ông ở lại Antiôkia, và cùng với rất nhiều người khác nữa, các ông giảng dạy và loan báo Tin Mừng Lời Chúa.



“A Christian who in these times is not a revolutionary is not a Christian”.

“Un Chrétien, s’il n’est pas un révolutionnaire en ce temps, n’est pas Chrétien”.

“Một Kitô hữu sống trong thời đại này mà không dám lội ngược dòng thì không phải là Kitô hữu”.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô

Chỉ cá sống mới bơi được ngược dòng.

Khuyết danh (DoCat số 315)

VỀ MỤC LỤC

ĐỨT RUỘT

(Chúa Nhật XXVIII TN B)

Đói thì đầu gối phải bò. Hết gạo chạy rong, nhất nông nhì sĩ. Nhiều ngàn ngữ dân gian như muốn khẳng định rằng cuộc sống con người mãi long đong, vất vả vì các nhu cầu căn bản để sinh tồn xét như là một sinh vật. Chuyện cơm áo, gạo tiền nó nhũn nhiều con người mãi không ngơi. Ăn no, mặc ấm vẫn chưa đủ, còn phải ăn ngon và mặc đẹp. Trong cuộc sống, người ta không chỉ trông mặt mà bắt hình dong mà còn thường hành xử theo kiểu đồng tiền đi trước, mục đích theo sau. Cảnh đời treó ngoe mà không hiếm: “Bần cư náo thị vô nhân vấn. Phú tại sơn lâm hữu khách tầm”. Ngày nay khi có những chuyện bất bình giữa các quốc gia hay tập thể, người ta cũng lại sử dụng đòn chiêu: trừng phạt kinh tế. Đồng tiền đánh liền khúc ruột. Để có được sự tự do với tiền của thì dường như không dễ, ngay cả với những người thường lên tiếng

trong các lãnh vực đạo đức, tôn giáo. Nếu như giờ này Chúa Giêsu nói với chúng ta: “Hãy về bán đi tất cả những gì người có mà cho người nghèo, rồi đến mà theo Ta”, thử hỏi có được bao nhiêu người đáp trả dứt khoát và triệt để như thánh Phanxicô Axidi năm nào.

Người ta dễ dàng nói rằng tiền của mang tính “phù hoa” và nhất là nó không thể theo chúng ta đi vào huyệt lạnh. Thế nhưng, nói thì dễ nhưng sống thì không dễ chút nào. Không ai muốn tự chặt đứt khúc ruột của mình cả. Chẳng ai muốn từ bỏ một thứ sức mạnh vốn rất hiệu nghiệm trong rất nhiều trường hợp, đó là đồng tiền, được ví như “là tiền là Phật, sức bật của tuổi trẻ, sức khỏe của tuổi già, là cái đà của danh vọng, cái lọng che thân...”. Dù là một kiểu nói ngoa ngữ, phóng đại để muốn nhấn mạnh, nhưng chúng ta không thể không giật mình trước lời khẳng định của Chúa Giêsu: “Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu có vào Nước Thiên Đàng” (x.Mc 10,23-26). Các tông đồ kinh ngạc và nói với nhau: Thế thì ai có thể được cứu rỗi, nghĩa là được hưởng phúc Thiên đàng? Khi nói rằng đối với loài người thì không thể, nhưng đối với Thiên Chúa thì mọi sự đều là có thể, Chúa Giêsu muốn khẳng định rằng: hạnh phúc Nước Trời tiên vàn là quà tặng Thiên Chúa trao ban chứ không phải do công sức của loài người chúng ta.

Chúa Giêsu đã từng cảnh báo về mối nguy cơ của tiền bạc khi nó được phong làm thần thánh: “Không được làm tôi hai chủ ...”(x.Mt 6,24; Lc 16,13). Nếu có tiền mua tiên cũng được, thì có thể mua được cả nước thiên đàng! Khi chiều theo chước cám dỗ đề cao sức mạnh của đồng tiền thì người giàu có bị cám dỗ xem hạnh phúc nước trời là điều mình có thể mua, có thể trao đổi bằng công sức hay tiền bạc.

Ngạn ngữ Trung Quốc nói rằng tiền bạc có thể mua được đồng hồ quý nhưng không mua được thời gian; tiền bạc có thể mua được giường sang, nệm êm, chăn ấm, nhưng không mua được giấc ngủ ngon; tiền bạc có thể mua được cao lương mỹ vị nhưng không mua được sự ngon miệng... Nếu xác tín rằng hạnh phúc đích thật là hạnh phúc nước trời, tiên vàn là ân ban của Thiên Chúa, thì những gì chúng ta thu được mà chủ yếu bằng việc trao đổi, mua bán bằng của cải, tiền bạc chắc chắn không phải là hạnh phúc vĩnh cửu.

Vốn là một trong những thiện hảo tự nhiên Chúa dựng nên và ban tặng, nhưng của cải, tiền bạc rất dễ trở thành miếng mồi nhử của thần dữ khiến chúng ta đi trệch hay đi ngược với huấn lệnh Chúa truyền. Không chỉ có chuyện “no cơm ấm cật, dậm dật khắp nơi” mà các mối tương quan cũng dễ bị sứt mẻ do bởi của cải tiền bạc. Tình bác cháu như Abraham với Lót, tình anh em ruột thịt như Êsau và Giacóp cũng đã khó bền vì của cải. Thánh Kinh ghi cùng một câu trong cả hai trường hợp: “họ có quá nhiều tài sản nên không thể ở chung với nhau được” (St 13,6; 36,7). Một khi đã không thể “ở chung” với nhau được thì làm sao có thể ở cùng Thiên Chúa, Đấng là Cha của hết mọi người? Biết bao chuyện chẳng hay, làm nứt vỡ tình mẹ cha, nghĩa huynh đệ... đã từng xảy ra trước mắt chúng ta mà nguyên nhân chính là vì tranh chấp của cải. Thánh Phaolô đã nói với môn đệ Timôtê rằng: “Cội rễ sinh ra mọi điều ác là lòng ham muốn tiền bạc, vì buông theo ham muốn đó, nhiều người đã lạc xa đức tin và chuốc lấy bao nỗi đớn đau xâu xé” (Tm 6,10).

Trong kiếp lữ thứ này, chúng ta không thể sống như thiên thần, chẳng màng gì đến chuyện vật chất của tiền, vì không chừng sẽ rơi xuống thành loài vật (Pascal). Vấn đề đặt ra đó là phải biết làm chủ vật chất, tiền bạc cũng như phải biết tự do với nó. Một mẫu gương đáng cho chúng ta noi theo mà Tin Mừng hôm nay ghi lại đó là Phêrô. “Thầy coi, phần chúng con, chúng con đã bỏ mọi sự mà theo Thầy”. Chúa Giêsu không phản bác nghĩa là Người xác nhận điều ấy. Không phải Phêrô đã vất bỏ mọi sự, của cải vật chất, vì nhà của ngài còn đó, thuyền của ngài còn đó...nhưng ngài sẵn sàng trao dâng cho Chúa khi Chúa cần dùng vì lợi ích của tha nhân, sẵn sàng gác nó một bên để lên đường đi rao giảng tin mừng.

Biết rằng đồng tiền dính liền khúc ruột, tuy nhiên nếu khi khúc ruột ấy là khúc ruột thừa đã bị viêm hay là khúc ruột non dính ung bướu thì không thể không cắt bỏ đi. Nhiều thánh giáo phụ như Hiêrônimô, Augustinô khẳng định rằng những gì chúng ta đang sở hữu trên mức cần thiết đều là của người nghèo. Ước gì thỉnh thoảng chúng ta biết tập sống anh hùng một chút khi sẵn sàng dâng trao vài trăm ngàn, dăm bảy triệu vì một việc từ thiện nào đó hay vì công cuộc truyền giáo nào đó. Quả là không dễ, nhưng không cái khó nào là không thể vượt qua, nhờ ơn Chúa giúp và quyết tâm của chính chúng ta.

Lm Giuse Nguyễn Văn Nghĩa – Ban Mê Thuột

VỀ MỤC LỤC

QUỖ GÓI MÀ LÀM

QUÀ TẶNG TIN MỪNG:

Thứ Ba Tuần XXVII Thường Niên, Năm Chẵn:

QUỖ GÓI MÀ LÀM

Lm. MINH ANH, TGP. HUẾ



Kính mời theo dõi video tại đây:

https://youtu.be/V9VgHgKh_ic

“Chỉ có một việc cần thôi; **Maria đã chọn phần tốt nhất**, và phần đó sẽ không bị ai lấy mất”.
(Lc 10, 42)



“Tôi không biết chúng ta ở trên thế giới này **để làm gì trừ phi là để học cách lên thiên đàng!** Cuộc sống trên trái đất sẽ rất vô nghĩa trừ khi chúng ta được đào tạo ở đây cho một công việc siêu phàm phía bên kia nấm mồ. Vậy từ bây giờ, hãy **‘chiêm ngắm trong hành động’**; nói **cách khác, hãy ‘quỳ gối mà làm’ mọi việc!**” - Alex Maclaren.



Kính thưa Anh Chị em,

Sẽ rất ý vị khi ý tưởng của Maclaren được tiết lộ kín đáo qua câu chuyện Matta - Maria mà Luca cố ý đặt ngay sau dụ ngôn người Samaritanô nhân hậu! Nó **'khôi phục cân bằng'** trong **việc đi theo Chúa**. Bởi lẽ, trở nên **'người thân cận'** có thể khiến một số người nghĩ, chỉ khi **'hành động'**, chúng ta mới yêu mến Chúa. Không hẳn, nó còn là **khi 'chiêm ngắm!'**. Luca muốn nhấn nhủ, hãy **'quỳ gối mà làm'** mọi việc!

Matta, một người hành động đến mức 'nhắng nhít'; cô "tắt bật lo việc phục vụ". Điều này tốt! Nhưng thật tiếc, **đón Chúa Giêsu vào nhà nhưng xem ra, cô không mời Ngài vào lòng;** vì thế, sự phục vụ của cô phần nào vơi đi ý nghĩa. Bằng chứng là cô so nài với cô em! Vậy mà cả Matta lẫn Maria và chúng ta... **mỗi người chỉ có một đời để sống, một thời gian để phục vụ và việc biết lắng nghe và sống Lời lại định đoạt số phận mỗi người,** cũng như làm cho giá trị của người này khác với người kia. Chính việc lắng nghe, để cho **Lời lớn lên, đời sống chúng ta mới được biến đổi; lúc đó, bạn và tôi mới thật là 'người nhà' của Chúa Giêsu.**



Ngài không ngừng nêu gương và dạy chúng ta phục vụ; nhưng phục vụ không được trở thành gánh nặng. Bằng chứng là sau khi Matta cầu nài vì cô em, Ngài lên tiếng, “Con bản khoăn lo lắng nhiều chuyện quá!”. **Một đầy tớ chân chính không nên quá lo lắng, vì điều đó bộc lộ một nội tâm thiếu bình an!** Maria thì dường như không làm gì cả, xem ra lười biếng, thậm chí ích kỷ; nhưng cô “**đã chọn phần tốt nhất**”, và điều này khiến Matta hốt hắng! Phần tốt nhất là gì? Là không làm gì? Không! **Phần tốt nhất là Lắng Nghe, Chiêm Ngắm**; lắng nghe liên quan với **hiểu biết, chấp nhận và thẩm thấu để Lời trở thành một phần cuộc sống mình**. Nếu không dành thời gian lắng nghe, chiêm ngắm, **làm sao bạn có thể biết, hoạt động của bạn được định hướng đúng đắn!**



Anh Chị em,

“Maria đã chọn phần tốt nhất”. Như Maria, mỗi ngày, chúng ta **dừng lại để “chọn phần tốt nhất”**: lắng nghe, phân định và cầu nguyện; nhưng cuối cùng, **hình thức hoạt động cao nhất vẫn là Chiêm Ngắm**. Nếu thấy mình không có thời gian để chiêm ngắm, thì hẳn đã có một sự **mất cân bằng trong các ưu tiên và trong sự hiểu biết của chúng ta về ý nghĩa của việc mến yêu và phụng sự Chúa! Bạn cần ‘khôi phục cân bằng’**. Vì thế, câu chuyện **Matta - Maria kết hợp tuyệt vời với câu chuyện người Samaritanô nhân hậu diễn tả cốt lõi đời sống của một Kitô hữu**. Đó là **hành động xót thương tha nhân ‘được định hướng’ bởi những gì học được từ chiêm ngắm!** Được như thế, chúng ta sẽ nên như Chúa Giêsu - hoặc như Phaolô - **sống làm sao để “vì tôi, họ tôn vinh Thiên Chúa”** - bài đọc một. Điều này cần phải cầu xin, **“Lạy Chúa, xin dẫn con theo chính lộ ngàn đời!”**. Ý nghĩa thay Thánh Vịnh đáp ca!



**Sống
làm sao để:
“Vì tôi,
họ tôn vinh
Thiên Chúa”**

Chúng ta có thể cầu nguyện,

“Lạy Chúa, con lo lắng bối rối vạn chuyện. Giúp con chỉ lo một chuyện, **‘lắng nghe và cung chiêm’**, hầu có thể **‘quỳ gối mà làm’ mọi việc cho Chúa, cho anh chị em con!**”, Amen.

(**lời nhắn**: mọi người đều có thể yêu cầu được nhận bài suy niệm ngắn gọn tương tự của cùng tác giả **trong mỗi ngày**, xin liên lạc qua email: minhanhhue06@gmail.com – xin cảm ơn).

Lm. MINH ANH, TGP. HUẾ

Hẹn gặp lại

VỀ MỤC LỤC

CÁCH CỨU VÃN HỒN NHÂN ĐANG TRỰC TRẠC

Chuyên mục:

TÔI TIN, CHÚNG TÔI TIN

**CÁCH CỨU VẮN HÔN NHÂN
ĐANG TRỤC TRẶC**

Tác giả: Matthew McDonald

Lược dịch: **Phêrô Phạm Văn Trung**

Nguồn: <https://www.ncregister.com/>



Kính mời theo dõi video tại đây:

<https://youtu.be/4qirBdWCD-A>

Lời khuyên từ những cặp đôi đã vượt qua bờ vực

Chồng và vợ suy nghĩ làm thế nào để ***“Đức mến thì nhẫn nhục, hiền hậu, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. Đức mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả”*** (1 Côrintô 13:4-7).

Ivonne Ream nhớ lại khi chồng cũ ôm cô trong bữa tối sinh nhật tại một nhà hàng Ý sang trọng, cô bắt đầu khóc và thầm cầu nguyện – chỉ gần như cầu nguyện thôi.

“Chúa ơi, Chúa biết con ghét người đàn ông này như thế nào.”

Cô nhắc Chúa rằng cô ấy không muốn dính dáng gì đến Tomas nữa. Cô đã ly thân vào năm 2009 và ly hôn vào năm 2013. Cô đã thay thế Tomas bằng những người đàn ông khác, và **cô đã rời bỏ đức tin của mình để lao vào các kiểu thực hành của phong trào Thời Đại Mới – The New Age.**

Nhưng cô vẫn để lại một cánh cửa nhỏ trong lời cầu nguyện của mình: **Chúa muốn gì?**

Trong khoảnh khắc đó, trái tim cô tan chảy. Bao nhiêu năm oán hận, ghẻ lạnh tan biến. Tomas và Ivonne hòa giải và lại bắt đầu chung sống như vợ chồng.



1. Nói lại yêu thương?

Ngày nay, hai vợ chồng Reams điều phối hoạt động tông đồ trong một tổ chức phi lợi nhuận ở San Antonio, Texas, được thành lập vào năm 1999, dùng các nguyên tắc Công Giáo để giúp các cặp vợ chồng sửa chữa các cuộc hôn nhân đang gặp trục trặc. Tổ chức bắt nguồn từ sự hồi sinh của cuộc hôn nhân tan vỡ của Greg và Julie Alexander vào những năm 1990.

Hai vợ chồng Alexanders ước tính rằng họ đã tư vấn cho khoảng **5.500 cặp** vợ chồng kể từ đó. Greg Alexander nói: "Trong số đó **chỉ có 37 cặp mà chúng tôi không thể giúp được.**"

Một phóng viên của Register đã không thừa nhận con số đó, một con số cho thấy **tỷ lệ thành công là hơn 99%.**

Nhưng Greg rất chắc chắn về con số đó. Greg nói hai vợ chồng họ đã chứng kiến những mối quan hệ hôn nhân đổ vỡ được hàn gắn, **bao gồm năm trường hợp mà một trong hai vợ chồng không chỉ không chung thủy mà còn có con ngoài hôn nhân. Việc hòa giải giữa hai**

vợ chồng trọn vẹn đến mức người kia đã đón nhận đứa trẻ vào gia đình và đồng ý nhận đứa trẻ làm con nuôi.



2. Không phải là mới

Hai vợ chồng Alexanders nói rằng phương cách của họ **không có gì độc đáo**. Phương cách đó nhấn mạnh đến các tập tục Công Giáo ngày xưa, chẳng hạn như **kiểm điểm lương tâm - xét mình** - đặc biệt là tìm ra những lúc mà người chồng / vợ đã xúc phạm đến người kia. Người chồng được khuyến khích **xin vợ tha thứ cho một danh sách cụ thể những sai trái anh ta đã làm hoặc những thiếu sót chưa làm**. Người vợ được khuyến khích nói to: **“Em tha thứ cho anh”**. Sau đó, người vợ được khuyến khích đưa ra danh sách những điều lẽ ra đừng làm và đã không nên làm. Sau đó, người chồng nói to: **“Anh tha thứ cho em”**.

Greg nói với Register: **“Tha thứ không phải là một lựa chọn**. Cuối cùng chúng ta phải hiểu rằng nếu tôi quyết định không tha thứ, thì có lẽ tôi đang **tự đặt mình vào tình thế ngăn cản không để cho ơn Chúa giúp tôi tha thứ.**”

Julie nói rằng thừa nhận mình đã có những hư hỏng đối với vợ / chồng cũng là việc mang lại hiệu quả.

Julie nói với tờ Register: “Điều đó khiến bạn phải quỳ gối xuống. Đó là **sự tự kiểm điểm bản thân, về những gì tôi đã làm khiến trái tim Greg bị tổn thương và đau đớn**. Làm như vậy là **khiểm tốn**. Và điều đó giúp bạn thoát khỏi sự kiêu hãnh”.

Sau đó, mỗi người vợ / chồng được khuyến khích **đi xưng tội với một linh mục. Họ nói rằng điều đó rất quan trọng, bởi vì sự tham dự của Thiên Chúa vào hôn nhân bị cản trở bởi tội lỗi và được khích lệ nhờ sự thanh luyện thiêng liêng.**

Hai vợ chồng Alexanders cho biết quá trình tư vấn thường được gói gọn trong bốn hoặc năm buổi.



3. Giải phẫu một cuộc hôn nhân thất bại

Nói một cách thẳng thắn, vợ chồng Alexander mô tả quá trình hình thành, sụp đổ và hồi sinh cuộc hôn nhân của chính họ, trong cuốn sách Hôn Nhân 911 họ xuất bản năm 2011, bao gồm điều mà họ gọi là “Những chi tiết đáng xấu hổ. **Chúa đã cứu cuộc hôn nhân của chúng tôi như thế nào, và Chúa cũng có thể cứu cuộc hôn nhân của bạn!**”

Greg, hiện 59 tuổi và Julie, hiện 57 tuổi, đều đã được nuôi dạy trong đạo Công Giáo. Họ gặp nhau ở trường đại học, chuyển đến sống cùng nhau và sau đó kết hôn. Cả hai đều theo đuổi sự nghiệp **được trả lương cao, có địa vị và lo lắng sửa nhiều thứ, ít dành thời gian cho nhau hoặc cho con cái của họ.** Sau khi sinh đứa con thứ hai, Greg thất vọng dẫn tinh. Việc tiếp xúc trao đổi giữa hai vợ chồng cạn kiệt. Họ trở nên coi thường nhau. Mỗi người có một chuyện yêu đương riêng. Họ đến gặp một linh mục để xin phép được hủy hôn và ly hôn. Thay vào đó, vị linh mục yêu cầu họ **đọc Kinh Thánh và Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo nói về kế hoạch của Chúa dành cho hôn nhân.**

Cả hai đều **chưa từng nghe nói rằng Thiên Chúa có một kế hoạch cho hôn nhân** hoặc kế hoạch đó bao gồm việc chết đi chính mình, mở ra với sự sống mới và **cố gắng giúp người**

vợ / chồng của mình lên thiên đàng. Trong hai ngày, Greg đọc. **Lúc đầu, anh thấy bằng chứng cho thấy Julie đã sai. Sau đó, anh bắt đầu thấy bằng chứng rằng anh đã sai.**

Greg viết trong cuốn sách “Lần đầu tiên tôi thực sự bắt đầu nghĩ rằng có thể - chỉ có thể thôi - **một số việc ích kỷ của tôi đã góp phần khiến cuộc hôn nhân của chúng tôi tan vỡ.**”

Vào buổi tối thứ hai, anh gọi Julie vào phòng ngủ và yêu cầu cô lắng nghe những điều anh đã khám phá ra.

Chính hành động đó đã thay đổi mọi thứ đối với Julie, cô viết trong cuốn sách: “Ngay lập tức, **cứ như thể tôi lại yêu lần nữa, nhưng lần này là một cảm giác hoàn toàn khác,**” đồng thời nói thêm rằng “trái tim tôi... như đang bùng cháy.”



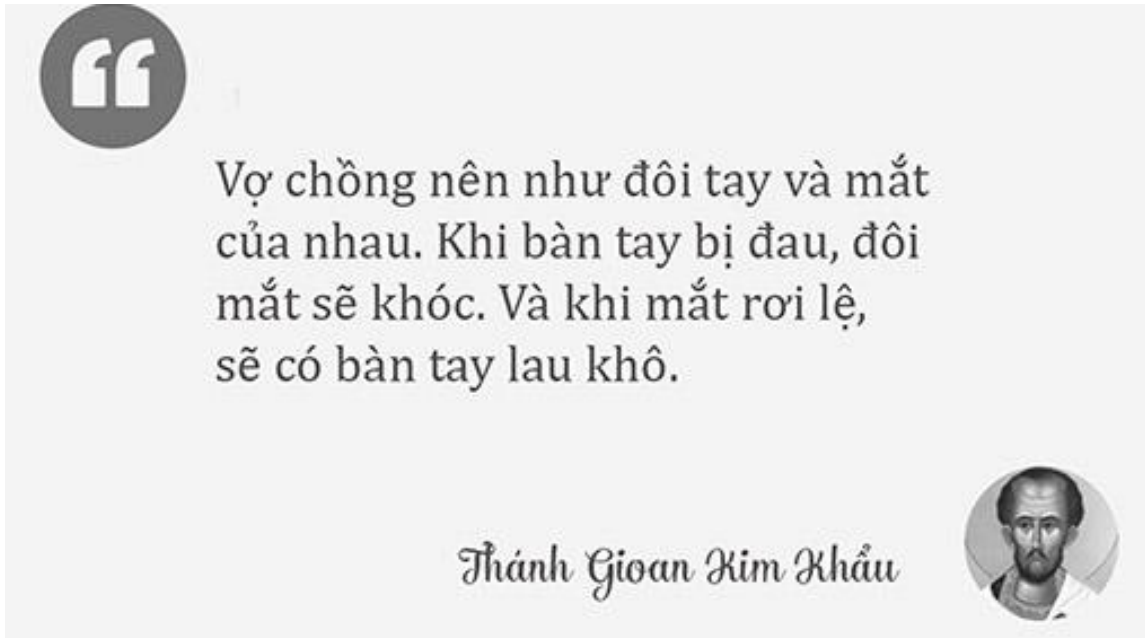
4.Xảy ra nhanh như vậy sao?

Sự tan băng tức thì đó là một chủ đề dai dẳng trong các cuộc hòa giải hôn nhân mà vợ chồng Alexanders đã chứng kiến.

Khi nói chuyện với tờ Register về câu chuyện này, vợ chồng Alexanders cũng đề nghị các cặp vợ chồng khác từng đau khổ đến cuộc phỏng vấn.

Chi tiết thì khác nhau; ví dụ, trong một số trường hợp, người vợ / chồng muốn ra ngoài ở riêng còn người kia thì không. Một số cặp vợ chồng vẫn giữ đạo khi họ kết hôn, một số thì ít giữ đạo hơn.

Nhưng một số vấn đề chung nhất định xuất hiện tại mỗi cuộc phỏng vấn. Trong mọi trường hợp, **vào thời điểm cưới, cả hai vợ chồng đều không hiểu đầy đủ ý nghĩa của hôn nhân. Vợ / chồng mỗi người thừa nhận thiếu sót trong cách sống. Và trong mỗi trường hợp, rốt cuộc khi họ quay lại với nhau, sự hòa giải diễn ra ngay lập tức.**



5. Thành công đến từ sự phó dâng

George Zamura, 51 tuổi và vợ là Robin, 49 tuổi, đều đã được nuôi dạy trong đạo Công Giáo và đi nhà thờ trước và sau khi họ kết hôn vào năm 1993, nhưng họ không mộ đạo lắm.

George thừa nhận thường không quan tâm đến Robin. Trong những năm đầu của cuộc hôn nhân, Robin lo lắng về việc có quá nhiều con nên cô đã sử dụng biện pháp tránh thai nhân tạo.

Mỗi người đều xuất thân từ một gia đình mà người đứng đầu về mặt tinh thần là **mẹ chứ không phải là bố.**

Robin nói: “Tôi thực sự muốn George dẫn dắt gia đình chúng tôi về mặt tinh thần, nhưng tôi nghĩ anh ấy chưa bao giờ thực sự biết cách làm như vậy và không đảm nhận được vai trò đó. Có lẽ chẳng ích lợi gì khi tôi chỉ trích và phán xét về cách anh ấy làm mọi việc... Không ai muốn thử nữa sau khi bị bắt câm miệng một hoặc hai lần.”

George muốn ra ngoài ở riêng vào khoảng năm thứ tư. Họ quay lại với nhau, nhưng sau 15 năm, anh lại muốn ra ngoài ở riêng. Tám tháng tư vấn cũng chẳng khiến anh cảm thấy khá hơn về cuộc sống hôn nhân của mình.

Robin nói: “Đôi khi tôi thực sự thất vọng, và tôi sẽ nói trong cuộc trò chuyện với Chúa, **“Con không còn quan tâm chuyện này sẽ kết thúc như thế nào, ngay cả khi phải ly hôn. Con chỉ**

muốn nổi đau qua đi.” Và tôi nhớ là mình đã nghe Chúa nói, **“Hãy kiên nhẫn. Ta có việc phải làm cho con.”**

Robin nói: “Suốt thời gian đó tôi vẫn nghĩ rằng mình đang **bỏ mặc việc đó cho Chúa**, nhưng tôi nhận ra rằng mình không phải như vậy... **Tôi đã đến với Chúa, và tôi hoàn toàn phó dâng điều đó.”**

Cô nói với Chúa: “Con biết rằng Chúa biết điều gì là tốt nhất. Và con tin tưởng rằng **bất cứ điều gì Chúa cho phép xảy ra đều có mục đích của nó.”**

Robin yêu cầu George cầu nguyện và nghỉ vài ngày để **xem xét tình trạng tâm hồn của anh ấy**. Anh đã làm như thế. Trong một khách sạn ở thành phố khác, cuộc sống một mình của George dường như không mấy hấp dẫn.

George nói: “Tôi đã hiểu được cảm giác khi ở một mình sẽ như thế nào. Nó vừa mở mắt cho tôi. Sự ích kỷ mà tôi có đó, tôi vừa nhận ra rằng điều đó là gì. ... Điều tôi nhận ra là, **tôi cần phải trở thành một người chồng tốt hơn, một người cha tốt hơn.”**

George về nhà vào buổi tối và thấy ngôi nhà vắng vẻ. Anh biết rằng Robin đã đến nhà chị gái của cô ấy vào cuối tuần. Anh yêu cầu cô về nhà.

Robin nói: “Tôi hy vọng điều tốt nhất nhưng vẫn chuẩn bị cho điều tồi tệ nhất. Khi tôi trở về nhà, anh ấy như trở thành một con người khác vậy. **Tôi nhìn thấy một ngọn lửa trong mắt anh ấy mà tôi chưa từng thấy. Anh ấy sẵn sàng xin tôi tha thứ và tiếp tục đời hôn nhân”.**

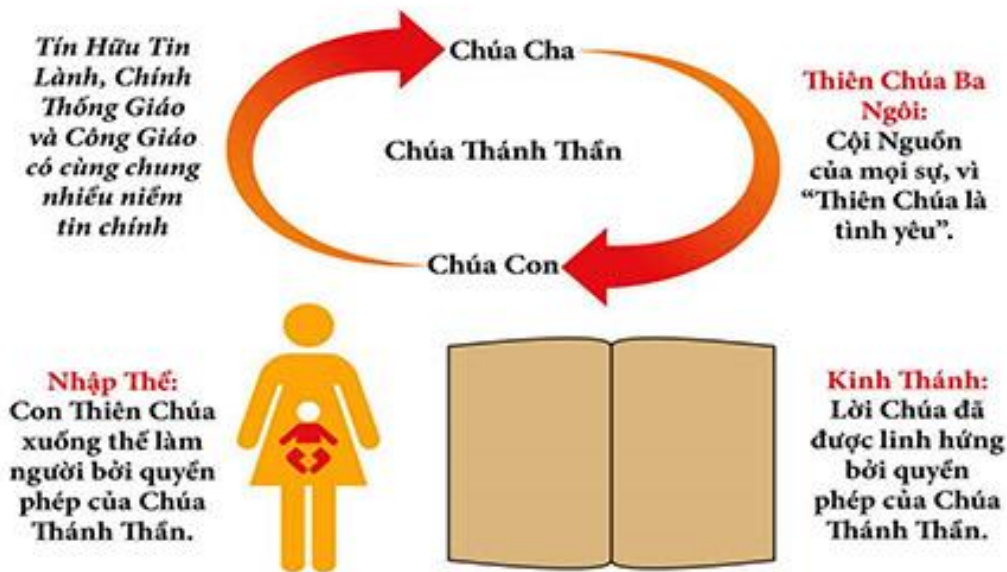
George và Robin lúc nào cũng khiêu vũ không hợp với nhau. Robin nói, vấn đề là ai cũng muốn mình điều khiển.

Tuy nhiên, ngay sau khi họ hòa giải, George đề nghị đi đến một vũ trường. Họ đã kết thúc bài nhảy nhịp 2/4 tại một địa điểm chuyên về nhạc đồng quê và nhạc miền Tây.

Robin kể: “Khi anh ấy nói, ‘Chúng mình đi khiêu vũ đi’, tôi nghĩ anh ấy thực sự không muốn cuộc hôn nhân này thành công.” Nhưng cô ấy vẫn thử. Lần này, **cô quyết định để George điều khiển mình.**

“Tôi đã lên sàn nhảy. Tôi nhắm mắt lại và điều tiếp theo tôi biết là chúng tôi đang khiêu vũ rất ăn ý,” Robin nói. **“Điều tiếp theo tôi biết là chúng tôi đang ăn ý với nhau tốt hơn bao giờ hết.”**

Tất Cả Kitô Hữu Đều Tin...



6. Đèn bật sáng

Tomas và Ivonne Ream, được đề cập ở phần đầu của câu chuyện này, cả hai đều giữ đạo khi bắt đầu cuộc hôn nhân của họ: họ đi lễ hàng ngày và là thành viên của Opus Dei. Nhưng Ivonne nói với Register rằng cô ấy không hiểu những từ then chốt trong đoạn hứa hôn nhân **“tự do, trọn vẹn, chung thủy”**. Ivonne nói: “Tôi không biết những từ đó có nghĩa là gì. Chúng ta phải phối hợp với ơn Chúa. Tất nhiên, tôi đã không biết làm thế nào để phối hợp với ân sủng. **Tôi có những chữ đó trong đầu, nhưng tôi không có những chữ đó trong tim.**”

Cô ấy nói rằng không có chuyện gì to tát khiến cô rời bỏ Tomas. Chỉ đơn giản là cô trở nên không hài lòng với anh ấy. Ivonne nói: “Tôi nghĩ rằng anh ấy đáng ra phải làm cho tôi hạnh phúc, đó là nghĩa vụ của anh ấy mà.” Cô ấy nghĩ về hôn nhân theo kiểu thực hiện được mong muốn của bản thân mình.

Ivonne nói: “Tôi bỏ anh ấy vì tôi nghe theo thế gian. **Cái chữ “đáng lẽ ra” đang giết chết phụ nữ ngày nay: “Tôi đáng được anh ấy làm cho hạnh phúc.” “Tôi đáng giá hơn nhiều so với người mà tôi đang ngủ cùng.”**

Còn Tomas thì lại có những cuộc chiến đấu khác. Những người khác nói với anh rằng cuộc hôn nhân là không thể cứu vãn. Tomas nói: “Ngay cả một linh mục cũng bảo tôi để cô ấy ra đi.”

Nhưng khi hôn nhân tan vỡ thì tính chất bền vững của nó lại trở nên rõ ràng hơn với anh. Tomas nói: **“Một trong những điều mà tôi có thể hiểu được khi chúng tôi ly thân và ly dị đó là chúng tôi là một.”**

Ivonne nói, để thăng tiến hôn nhân, và đặc biệt là những cuộc hôn nhân cá biệt, cần phải **tin vào hôn nhân là gì**. Ivonne nói: “Chúng ta thực sự cần phải bắt đầu tin vào **năng quyền của bí tích. Đó là Chúa Kitô.**”

Bây giờ, Ivonne nói rằng cô ấy mong chờ Ngày phán xét và khoảnh khắc Chúa phục sinh Tomas. Ivonne nói: “Bởi vì chồng tôi là người hỏi trước, tôi nghĩ gì về anh ấy, tôi muốn nói với anh ấy: **“Chúa ơi, con không biết phải làm sao để yêu anh ấy nhiều hơn nữa.”** Cô nói: “Anh ấy là người con yêu nhất, chỉ sau Chúa mà thôi.”



Phêrô Phạm Văn Trung,

Hẹn gặp lại

https://www.ncregister.com/features/how-to-save-a-troubled-marriage?utm_campaign

VỀ MỤC LỤC

CÓ PHẢI THIÊN CHÚA MUỐN CÁC TRẺ EM PHẢI CHẾT?

Lm. Giuse Vũ Thái Hòa

Mỗi ngày trên thế giới có hàng ngàn người chết. Có những cái chết khiến chúng ta đau buồn vì đó là những người thân, người chúng ta thương yêu. Có những cái chết tưởng chừng như không đụng chạm gì đến chúng ta, bởi đó là những người chúng ta không quen biết, những người không liên quan gì đến chúng ta. Nhưng cũng có những cái chết khiến lòng chúng ta thất lại, cho dù người qua đời không có liên hệ gì với chúng ta, như cái chết của những nạn nhân thiên tai, thảm họa. Và con tim chúng ta biết bao lần phải thổn thức khi chứng kiến cái chết của những em bé...

Thật khó chấp nhận trước những cái chết như vậy phải không, khi mà các em còn rất nhỏ, rất đẹp, rất đơn sơ, hồn nhiên, ngây thơ và hoàn toàn vô tội. Rồi bất giác chúng ta tự hỏi: tại sao ??? Chúng ta cố gắng đi tìm nguyên nhân, chúng ta muốn có ai đó chịu trách nhiệm về cái chết của những đứa trẻ vô tội này. Và, cho dù là tín hữu hay không, khi không tìm được câu trả lời, chúng ta thường hướng cái nhìn về phía Thiên Chúa, về Thượng Đế, nếu không phải để trách móc, thì ít nhất chúng ta cũng muốn Người đưa ra một câu trả lời.

Nhưng có phải Thiên Chúa muốn cái chết của những em bé vô tội này không? Câu trả lời là: KHÔNG! Không, Thiên Chúa không muốn cái chết của bất kỳ ai, đặc biệt là cái chết của trẻ em và người trẻ! Kinh thánh mạc khải cho chúng ta biết rằng, Thiên Chúa là Đấng ban sự sống và muốn sự sống, muốn sự giải thoát và hạnh phúc cho dân của Người. Cái chết không nằm trong kế hoạch sáng tạo của Thiên Chúa. Sách Khôn Ngoan nói rõ như vậy: *“Thiên Chúa không làm ra cái chết, chẳng vui gì khi sinh mạng tiêu vong”* (Kn 1,13).

Thiên Chúa không phải là “tác giả” của cái chết. Vì vậy cái chết của bất cứ ai, dù là nam hay nữ, hay một em nhỏ không làm Chúa hài lòng chút nào! Thiên Chúa không dùng cái chết của một em bé để trừng phạt hay thử thách gia đình và thân nhân của em, cũng không phải để cảnh cáo hay đe dọa họ! Thiên Chúa mà chúng ta tin không độc ác, không vô nhân đạo như vậy! Trước những cái chết trẻ, chúng ta thường nghe những lời an ủi như “Bông hoa đẹp Chúa hái về sớm...”. Nhưng những kiểu nói như vậy đôi khi lại gây hiểu lầm và có thể làm cho người ta bỏ Chúa, vì nghĩ rằng chính Chúa đã “hái” những người thân của họ ra khỏi cuộc đời.

Vậy tại sao lại có cái chết? Tại sao có những người chết khi còn rất trẻ, khi cuộc đời phía trước của họ còn đang rất đẹp với rất nhiều ước mơ và dự án? Tại sao lại có cái chết của những đứa trẻ vừa mới bắt đầu khám phá sự sống, vừa mới bắt đầu ngập lặn trong tình yêu của cha mẹ và gia đình?

Trước tiên, chúng ta phải tìm cách trả lời những câu hỏi này không phải ở phía Thiên Chúa mà là ở phía chúng ta, ở phía nhân loại của chúng ta, ở phía con người vốn được tạo nên từ sự mong manh và giới hạn. Tất cả chúng ta ai rồi cũng sẽ chết. Cuộc sống của chúng ta đều đang hướng tới cái chết. Có một cảm giác không thỏa, như thể một sự bất công khi chúng ta chứng kiến cái chết của những người trẻ hay các trẻ em, khi họ dường như chưa kịp sống thì đã phải rời bỏ cõi đời này. Nhưng chỉ có một lời giải thích cho sự ra đi quá sớm này của họ, đó là cái chết là một phần tất yếu của thân phận con người.

Vậy Thiên Chúa ở đâu và Người làm gì trước cái chết của một người trẻ? Thiên Chúa không ngăn cản cái chết đến. Thiên Chúa không giơ tay ngăn cản mọi việc đang diễn ra trên trái đất. Đó không phải là vai trò của Người. Nhưng Chúa không ở xa. Chúa đang ở với đứa trẻ đã chết và bên cạnh những người thân của em.

Kinh Thánh kể cho chúng ta rằng, Chúa Giêsu đã khóc khi bạn của Người là Lagiarô qua đời. Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa và là chính Thiên Chúa đã khóc thương trước cái chết của

bạn mình; Chúa khóc thương cái chết của những người mà Người yêu thương. Thiên Chúa không ngăn cản cái chết đến với con người, nhưng Người cũng không bỏ rơi con người trong cái chết. Người ở bên cạnh để chia sẻ nỗi đau buồn của những người vừa mất đi người thân. Và nơi cái chết của Chúa Giêsu, Thiên Chúa đã chia sẻ đến tận cùng thân phận phải chết của con người.

Nhìn vào cái chết của Con Thiên Chúa, và Người đã chết trẻ, có thể không làm tan biến nỗi buồn mất đi người thân của chúng ta, nhưng ít ra nó đem lại cho chúng ta ánh sáng trước sự tối tăm của cái chết. Vì Chúa Giêsu không bị chôn vùi trong cái chết. Người đã phục sinh.

Sự phục sinh của Chúa Kitô là nền tảng đức tin Kitô giáo của chúng ta. Điều đó có nghĩa là gì? Điều đó có nghĩa là cái chết không phải là sự kết thúc của mọi sự, nó là con đường đưa tới cuộc sống vĩnh cửu. Chúa Giêsu mời gọi chúng ta đặt niềm tin và hy vọng vào Người, vì Người đã chiến thắng sự chết. Người nhắc nhở chúng ta rằng Thiên Chúa có quyền trên sự chết; và Người sẽ hủy diệt sự chết trong ngày sau hết (xem 1 Cr 15,51-54).

Trong lễ an táng của trẻ em, chúng ta thấy Giáo Hội không cầu nguyện cho các em nhưng cầu nguyện cho cha mẹ và gia đình của em đang đau buồn trước cái chết của con họ, vì Giáo Hội tin rằng các em đã được ở với Thiên Chúa: *“Lạy Chúa, Chúa thấy nỗi đau của những người thương tiếc cái chết của con mình: xin hãy đến an ủi họ trong cơn thử thách này. Bởi vì Chúa đã đưa em T. vào cuộc sống trên thiên đàng, là người đã được tắm trong nước rửa tội, xin ban cho chúng con một ngày kia được hưởng, niềm vui bất tận với em...”**. Ngay cả những trẻ em chưa được rửa tội, Giáo Hội phó thác các em cho lòng thương xót Chúa và cũng chỉ cầu nguyện cho cha mẹ, bạn bè của các em mà thôi: *“Lạy Chúa nhân từ và thương xót, chúng con cầu xin Chúa cho cha mẹ và bạn bè của em T.. Giờ đây họ thương tiếc em đã bị lấy đi khỏi họ: xin cho tình âu yếm của Chúa nâng đỡ và an ủi họ.”* *

Sự dữ - đau khổ - sự chết luôn đặt ra cho con người những câu hỏi không có câu trả lời. Nhưng thay vì tìm câu trả lời bằng cách chất vấn Thiên Chúa khi phải đối diện với đau khổ, sự dữ và cái chết, tại sao chúng ta, những người tin vào Thiên Chúa, chúng ta không tìm câu trả lời bằng cách bước vào đau khổ, sự dữ và cái chết mà Con Thiên Chúa đã trải qua, để thấu hiểu phần nào tình yêu Người dành cho chúng ta. Thiên Chúa đã chiến thắng sự chết bằng sức mạnh của tình yêu để nói cho chúng ta rằng, chỉ trong tình yêu chúng ta mới vượt qua được đau khổ, sự dữ và cái chết mà không cần có câu trả lời. Vì như người ta vẫn nói, tình yêu mạnh hơn sự chết. Mọi sự sẽ qua đi, chỉ có tình yêu mới bất diệt (xem 1 Cr 13,8a) và tồn tại trên nước Trời, nên ngay từ bây giờ, chúng ta hãy sống yêu thương nhau.

(*) Dịch từ Nghi thức Thánh lễ An táng của Ủy Ban Phụng Tự các quốc gia nói tiếng Pháp *“Dans l'espérance chrétienne – Célébration pour les défunts”*, Desclée Mame, 2008, n° 265 & 270.

Lm. Giuse Vũ Thái Hòa

VỀ MỤC LỤC

BA THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI TIỀN BẠC (CN 28B)

Bài Tin Mừng hôm nay thuật lại chuyện chàng thanh niên giàu có muốn nên trọn lành, nhưng đã bỏ qua lời khuyên của Chúa để nên trọn lành, là hãy về bán hết của cải, phân phát cho người nghèo, rồi đến theo Chúa. Chàng đã buồn rầu bỏ đi vì chàng rất giàu có tiền bạc. Ta hãy mượn bài gợi ý của Đgm Bùi Tuần để suy gẫm về tiền.

Tiền không biết nói, nhưng bao giờ cũng có tiếng nói về đồng tiền. Tuy nhiên nói chưa nhiều bằng nghĩ. Máy gia đình không có những người nghĩ đến tiền, dù chỉ trong một buổi.

Tiền chẳng cần ai, nhưng ai cũng cần tiền. Cần mà không dễ có. Muốn có phải lo tìm. Tìm hoài vẫn thường không đủ. Không đủ nên mới lại cần; cái vòng lẩn quẩn đó dắt con người làm quen với tiền. Từ quen tới quen thuộc. Từ quen thuộc tới quen thân, cứ thế đồng tiền ung dung đi vào cuộc đời con người bằng đủ mọi đường mọi ngõ.

Đồng tiền là vật chất nhưng nó không như sự vật khác. Dù rách, dù hôi nó vẫn được quý. Dù đẹp dù xấu nó vẫn được yêu. Dù mới tinh còn thơm mùi mực in hay cũ kỹ nhàu nát, nó vẫn được cất giữ. Phải chăng tương quan giữa người và tiền có gì đặc biệt ?

Ta có thể kể ra 3 tương quan :

1- CON NGƯỜI CẦN TIỀN.

Con người cần tiền không phải vì tiền. Mà con người cần tiền vì tiền cho những trị giá : cho những trị giá vật chất và cho cả trị giá tinh thần. Trị giá vật chất là tôi cần ăn, tiền cho tôi những ký gạo. Tôi cần uống, tiền cho tôi chai nước cam. Tôi cần mặc, tiền cho tôi quần áo. Tôi cần nơi ở, tiền cho tôi mái nhà... Trị giá tinh thần là khi tôi cần tiền trao cho một người túng thiếu, tôi không mua được cái gì vật chất, nhưng tôi có niềm vui vì đã giúp đỡ. Trị giá tinh thần là khi tôi mua một cuốn sách: sách kiến thức mở mang tâm trí tôi, sách thiêng liêng, dạy tôi kết hợp với Chúa hơn. Sách nhân bản giúp tôi sống xứng đáng là người nhất. Một con người hơn con vật nhờ tinh thần. Linh ư vạn vật

Trị giá tinh thần cũng có thể là những ngày nghỉ ngơi, những giờ giải trí, những phút vui chơi, tạo thành thời tâm hồn. Phải có tiền mới có những giá trị đó. Dùng tiền để mua những nhu cầu, những cái cần thiết cho cuộc sống: đó là thái độ thông thường nhất của những con người trong tương quan với tiền. Con người cần tiền.

Nhưng người ta cũng thường nói: 'Được voi đòi tiên', Muốn được tiên, phải có tiền. Có tiền mua tiên cũng được. Vì thế, từ "cần tiền", con người khi thấy mãnh lực hấp dẫn của nó sẽ dễ dàng chuyển sang mê tiền.

2- CON NGƯỜI MÊ TIỀN.

Khi thấy đồng tiền không chỉ mua được những trị giá vật chất và tinh thần cần thiết, mà còn có thể mua được nhiều cái hơn thế nữa, nhất là trong xã hội tư bản, chuộng đồng tiền, thì người ta mê tiền, khi mê thì ca tụng nó:

Đồng tiền là tiên là phật – Là sức bật của tuổi trẻ, Là sức khoẻ của tuổi già, là cái đà của danh vọng, là cái lọng che thân, là cán cân công lý. Ôi đồng tiền, hết ý.

Rồi nhìn vào xã hội, thấy người có nhiều tiền được kính nể. Nghề có nhiều tiền được coi là nghề quý. Người khéo làm ra tiền được coi là người giỏi... vì thế mà đồng tiền lôi cuốn người ta theo nó. Con người trở thành kẻ mê tiền, để, có tiền thì được kính nể, được khen là người giỏi, nhanh nhẹn tháo vát thành công. Để được gọi là ông : “Còn tiền còn bạc còn đệ tử – Hết cơm hết gạo hết ông tôi” (N.B.Khiêm)...

Con người cần tiền để giải quyết các nhu cầu. Mà nhu cầu thì diễn ra hàng ngày. Do đó con người có thói quen dùng tiền. Mà thói quen nào cũng có thể chuyển thành đam mê. Quen chơi bài thành mê bài bạc. Quen chơi gà thành mê đá gà. Quen dùng tiền, thấy tiền tiện lợi, bỏ túi được, đưa cho ai họ cũng nhận không trả giá kỳ kèo như khi trao đổi đồ vật – thì mê tiền. Mê đến cực độ thì mù quáng. Ta gọi đó là tương quan thứ ba:

3- CON NGƯỜI THỜ TIỀN.

Đam mê cái gì quá mức thì tôn thờ cái đó: trở thành mù với tất cả mà chỉ sáng thấy với cái mình thờ. Người ta nói đam mê sắc dục thì mù quáng nhất. Nhưng thiết tưởng tính mê tiền cũng mù quáng không kém. Người đam mê sắc dục tới độ nào đó sẽ biết mình lỗi lầm, hối hận. Còn người mê tiền thì có thể mơ đến nó suốt đêm, bàn đến nó suốt ngày, vợ vét nó suốt tháng và tích trữ nó cả năm mà vẫn không thấy (mù quáng) vấn đề ít ra thỉnh thoảng cần xét lại. Họ tự phụ trong cái mê đó. nhiều khi còn mặc cho nó chiếc áo đạo đức: tôi kiếm tiền như thế mới giúp đỡ kẻ khó, mới mở rộng Nước Chúa được, mới đủ điều kiện giáo dục con cháu.

Bây giờ thử hỏi chúng ta có phải là kẻ mê tiền không thì chắc gần như 99% ta sẽ trả lời là không, huống hồ là câu hỏi ta có thờ tiền không – thì càng trăm phần trăm “no way”. Vì trên bàn thờ của ta trong gia đình vẫn là Trái Tim Chúa chứ đâu có đồng bạc nào. Ta đâu có thờ nó.

Nhưng ta không để tiền trên bàn thờ mà để trong lòng trong trí ta hầu lúc nào cũng nhớ đến nó, –thì còn thờ nó hơn 100 lần ta để trên bàn thờ. Mà có cái lạ là càng giàu càng nghĩ tới nó. Thử làm một quan sát nhỏ : Mỗi tuần có một thánh lễ Chủ nhật, tạm gọi là giờ thờ phượng Chúa đúng nghĩa. Nhưng thử xem ai là kẻ đến trễ, ai là kẻ về sớm, ai là kẻ không đi ? Hình như xã hội, lớp người càng khá giả ra, càng làm ra tiền thì càng xa Chúa hơn. Ấy là chưa nói thánh lễ giờ kinh ngày thường.

Đồng tiền là khúc ruột. Đựng tới tiền bạc là đựng tới khúc ruột của nhiều người. Muốn đựng tới mà không đau, cần phải có nhiều giờ để rào trước đón sau, diễn giải dẫn dụ, nhưng điều đó lại không làm được trong giờ phút ngắn ngủi chia sẻ Lời Chúa này vì cũng còn phải kết thúc sớm đặng về lo làm ăn kiếm tiền – dù hôm nay là CN nữa chứ !

Nhưng ta nhớ rằng Chúa Giêsu nói không ai có thể thờ hai chủ : vừa thờ Thiên Chúa vừa thờ Tiền ! Cái nguy cơ là ta thờ tiền mà ta không biết. Xin cho lời kinh Tin Kính mà ta sắp tuyên xưng trong đó ta tuyên xưng chỉ thờ một Thiên Chúa duy nhất, chỉ tin kính mình Ngài, luôn ở mãi trong tâm trí ta, để dù bận rộn làm ăn, ta vẫn không đặt Chúa bên lề, đặt tiền trên cao. Amen

Lm Anphong Nguyễn Công Minh, OFM

(lấy gần như toàn bài của Đgm Bùi Tuần)

VỀ MỤC LỤC

HÀNH TRÌNH THEO DẤU CHÂN PHAOLÔ (FOLLOW PAUL'S FOOTSTEPS)

Bernard Nguyễn-Đặng

Viết một chủ đề nóng bỏng, lắm người muốn viết, không nhất thiết là để được hàng vạn, triệu cái [like] nơi Youtube. Nhưng, viết một chủ đề về tôn giáo, đức tin, xảy ra 2000 năm trước, ở một nơi xa tít mù khơi, ít người Việt muốn, không khả năng, hoặc chưa hề được đặt chân đến—thật khó.

Viết ít—không trọn ý, thoả lòng. Viết nhiều—ai có thời giờ đọc; hoặc có mấy ai có cùng sở thích hay đam mê.

Thôi, liêu, cứ viết—viết như Phaolô đã liêu mạng ra đi...đến những nơi vô định, đối diện bao nhiêu nghịch cảnh và gian truân. Viết như chính mình cũng đã liêu, lao vào một hành trình với nhiều thử thách—trước hết là tuổi tác, sức khoẻ và tài chánh. Thứ đến, ra đi để làm gì? Chẳng phải vì học hành, bằng cấp, nhu cầu của chức nghiệp, hay công ăn việc làm—không. Thôi, cứ đi...và đã đi.

Bước vào ngưỡng cửa bảy mươi, hầu như ai nấy đều an phận tuổi già, sống an nhàn bên gia đình, con và cháu—nhưng sao, mình lại dấn thân vào một hành trình rất ư dài và nhiều thử thách, từ thủ đô Hy-Lạp—Athens—đến nhiều nơi Phaolô đã một lần đến, sống, giảng đạo, quan trọng nhất là đã viết nhiều “Thư”. Chính những “Thư” đó đã trở thành một phần rất quan trọng trong kinh thánh tân ước. Có mấy ai tự hỏi—nếu, không có một “Thư” nào mang tên, hoặc nhắc đến Phaolô; không có Công Vụ Tông Đồ (CVTD), liệu kinh thánh tân ước sẽ ra sao? Nhiều học

giả kinh thánh lại đặt vấn nạn nhức nhối hơn nữa—Không có Phaolô, liệu có một tôn giáo mang tên Kitô giáo chăng?

Mình viết vội, vì trong tâm hồn hẳn còn nhiều dư âm của hành trình mấy tháng qua. Không hề có tham vọng bén mảng đến rất nhiều chủ đề chỉ dành cho các học giả, chuyên gia, giáo sư kinh thánh tân ước—đơn cử như: Phaolô: Nhà thần học tiên phong của Kitô Giáo; Phaolô: Con người lịch sử; hoặc, chủ đề hết sức nóng bỏng và nằm ở một tầng mức cao, vượt xa ngoài tầm của những gì mình muốn viết và chia sẻ: “*Phaolô: Người theo đức Giêsu hay là người sáng lập ra Kitô Giáo?*” [1]; hay “*Phaolô: Người Thiết Lập Kitô Giáo—Paul: The Founder of Christianity*” [2]

Tác giả David Wenham, đã kê khai các sách, tài liệu tham khảo dài đến 15 trang trong tác phẩm của ông “*Paul: Follower of Jesus or Founder of Christianity.*” Nghĩa là, muốn am hiểu lý luận và góc độ nhận định của tác giả về chủ đề, độc giả nên đọc qua tất cả sách, tài liệu tham khảo kê khai trong 15 trang đó, trước khi có khả năng, hoặc thẩm quyền để đánh giá nội dung và hướng kết luận của tác giả về Phaolô. Đó là một việc nghiên cứu, công tác khoa học chuẩn mực và lý tưởng.

Đúng 20 năm trước (2002), học giả kinh thánh tân ước và là trưởng khoa thần học nổi tiếng người Đức, Gerd Ludemann, đã xuất bản cuốn sách, mang tên “*Paul-The Founder of Christianity*”, do nhà xuất bản Prometheus Books tại New York phát hành. Khởi đầu, ông bàn về con người lịch sử của Phaolô, thân thế và sự nghiệp—tuần tự theo thời gian (chronology); rồi ông đi ngay vào “Thư” mang tên của Phaolô gửi giáo đoàn Philemon. Trước khi đi vào trọng tâm của cuốn sách, ông đưa ra: Phaolô—con người Do Thái, con người từ hai miền Hy-Lạp-Roma (Greco-Roman), con người Kitô hữu, tông đồ của đức Giêsu, tương quan giữa Phaolô và đức Giêsu—sau khi trưng dẫn những dữ kiện ắt có và đủ, ông nói về tiêu đề chính: Phaolô—chính là người thiết lập Kitô giáo. Phần phụ lục (Appendix), ông đưa ra Thư 2 Thessalonians—cho rằng, đây là ngụy tạo, chứ không phải chính Phaolô viết. Phụ lục kế tiếp—phê bình của Phaolô trong Thư gửi James và Thư thứ 2 của Phêrô (Criticism of Paul in the Letter of James and in the Second Letter of Peter”.

Trong “Lời Phi Lộ”, ông viết, “...*dựa vào những nghiên cứu về Phaolô trong một giai đoạn hơn hai mươi lăm năm. – based on studies in Paul which stretch over a period of more than twenty-five years*” – cho thấy, để viết một cuốn sách, tuy không nhiều trang, không dày lắm, nhưng phải mất hơn một phần tư thế kỷ để một học giả có thể cô đọng lại thành cuốn sách chỉ gần 300 trang.

Trước khi xuất bản cuốn sách này, Ludemann đã xuất bản bốn (4) cuốn sách khác về, hoặc liên quan đến Phaolô— 1) Paul: Apostle of the Gentiles: Studies in Chronology (Fortress Press, 1984); 2) Opposition to Paul in Early Christianity (Minneapolis-Portress Press, 1989); 3) Early Christianity According to the Tradition in Acts: A Commentary (Minneapolis Fortress, 1989); và 4) Heretics: The Other Side of Early Christianity (Louisville Wesminster John Knox Press, 1996).

Khi nghiên cứu, viết và giảng dạy, ông viết: “*Khi tôi nghiên cứu về Phaolô, tôi muốn khám phá những gì ông đã làm, thực hiện, ước muốn, suy nghĩ và cảm nhận—When doing research on Paul, I want to discover what he really did, wanted, thought and felt.*”

Dù sâu hay cạn, cao hay thấp, ít hay nhiều...mình phải viết...về...

Phaolô (Paul) là ai? Câu hỏi hơi thừa và người nghe cũng chán. Phaolô là ai mà đã thay đổi thế giới qua một tôn giáo mới, mang tên Kitô Giáo—trong đó có Chính Thống Giáo, Công giáo Roma và Tin Lành—các giáo phái dựa vào kinh thánh tân ước làm nền tảng. Hàng trăm tác giả và hàng vạn sách, tài liệu, biên khảo đã viết về Phaolô. Trong khuôn khổ giới hạn, mình chỉ tóm gọn, rất ngắn và giới hạn trong góc nhìn một người Kitô hữu.

Phaolô là ai mà giáo hội công giáo Roma đã nâng ông lên ngang hàng với vị thánh đứng đầu giáo hội—Phêrô (Peter/Pierre)—người đã được chính đức Giêsu tuyển chọn và phong làm người lãnh đạo tiên phong. Giáo hội lại chọn ngày 30 tháng Sáu để kính nhớ cả hai vị thánh. Hai tên Phêrô và Phaolô đã nối liền với nhau như một chi thể, tuy hai ông khác nhau về khá nhiều khía cạnh, ngay cả những ngày ngày đầu tiên, lúc hai người tận mắt gặp nhau—khác nhau về quan điểm, tầm nhìn và sứ mệnh. Từ nguyên thủy, trước khi giáo hội được hình thành, có hội thánh, có giáo hoàng, có hàng giáo phẩm, Phêrô và Phaolô đã luôn luôn gắn liền với nhau. Ngay trong các mộ hang ngoại thành Roma thời La Mã, được biết đến với tên “Catacombs”, đầu thế kỷ thứ hai, các tín hữu đầu tiên cũng chỉ biết Phêrô và Phaolô. Có những hình vẽ trên mộ, chân dung khiêm tốn, không hào quang hay trang phục rực rỡ của Phêrô và Phaolô đi liền với nhau.

Phaolô là một người Do Thái, sinh ra năm thứ [5] tại Tarsus, tỉnh Cilicia, sau thiên Chúa giáng sinh, nằm trong vương quốc Roma—nay, miền đất ấy thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ (Turkiye), có quốc tịch Roma. Ông mất năm 64/65 (?) tại Roma—cũng trong thời vương quốc Roma, triều đại vua Nero. Trong thư gửi giáo đoàn Philippi, ông khẳng định: “*Tôi còn nữa: được cắt bì vào ngày thứ tám, thuộc dân Israel, thuộc chi phái Benjamin, người Hebrew của người Hebrew; về luật pháp, một người Pharisêu; về lòng nhiệt thành, một kẻ bắt bớ giáo hội; về sự công chính theo luật pháp, không chỗ trách cứ được—I have more: circumcised on the eighth day, of the people of Israel, of the tribe of Benjamin, a Hebrew of Hebrews; as to the law, a Pharisee; as to zeal, a persecutor of the church; as to righteousness under the law, blameless.*” (3:4-6).

Ông am tường cả tiếng Hebrew và Hy-Lạp, theo học trường phái Gamaliel [2] của những người Pharisêu tại Tarsus/Jerusalem, chuyên về luật Do Thái (Acts-CVTĐ 22:3). Nhờ được đào tạo có trường lớp, truyền thống, ông có thể giảng dạy trong các đền thờ Do Thái ở bất cứ nơi nào. Truyền thống tư tế Do thái thường sinh sống bằng một nghề theo khả năng và sở thích để nuôi thân và gia đình—Phaolô cũng vậy, để tránh khỏi gánh nặng cho cộng đoàn tín hữu tân tòng, mới theo đạo, và cũng để minh chứng rằng, ông không phải rao giảng để kiếm ăn. Tuy nhiên, Phaolô không để việc sinh nhai chiếm trọn thời gian của sứ mệnh rao giảng tin mừng.

Qua câu chuyện ông ngã ngựa và nghe tiếng Chúa (Acts 9:1-22) khoảng năm 31-36 (Galatians 1:16), ông thay đổi từ một người chống đối, lên án, trở thành người—ông cho rằng—một “Tông Đồ” do chính Chúa đã chọn (1 Corinthians 15:8). Không rõ ông đã được đào tạo, hướng dẫn bao lâu và những nguồn thông tin, dữ liệu nào về đức Giêsu, nhưng Phaolô đã khẳng định trong Thư gửi giáo đoàn Galata, “...*rằng, phúc âm do tôi rao giảng không phải là phúc âm của loài người. Vì tôi đã không nhận được phúc âm từ bất kỳ người nào, tôi cũng không được dạy phúc âm, nhưng tôi đã nhận được phúc âm qua sự mặc khải của đức Giêsu Kitô—...that the gospel that was preached by me is not man’s gospel. For I did not receive it from any man, nor was I taught it, but I received it through a revelation of Jesus Christ.*” (Galatians 1:11-12)

Ông đã nhận bí tích thanh tẩy và trở thành một người tín hữu (Acts 9:18), tiên phong rao giảng về đức Giêsu, như một thần học gia, một lý luận gia về một tin mừng, thiết lập một tôn giáo mới. Tuy là gốc, phát xuất từ một nguồn kinh điển, truyền thống Do Thái, nhưng, ông đã thoát ra, vượt ra xa mọi tầm nhìn, từ không gian đến lý luận, hệ thống tín lý; mặc dầu trong các Thư, ông trích dẫn khá nhiều về cựu ước, luật Môi Sen và truyền thống Do Thái.

Nhiều “Thư” do chính ông viết: “*Tôi, Phaolô, viết những lời chào thăm nầy bằng chính tay của tôi—I, Paul, write this greetings with my own hand.*” (1 Corinthian, 16:21) “*Hãy xem những trang thư lớn tôi viết bằng chính tay của tôi—See with what large letters I am writing to you with my own hand.*” (Galatians 6:11); hoặc các cộng sự, môn đồ của ông sao chép lại. Những Thư được chọn, liệt kê trong tân ước như: Thư Roma, Galata, Corinto 1 & 2, Thessalonica, Philemon, Epheso. Một số Thư còn nhiều tranh cãi, chưa được công nhận Phaolô là tác giả: Thư thứ 2 gửi Thessalonica, Colossians, Ephesians, thư gửi Timothy 1&2, và thư gửi Titus.

Ông được biết nhiều qua các “Thư” và Công Vụ Tông Đồ (CVTD-Luca/Luke là tác giả). Tuy nhiên, cuộc đời của ông thời niên thiếu và trước khi trở thành tông đồ rao giảng về đức Giêsu, không mấy ai biết. Đã vậy, tài liệu, thông tin từ trong kinh thánh tân ước không đủ để biết rõ con người và sự nghiệp của Phaolô. Trong thời gian một năm sáu tháng sống và truyền giáo tại Corinθο, ông sinh sống bằng nghề làm lều (tentmaker) (Acts-CVTD 18:3-4). Những hành trình đến các nơi khác, không rõ ông sinh sống bằng cách nào. Phải chăng, những tín hữu khá giả, giàu có, chăm lo ăn uống và chỗ cư trú của ông và những người cộng sự. Ngay cái chết của ông tại Roma, không văn bản, tài liệu, chứng cứ lịch sử nào còn lưu lại. Đôi khi, có những thông tin trái nghịch nhau về ông, giữa Công Vụ Tông Đồ và các Thư.

Ông am tường về nhiều lãnh vực: Tora, Kitô học, cánh chung, thần học, giáo hội học (Tora, Kitô học, eschatology, soteriology, ecclesiology). Một sự khác biệt rất rõ về những tông đồ, môn đệ được chính Đức Giêsu tuyển chọn, được đào tạo, hướng dẫn—nhưng, họ là những người dân chài, sống bằng lao động chân tay—trong khi đó, Phaolô, một người chưa hề gặp Đức Giêsu bằng xương bằng thịt, chưa một lần chung bàn ăn, chưa một lần nghe chúa giảng dạy; nhất là, chưa một lần tận mắt chứng kiến những phép lạ Đức Giêsu đã làm; nhưng, Phaolô đã thể hiện tính cách, phong cách, kiến thức và kinh nghiệm sống của người được đào tạo, có bài bản, lớp lang

và một truyền thống Do Thái thuần thực. Đọc Thư ông viết, với giọng văn, ngôn từ, cách xếp đặt ý tưởng và lý luận, không thể từ chối ông là một người vô cùng thông minh, lỗi lạc, nhiều kỹ năng và tài năng thiên phú.

Cho đến ngày nay, mọi chân trời góc biển, nơi nào có bóng dáng người Kitô hữu, nơi ấy, có Phaolô hiện hữu.

Sứ mệnh của Phaolô là gì? Phaolô viết nhiều, rao giảng nhiều về đức Giêsu cho dân ngoại (không phải Do Thái), hồng ân của Thiên Chúa qua đức Giêsu, tuy là người chưa một ngày cùng song hành, ngồi bàn và chưa một lần được chính Đức Giêsu tuyển chọn làm tông đồ khi Ngài còn sống, rao giảng tin mừng tại Galileo, đừng nói chi được giao phó sứ mệnh rao giảng tin mừng, ơn cứu độ, thiết lập một tôn giáo mà nền tảng và căn nguyên thần học mang tên duy nhất một người—Đức Giêsu. Công Vụ Tông Đồ và các Thư chứng minh, sứ mệnh chính của Phaolô: rao giảng tin mừng cho người [ngoài] Do Thái. Phaolô—một nhà ngoại giao uyên bác, rành tâm lý và có một sức hấp lực, đặc biệt là khả năng thích nghi, hội nhập rất cao. Do đó, ông là người tông đồ duy nhất thành công trong sứ vụ, sứ mệnh, thay đổi toàn miền đất Hy-Lạp, thờ đa thần, trở thành độc thần—Đức Giêsu. Cứ nhìn vào Hy-Lạp ngày nay, từ một nước thờ đủ loại thần linh, một nước có rất nhiều thần thoại, Kitô giáo đã trở thành quốc giáo—98 phần trăm dân số là tín hữu Kitô giáo [4]

Phaolô đã ra đi rao giảng đến đâu – bao nhiêu chuyến?

Phaolô có bốn (4) hành trình lâu và dài, chính thức đi rao giảng tin mừng. Ông đi khá nhiều nơi, suốt từ năm 49 đến năm 64/65, nhưng được chỉ ghi nhớ nhiều qua các Thư gửi cho các giáo đoàn. Không một thư, tài liệu, văn bản gốc được lưu lại, có thể chứng minh là do chính tay Phaolô viết, mặc dầu trong vài thư, Phaolô đã viết, “Chính tay tôi viết.”

Mãi đến ngày nay, các nhà thần học kinh thánh, chuyên gia, học giả, vẫn còn nghiên cứu và tranh luận về nguồn tài liệu, văn bản, so sánh và phân tích; nhưng, vẫn chưa tuyệt đối chính xác. Vì qua ba (3) thế kỷ đầu, nhiều nguồn dữ liệu, được sao chép, chỉnh sửa, thêm bớt, rải rác khắp nơi. Các nhà nghiên cứu, khoa học, chuyên gia về khảo cổ và kinh thánh luôn luôn so sánh, phân tích và kiểm nghiệm những điểm tương đồng hay dị biệt, từ văn phong, văn bản này qua thư kia, về thời điểm, thời gian, địa điểm, các yếu tố lịch sử và khoa học để đưa đến những kết luận khả thi, hợp lý, đồng thuận, trước khi khẳng định và đánh giá mọi thông tin, tài liệu và sách liên quan đến kinh thánh. Những tài liệu, văn bản mới tìm kiếm, khám phá được tại vùng “Biển Chết” (Dead Sea), được biết với tên “Dead Sea Scrolls”, cũng không có thêm gì mới về thân thế và sự nghiệp của Phaolô.

Về hành trình...

1. Hành trình đầu tiên. Acts-CVTĐ 13-14-Khởi hành bằng thuyền từ Antioch, (Syria) –ngày nay, thuộc về miền nam Thổ Nhĩ Kỳ. Dừng lại Cyprus-Salamis. Từ Salamis, nhóm của Phaolô tiếp tục đến đảo Paphos. Sau đó, họ đến Pamphylia, Perga, Antioch-Pisidian, Phrygia, Lycaonia-Lystra, Derbe (Acts 14:21), Iconium, Pamphylian-Attalia, và rồi, quay về lại Antioch.

2. Hành trình thứ hai- Acts-CVTĐ 16:23-20:38-Trước hành trình thứ [2], Phaolô rời Antioch đi Jerusalem-năm 49–dự hội nghị với các tông đồ (Council of Jerusalem)–Giải quyết những tranh luận về việc “cắt bì”, chiều hướng ơn cứu rỗi. Kết quả đưa đến việc người lương dân có buộc phải gia nhập Do Thái giáo hay không để được cứu rỗi–không còn là một vấn đề. Rồi quay về lại Antioch.

Từ đó, Phaolô và cộng sự về lại nơi chôn nhau cắt rốn của ông–Tarsus, rồi đến Derbe và Lystra—nơi đây, ông đón nhận thêm Timothy-Mẹ gốc Do Thái (Acts 16:3-4). Tiếp đến, họ đến Iconium, thăm lại Antioch-Pasidia, Phrygia, Galatia, Asia. Từ Galatia, nhóm của Phaolô hướng về miền Tây, Mysia và rồi Troas. Chính nơi đây, Phaolô “mơ” thấy một người đàn ông kêu nài ông đến Macedonia giúp họ. Thế là họ dùng thuyền đến Troas, ghé ngang qua đảo Samothrace trước khi đến Neapolis (Kavala ngày nay)—từ đây, họ hướng về Philippi—tại đây, Phaolô và người cộng sự Timothy đều bị hành hung và nhốt một ít lâu. Sau khi ghé qua Amphilolis và Apollonia, họ đến Thessalonica (Thessaloniki), Berea. Phaolô trải đi xuống thủ đô Athens, trong khi Silas và Timoty lưu lại.

Phaolô đến thủ đô trước và chờ Silas và Timothy, sau đó, Phaolô đến Corintho-Silas Timothy tiếp tục đi đến sau. Sau một thời gian, 18 tháng, Phaolô xuống Caesarea trước khi băng biển Aegean đến Ephesus, đi Caesarea và xuôi về Jerusalem. Sau cùng, Phaolô quay về lại Antioch-Syria.

3. Hành trình thứ ba-Acts-CVTĐ 18:23-20:38–Acts-CVTĐ không trình thuật rõ sự chuyển tiếp từ hành trình thứ [2] sang thứ [3]. Phaolô lại khởi hành từ Antioch-Syria—đi về hướng tây, ghé về quê Tarsus trước khi đi xuyên qua nhiều nơi trong miền Galatia và Phrygia, cũng có các giáo đoàn, môn đệ và cộng sự. Phaolô đến Ephesus và lưu lại trong vùng Tiểu Á (Asia Minor) khoảng [2] năm—Ông đi thăm lại nhiều nơi—Derbe, Lystra, Iconium, Antioch-Pisidia, Phrygia. Sau đó, vượt biển Aegean và trở lại miền Macedonia-Troas, Assos Neapolis, Philippe, Thessalonica, Berea, Corinth, và rồi đi ngược lại về hướng bắc trước khi đi Mitylene, Miletus. Sau đó, Phaolô và những cộng sự ghé Kos, Rhodes và Patara trước khi băng biển Địa Trung Hải đến Phoenicia, và Tyre. Từ Tyre, Phaolô tiếp tục hành trình đi Ptolemais, Caesarea và rồi về Jerusalem.

4. Hành trình cuối cùng-Không nhắc đến trong CVTĐ, nhưng trong Thư gửi cho các giáo đoàn, (Philippians 3:7-11), các học giả cho rằng, Phaolô đã tiếp tục hành trình thứ [4], chỉ được nhắc đến trong các Thư, không có trong Acts-CVTĐ. Đan cử như trong Thư Roma, Phaolô nhắc đến việc đi đến Tây Ban Nha (Spain) “*Tôi hy vọng sẽ gặp anh em ghé ngang qua khi tôi đến Tây Ban Nha, và anh em có thể giúp chuyến đi của tôi nơi ấy—I hope to see you in passing as I go to*

Spain, and to be helped on my journey there by you.” (15:24). Giáo Phụ John của Chrysostom viết, “Sau khi ông đến Roma, ông trở lại Tây Ban Nha, nhưng, ông có đến đó nữa không trong chuyến thứ [3], chúng ta không biết.” Ngài Cyril Jerusalem, thế kỷ thứ Tư đã viết, “Phaolô đã thiết tha rao giảng xa xôi như Tây Ban Nha.” Khởi hành từ Jerusalem, Phaolô và nhóm của ông đến Antipatris, Caesarea, Sidon, Myra, Cridus, Salmone, Lasea, Fair Havens (Crete), Malta, Syracuse, Phegium, Pateoli, Appa Forum, Three Taverns và dừng lại tại Roma.

5. Có những tài liệu, bài viết, nghiên cứu, lại thêm hành trình thứ [5] của Phaolô [5] – còn nhiều tranh cãi. Nghĩa là, khi Công Vụ Tông Đồ khoá sổ, kết thúc – sứ mệnh và công cuộc rao giảng tin mừng của Phaolô và các môn đệ, cộng sự nào có ngưng lại. Vì nhiều tác giả, nghiên cứu và chuyên gia về kinh thánh tân ước dãi trải theo nhiều dấu tích, sự kiện, văn kiện và thông tin – trực tiếp hoặc gián tiếp, trình thuật một hành trình khá dài, cho rằng, Phaolô đã từ Roma trôi giạt xuống tận mãi Fair Havens (Crete). Từ đó, ông đi Nicopolis và đến Tây Ban Nha (Spain), London (Anh) và quay về lại Roma. Không ai buộc độc giả phải tin vào những luận cứ, suy đoán, suy diễn như vậy; tuy nhiên, chủ đề này giúp người đọc, những ai còn đam mê nghiên cứu và khảo sát, tiếp tục hành trình...

Tổng cộng, Phaolô đã đi hơn 20,000 kilomet và đã rao giảng tin mừng trên [8] nước (theo địa lý ngày nay) – Thổ Nhĩ Kỳ, Hy-Lạp, Lebanon, Israel, Ý, Malta, Cyprus và Tây Ban Nha.

Thư Của Phaolô

Hầu hết các học giả tin rằng, chính Phaolô đã viết bảy (7) Thư: Galatians (viết khoảng năm 48), Romans (năm 55-57), 1 Corinthians (năm 53-54), 2 Corinthians (năm 55-56), Philemon (năm 57-59/62), Philipians (năm 57-59/62) và 1 Thessalonians (năm 49-51).

Ba (3) Thư: 1 Timothy; 2 Timothy; và Titus không phải ông là tác giả, nhưng lại mang tên ông. Thêm vào đó, ba (3) thư khác: 2 Thesslonians; Ephesians; và Colossians hiện vẫn còn nhiều tranh cãi về ai là tác giả; mặc dầu đã liệt kê vào kinh thánh tân ước. Vài học giả còn đi sâu hơn nữa, cho rằng, có những thư Phaolô viết, cùng sự trợ giúp, hợp tác với một bí thư, phụ tá, hay chuyên viên sao chép (amanuensis) – ảnh hưởng về văn phong và có khi cả đến nội dung thần học.

Nhiều học giả như Origen, Tertullian và Hippolytus và nhiều người khác đặt vấn đề tác giả của thư “Hebrews”. Từ thế kỷ 16 về sau, khá nhiều sự phản bác về Phaolô là tác giả của Hebrews, vì văn phong, nội dung và tư tưởng thần học trong Thư khác hẳn, không thể hiện chính Phaolô là tác giả; và không hề thấy xuất hiện tên, hay lời chào đầu thư Phaolô thường viết, “Tôi, Phaolô – I, Paul...”

Những nơi mình đã đặt chân đến

Viết về Phaolô, tất nhiên phải đọc, xem, nghiên cứu khá nhiều—nghiên cứu thật kỹ trước khi lao mình vào viết, đặc biệt là viết về những nơi mình chưa hề đến, không có bà con bằng hữu nào trú ngụ để hướng dẫn hoặc cho mình tá túc. Tuy nhiên, mình sẽ không đi sâu vào những góc cạnh như: lịch sử, chính trị, văn hoá, ngôn ngữ, xã hội, tâm lý, đạo đức, kinh tế và tôn giáo...trong thời đại của Phaolô, nơi ông sinh ra, những nơi ông đi rao giảng, hoặc bị tù đày và bị hành quyết tại Rôma.

Mình viết qua góc nhìn của một người say mê Phaolô—như chính Phaolô đã say mê đức Kitô. Viết, những gì mình am hiểu, mục kiến, tai nghe, mắt thấy, trải nghiệm, kinh nghiệm và tất nhiên, những cảm nhận riêng tư. Viết như vậy, dễ cho mình, ai viết cũng được; và viết một cách vô tư, chủ quan—tất nhiên, sẽ có nhiều điểm khiếm diện; vì mình chỉ nhận diện được trong tầm nhìn của đôi mắt phàm, trong một góc độ giới hạn, một thời gian ngắn ngủi và không gian cô đọng, rung cảm riêng tư, trong những chuyến đi—đi bộ, đi xe, đi một mình, song hành và gặp gỡ với những người từ nhiều phương trời, nhưng cùng một mục đích—theo dấu chân Phaolô.

1. Athens

Chọn thủ đô Athens của Hy-Lạp là điểm khởi đầu có nhiều lý do thích thú và chính đáng—Phaolô đã đặt chân lên thủ đô và mong thuyết phục được lòng tin của dân có ăn học, quan quyền và những giới giàu sang (xem Acts-Công Vụ Tông Đồ (CVTĐ)-17.16). Đây là lý do chính. Thế nhưng, lý do khác không kém phần quan trọng riêng đối với mình. Ngày xưa ngày xưa, vì theo học ban triết và văn chương, lại mê triết hơn các thứ đam mê khác của tuổi mới lớn—đã vậy, Athens là cái nôi văn minh của Âu châu, 3, 4 ngàn năm trước công nguyên. Giờ, mình không có tham vọng biết thêm nhiều vào lứa tuổi mà quỹ trí nhớ đã hao mòn hay cạn kiệt, không mong gì vun xới hoặc làm cho phong phú thêm lên; nhưng, các tổ phụ triết học như Socrates, Plato, Aristotle và Diogenes mãi mãi là những ngọn đuốc soi đường hành trình của cuộc đời mình; do đó, giấc mơ được đặt chân lên những địa danh, như “Plato Academy”, những con đường, môi trường sống, những nơi các triết gia tổ phụ đã hít thở khí trời, dần thân cho đời, mãi mãi rưng rục trong mình.

Năm 51, Phaolô một mình đến Athens bằng thuyền và dừng lại tại làng Falio, gần Kifissos, thửa ấy là cảng chính cho tàu bè từ khắp nơi giao thương, mua bán, du nhập. Ông không bỏ phí thời giờ nào, tiếp tục rao giảng—từ ngoài đường, phố chợ, đến các đền thờ người Do Thái—trong khi chờ đợi Silas và Timothy đến từ Macedonia.

Acropolis—một địa danh nổi tiếng trong lịch sử nhân loại, không ai mà không biết Acropolis khi nói về thủ đô Athens. Nổi tiếng vì kiến trúc, đền đài, nhưng với Phaolô, không thành công mấy trong sứ mệnh rao giảng về Đức Giêsu cho những người mà ông nghĩ họ có thể lắng nghe và tin theo. Ngược lại, chả mấy ai muốn, thích nghe ông hết. Nhưng, Phaolô không bi quan như bao nhiêu người khác. Tuột xuống khỏi đồi Acropolis, Phaolô tiếp tục rao giảng tại ngọn đồi bên cạnh, mang tên “Mars Hill”. Hiện nay, một tấm bảng bằng đồng, tiếng Hy-Lạp, khắc ghi dấu chân

Phaolô trên đồi này. Tại đây, mình ngồi giữa khá đông người, có cả những cặp tình nhân, níu kéo mặt trời chiều, cho đến khi phó xá bên dưới lên đèn, rồi dần dần rực sáng như một thung lũng kim cương. Một mình, tâm hồn thanh thản, không vướng bận chuyện trần thế, chuyện cơm gạo áo tiền—mình mừng tượng, tưởng chừng như Phaolô đang đứng gần kề, mình lắng nghe những gì Phaolô đã thuyết giảng. Mừng tượng chung quanh mình là những cư dân của thủ đô Athens của 2000 năm trước đang lắng tai nghe. Mình nghe như chính Phaolô đang nói, đang thổ thển với riêng mình—chào thăm người khách lạ; chào thăm một người ái mộ; chào thăm một người lữ hành, người anh em, khởi đầu hành trình theo vết chân xưa của Phaolô.

Mình cũng đã cuộc bộ đến "Plato Academy Park"; viện giáo dục của Plato gần 3000 năm trước—đại học đầu tiên của nhân loại. Đi quanh, ngồi một mình, hay trà trộn vào những nhóm du khách, nghe lóm những người hướng dẫn, giáo sư, chuyên gia nói về Plato với những chi tiết rất thú vị. Thế là hài lòng rồi—ít ra, cũng được một lần trong đời chính mình được ngồi vào viện, lớp học của tổ phụ Plato. Đây, không phải là một học viện hay lớp học như 3000 năm trước, giờ chỉ còn những móng cùng nền—nền tảng triết học vẫn còn đó, chứ không phải móng nền của những đền đài của thời xa xưa ấy—đã đổ nát hoang tàn hết rồi.

Gặp Louis Hua

Tại nhà nghỉ, mình thấy một anh người Á châu, khuôn mặt đăm chiêu, ngồi đọc nơi máy vi tính, thỉnh thoảng, nhìn sang cuốn sách bên cạnh. Mình nghĩ, có lẽ anh ta là doanh nhân, đang lo công việc. Hôm khác, đánh bạo, mình hỏi, "*Anh đi nghỉ mát hay công việc? Anh đáp, "Tôi đang đi hành hương, đến các nơi Phaolô đã đến, đã rao giảng tin mừng."* Khá ngạc nhiên! Một người Hoa, lại say mê kinh thánh đến độ bỏ hết mọi sự để rong ruổi khắp nơi, theo Phaolô. Anh không chỉ đến những nơi tại Hy-Lạp, nhưng ngay cả Êphesus bên Thổ Nhĩ Kỳ và Rôma.

2. Korinthos (Corinth/Corintho)

Thân xác còn ở Athens, nhưng tâm trí đã lang thang trên miền đất Korinthos rồi.

Korinthos ngày nay khiêm tốn hơn thời của Phaolô nhiều, chỉ còn khoảng 50 ngàn dân, so với 7-800,000 dân thuở 2000 năm trước. Phố ngày nay được biết là Korinthos mới, vì đã có Korinthos cổ, cách đó khoảng 3.5 đến 4 cây số về hướng tây-nam. Không biết ngoài những di tích, kiến trúc, còn tồn đọng lại bao nhiêu, nhà cửa của dân cư thời ấy nay đâu, không còn dấu vết gì. Thử nghĩ, nếu với dân số 700-800 ngàn, ắt hẳn, nhà cửa, phố xá rất ư sầm uất, không chỉ riêng gì một chút di tích cổ như hiện nay.

Nổi bật nhất mà mọi người trên thế giới biết về cổ thành Corintho chính là bảy (7) cột đá của đền thờ thần Apollo còn đứng đó. Từ cổng vào, bên phải là một hồ tắm, đục từ một tảng đá—để biết dân Corintho thuở xưa kiên nhẫn, lăm tài và nhiều kỹ năng—chưa nói đến có thừa những huyền thoại, truyền thuyết nghe mê hồn. Nếu không am tường thần thoại Hy-Lạp, thì có

hướng dẫn viên hay không, vẫn mù tịt. Vì các thần ông, thần bà, thần nam, thần nữ, ngay cả thần con nít, cũng có những quan hệ, móc nối qua lại chèo chèo. Nên chi, có nghe hướng dẫn viên thao thao bất tuyệt những chuyện ông bà thần họ thuộc lòng từ thuở còn nằm trong nôi, mít ta đây nghe như vịt nghe sấm. Vào bên trong, nhiều gian hàng quán đã đổ nát, chỉ còn những tảng đá chồng lên nhau, cố gắng mượn tượng họ chứa được những gì, bao nhiêu—mỗi ngăn cản một căn phòng ngủ.

Phổ được chia ra nhiều khu—chính là đền thờ Apollo, khu sinh hoạt, khu mua sắm, quảng trường (forum), sảnh đường (stoa), trường đua, đền, tượng đài những anh hùng, đền thờ, cửa hàng, trung tâm, bồn tắm, hồ tắm, viện bảo tàng, sân khấu...quan trọng nhất là giữa quảng trường, có một nơi được xây như là một khán đài, cao khoảng [2] mét, có tên: “Bema”—có nghĩa “diễn đàn để mọi người nói” (speakers’ platform), hoặc quan chức công bố việc liên quan đến quần chúng. Tại đây, tương truyền rằng, Phaolô đã đứng nơi này để rao giảng tin mừng. Và cũng chính nơi này, Phaolô bị những nhóm người chống đối, lôi ông đến để cáo buộc tội tuyên truyền về một tôn giáo mới. Vì liên quan mật thiết đến Phaolô, thời Byzantine, đã có một thánh đường xây ngay tại Bema.

Theo dữ liệu kinh thánh-Công Vụ Tông Đồ-Khoảng năm 51-52, Phaolô đã đến và sống tại đây 18 tháng (CVTD 18; 18.11). Ông đã rao giảng nhiều tại phố chợ, nơi tập trung của giới trung lưu, thế quyền, giới ăn học, làm ăn, doanh nhân. Biết vậy, không một dữ liệu, di tích gì cho biết Phaolô sống ở đâu, nơi nào, nhà ai. Chẳng hạn tại Philippi, ông được tín hữu đầu tiên, Lydia, mời đến nhà bà. Phải chăng ông đã tá túc và cùng kiếm sống với cặp vợ chồng Akylas (Aquila) và Priscilla—hai người gốc Do Thái, ông quen thân và cũng làm nghề làm lều (tentmakers) như ông. Họ có một chút ít hiểu biết về Đức Giêsu—sau này, ông bà đã trở nên thành viên của nhóm 70 môn đồ đặc lược của Phaolô, cùng tham gia, song hành với Phaolô trong công cuộc truyền giáo. (Romans 16:3)

Sau 2000 năm, nhưng những di tích lịch sử vẫn còn nằm trong lòng đất. Như hí trường (Theatre), tọa lạc ngay bên phố cổ, chỉ cách một con đường, nhưng vẫn chưa được trùng tu, bảo quản và cho phép du khách, chuyên gia vào thăm hoặc nghiên cứu, đừng nói chi bao nhiêu di tích lịch sử khác. Đan cử là một quán bán hàng lưu niệm và cũng là nhà của một nghệ nhân chuyên vẽ, tái tạo các bình, lu sành cổ, xây ngay trên một phần của cổ thành.

Không riêng gì Korinthos, nhưng hầu hết các thành phố cổ của Hy-Lạp, nhà cửa xây ngay lên trên những di tích cổ của 2, 3 ngàn năm trước. Khi những công trình công cộng, metro, đường hầm, đung vào chỗ nào cũng gặp di tích cổ.

Mình hỏi cô hướng dẫn du khách nơi trạm "Tourist Information"—*“Người Hy-Lạp nghĩ gì về quá trình lịch sử và văn minh của mấy ngàn năm trên miền đất của tổ tiên cô?”*

Cô vui cười đáp, "*Những gì của 2000, 3000 năm trước, thuộc về quá khứ, người Hy-Lạp ngày nay không quan tâm gì về những gì mấy ngàn năm trước đây.*"

"*Thế, người Hy-Lạp biết gì và nghĩ thế nào về Phaolô?*" Minh hỏi.

"*À, Phaolô, người nói về tình yêu chứ gì? Đằng kia, có một tấm bia đá khắc ghi những gì ông rao giảng về tình yêu.*" Thế là mình dần mò đi. Quả vậy, đến một đền thờ chính thống giáo nhỏ, ngay trước cửa, bên trái, một tấm đá lớn khắc ghi một đoạn của Phaolô gửi giáo đoàn Korinthos, (1 Cor. 13, 4-7)-một bên bằng tiếng Hy-Lạp và bên kia bằng tiếng Anh:

"Yêu là kiên nhẫn và tử tế; yêu không có ghen tuông hay kiêu hãnh; không ta đây hay thô lỗ; không cố chấp; không cau có hay ganh tị; không vui mừng về những khiếm khuyết-lỗi lầm, nhưng mừng vui với sự thật. Tình yêu gánh chịu tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả. Tình yêu không bao giờ tàn lụi...Thế nên, đức tin, hy vọng và tình yêu, trong cả ba, cao vời nhất chính là Tình-Yêu."

"Love is patient and kind; love does not envy or boast; it is not arrogant or rude. It does not insist on its own way; it is not irritable or resentful; it does not rejoice at wrongdoing, but rejoices with the truth. Love bears all things, believes all things, hopes all things, endures all things. Love never ends...So now faith, hope, and love abide, these three; but the greatest of these is LOVE"

Minh nghe và đọc nhiều về "*Chúa là tình yêu—God is Love*" (1 John 4:7-21); hoặc "*Hãy yêu thương nhau—Love One Another*" (1 John 3:11-16), nhưng không hiểu, hay chưa am hiểu một cách cụ thể "tình yêu" ấy ra sao. Càng đọc những gì về Phaolô, dường như, thần học của ông dần dần hiện rõ nét tinh tế. Không biết ai có thể thêm, hoặc bớt định nghĩa về "tình yêu" của Phaolô. Với Phaolô, tình yêu còn cao vời, vượt xa khỏi cả hy vọng và đức tin—một thần học tuyệt vời! [12]

Chính vì thế, giáo hội tại Hy-Lạp và nhiều nơi, không gọi đây là thông điệp tình yêu, nhưng là thánh ca tình yêu (Hymn to Love). Không một thánh lễ hôn phối nào lại có thể thiếu vắng thông điệp và thánh ca tình yêu của Phaolô.

Đi thăm, quan sát một ngày, chưa đủ—minh tháp tùng một bạn trẻ người Pháp, trở lại cổ thành, họ không tính tiền vào cửa. Hỏi ra, thì mới biết, cuối tuần không cần phải mua vé vào—lại một ngày say mê, xem từng viên đá, từng chữ khắc ghi trên các tảng đá lớn nhỏ, cả những tảng đá nằm lẫn lóc dưới đất. Thời ấy, có những nơi khắc, tạc, sử dụng tiếng Latin, vài nơi lại sử dụng tiếng Hy-Lạp. Bên cạnh cổ thành, một bảo tàng viện xây năm 1932, tuy nhỏ, nhưng trưng bày khá nhiều tác phẩm điêu khắc đẹp tuyệt vời—tính theo tỷ lệ diện tích, thì viện bảo tàng này có nhiều tác phẩm điêu khắc hơn bảo tàng viện tại thủ đô Athens.

Từ cổ thành, nhìn về hướng Nam, cách khoảng hơn một cây số nhìn thẳng, là ngọn đồi Acrocorinth—575 mét cao—với đền lũy xây dựng bằng đá kiên cố, lớn nhất và lâu đời nhất vùng Peloponnese. Trên đỉnh đồi còn nhiều di tích, đền Aphrodite, cả giáo đường Kitô giáo và đền hồi giáo cổ—một di tích lịch sử không thể bỏ qua nếu đã đến Korinthos. Ít ai có khả năng cút bộ từ cổ thành lên đến đồi Acrocorinth. Nhìn thấy gần; chỉ đi bộ từ cổng, leo lên đến đỉnh đồi, dốc đá nghiêng, quanh co, rất trơn trượt, đã hụt hơi—hụt hơi thật—không phải vì trời mưa hay đá ướt, nhưng vì hàng mấy ngàn năm, hàng triệu triệu người lên xuống, đá mòn nhẵn nhụi như đánh bóng. Lúc xuống, vẫn phải hết sức thận trọng. Từ trên bốn góc thành—đông, tây, nam, bắc—nơi đỉnh đồi, nhìn xa ra vịnh phía bắc, hay phố Korinthos mới về phía đông, hoặc nhìn xuống bên cạnh chân đồi—phố cổ chỉ là một khu di tích rất nhỏ, khiêm tốn so với quá trình lịch sử tấp nập người người của thời 2000 năm trước, lúc Phaolô đến giảng đạo—thuở ấy, nhà cửa, dân cư có thể lan rộng vài chục cây số về hai hướng đông-tây, vì phía bắc là vịnh, và phía nam là núi cao—chỉ có khoảng đất bằng phẳng kéo dài từ đông sang tây.

Qua Thư của Phaolô gửi giáo đoàn Corintho chứng minh một quan hệ mật thiết và tình cảm Phaolô dành riêng cho con người và miền đất này. Không chỉ tại Corintho, nhưng hầu hết những nơi nào có dấu chân của Phaolô đặt đến, người dân Hy-Lạp đã kiến tạo, xây dựng nhiều giáo đường, đền thánh to lớn, nguy nga và tiếp tục duy trì sự tôn kính gần hai ngàn năm qua. Đặc biệt là tại Corintho, tín hữu đã xây dựng một thánh đường rất lớn để ghi ơn, ghi công, kính nhớ đến Phaolô.

Thánh lễ của cộng đồng người Phi (từ Chicago)

Sau khoảng 30 phút lang thang chụp hình từ cổng cổ thành vào, thấy một người đang khoát áo “alba” trắng, dường như một linh mục đang chuẩn bị thánh lễ. Mình tiến nhanh lại, thì ra, một nhóm người, mình đoán là người Phi. Không hề biết trước, không bao giờ nghĩ đến; nhưng, giờ đây, một thánh lễ nơi đất thánh, tâm hồn mình như chấp cánh. Thánh lễ ngoài trời, không mái, không vách, không trống kèn, không ban nhạc, ca đoàn, nhưng, với những giọng ca của thế hệ 65-80 thật sốt sắng. Bài giảng của vị chủ tế ngắn gọn, súc tích, tăng thêm ý nghĩa sâu đậm cho những tín hữu hành hương. Thánh lễ kết thúc, một đôi nam nữ nhắc lại lời giao ước hôn nhân [50] năm... “Anh/Em...xin sẽ giữ lòng chung thủy...khi vui cũng như khi buồn, khi mạnh khoẻ cũng như lúc ốm đau, khi giàu sang cũng như lúc cơ hàn...sẽ mãi mãi yêu thương và tôn trọng anh/em suốt đời anh/em”. Tuy mình đang làm công tác phó nhóm, nhưng sao, không cảm được nước mắt. Còn nơi nào sánh cho bằng, từ bao nhiêu ngàn dặm, Chicago đến Corinto, để dâng thánh lễ, nhắc lại giao ước khi hai người còn trong tuổi thanh xuân—nơi được Phaolô nhấn gửi, lý giải về ý nghĩa và giá trị của tình yêu. Thánh lễ kết thúc, linh mục chụp hình chung với mình và một tín hữu đến từ Brasil, trao đổi thông tin và giữ liên lạc.

Trong khi thánh lễ của nhóm người Phi đang diễn tiến, mình nghe xa xa phía sau lại có tiếng hát, quay lại nhìn, thì ra, một thánh lễ khác của một cộng đồng người Âu châu. Khi mình đến, thánh lễ gần xong. Mọi người lấy làm lạ thấy một người Á châu tham dự. Kết thúc thánh lễ,

linh mục chủ tế hỏi thăm mình—ngài ngạc nhiên khi biết về gốc gác, lai lịch của mình. Ngoài linh mục ra không ai biết tiếng Anh, ngài dịch lại, họ từ một cộng đoàn nhỏ tại Ý. Ai nấy đều lấy làm vui, gặp một người tín hữu da vàng tại nơi đất thánh.

Đây, mới biết được sự khác biệt rất nhiều giữa đi hành hương, thăm viếng, khảo cứu một di tích lịch sử, thánh địa—đi theo đoàn, theo tour—hoặc đi riêng một mình. Một mình, hoàn toàn không hề bị ràng buộc bởi bất cứ ai, những gì—từ thời gian, không gian, đến những gì muốn xem, muốn thấy, muốn nghe, muốn tham gia, muốn quan sát, hoặc muốn dán thân vào—tất nhiên, một mình phải tự chuẩn bị tất cả— và chính sự chuẩn bị trước của riêng mình, hành trình sẽ mang lại nhiều niềm vui và đạt kết quả mong muốn.

Thánh lễ tại nhà thờ Kính thánh Phaolô-Korinthos

Hôm nay, Chủ nhật, anh bạn người Cuba, nhưng thông thạo [6] thứ tiếng—thạo thật chứ không xạo, không phải khoe để lấy kỷ lục—đến nỗi, bà chủ nhà gọi anh ta là “*Anh chàng Hy-Lạp*”, mời mình cùng đi lễ. Anh ta khen mãi...nhà thờ đẹp—đẹp thật! Anh nào biết đây chính là nhà thờ kính thánh Phaolô, mình ước muốn đến viếng và tham dự thánh lễ. Thánh Phaolô không những được tôn làm quan thầy của nước Hy-Lạp, nhưng cách riêng, ngài cũng là quan thầy cho miền xứ Corintho; bởi vì thánh nhân không những đã đến Corintho [3] lần, nhưng ngài còn lưu lại, sống cùng, sống với, và sống cho Corintho—xa hơn nữa, chính Phaolô đã thiết lập giáo hội đầu tiên (first metropolis) tại đây. Đã vậy, dân Corintho rất hãnh diện về các “Thư” của Phalo viết cho giáo đoàn Corintho, đã được giáo hội trên toàn thế giới—Roma, Chính thống hay tin lành—đều chọn làm rường cột cho thần học Kitô giáo (top text of Christian teachings)

Nhà thờ tọa lạc tại trung tâm thành phố, giữa một khu đất rộng rãi, kang trang, cây cối, phong cảnh đẹp, được thiết lập nhà thờ chính toà cho cả miền (metropolitan church). Hầu hết giáo dân tham dự là giới lớn tuổi, trên 50. Thì ra, lễ dành cho giới trẻ vào buổi chiều. Nếu ai đã sống đạo công giáo thời trước Công Đồng II (1963), ắt còn nhớ, từ trang phục của linh mục đến cách thiết kế bàn thờ—xây vào bên trong cung thánh. Giáo phái Chính Thống còn giữ nguyên với truyền thống mười mấy thế kỷ, không hề thay đổi.

Trước thánh lễ, linh mục đi xông hương các tượng—khá nhiều tượng trong nhà thờ, nên chi, nhà thờ xông lên nghi ngút không những khói hương, mùi hương tràn ngập thánh đường. Không có những đối đáp qua lại giữa chủ tế và giáo dân; nhưng, hầu hết là qua ca đoàn, toàn nam giới. Ca đoàn hát khá nhiều, theo từng nghi thức.

Một sự khác biệt hiển nhiên giữa giáo hội công giáo Roma và Chính Thống là nghi thức thánh lễ và truyền phép. Cung thánh, nơi linh mục cử hành “bí tích” thánh thể, quả thật là “bí mật”. Không một ai, giáo dân nào được xem thấy những gì linh mục cử hành. Đây là một chủ đề cần được nghiên cứu sâu và biên khảo công phu—phân tích sự khác biệt giữa hai giáo phái—Công giáo Roma và Chính thống. Ngay cả việc sử dụng “ảnh” và “tượng” cũng hoàn toàn khác

nhau, trong lý luận triết học và thần học. Một sự khác biệt hiển nhiên nữa là phụng vụ thánh thể, rước lễ. Chính thống giáo giữ nguyên truyền thống “bánh không men” và mọi người lên cung thánh nhận bánh—khoảng 2 lóng tay—không chỉ cho riêng mình, nhưng còn mang xuống, mang về cho những ai không tham dự thánh lễ được.

Gặp lại Louis

Louis rời thủ đô Athens trước mình, nghe nói đi Ý—mấy hôm sau, không hẹn, nhưng lại gặp Louis tại Corinth, tá túc cùng phòng tại một nhà nghỉ. Louis không chỉ am tường về kinh thánh, nhưng giỏi cả nấu ăn. Anh bỏ tiền đi chợ, nấu ăn, nấu ngon và mời mọi người cùng ăn. Nơi anh, toả ra một tâm hồn người Kitô hữu chính hiệu như những gì Phaolô đã rao giảng. Gặp gỡ Louis và học hỏi được nơi con người Kitô hữu và đam mê của anh về kinh thánh, nhất là về Phaolô, khích lệ và lên tinh thần cho mình. Bao năm rồi, từ khi say đắm trong việc nghiên cứu và học hỏi về “con người lịch sử của Đức Giêsu”, về Phaolô, mình chưa may mắn được quen biết hay gặp gỡ một người Việt nào cùng chí hướng, gần hay xa, bất luận tuổi tác hay giống tính, để chia sẻ và hàn huyên.

Gặp cặp vợ chồng người Pháp

Sau khi thăm viếng di tích cổ Corintho, trong lúc đang đón xe bus, gặp hai ông bà— ông trắng, bà đen. Họ cùng đón xe về lại phố Corintho. Hỏi ra, biết mình là dân An-Nam, ông bà xỏ một tràng tiếng tây. “*Xin lỗi, tôi có học tiếng Pháp, nhưng hơn một nửa thế kỷ, không sử dụng, tiếng Tây của tôi sòn sét hết rồi, tôi chỉ còn nhớ một vài bài hát*” —mình tuôn ra ngay...

“Le Seigneur nous a aimés”

<https://www.youtube.com/watch?v=qzM0g4tevoE>

Paroles de Le Seigneur nous a aimés

[Dominique Fauchard](#)

Le Seigneur nous a aimés comme l'on n'a jamais aimé.
Il nous guide chaque jour comme une étoile dans la nuit.
Quand nous partageons le pain, il nous donne son Amour:
C'est le pain de l'amitié, le pain de Dieu.

C'est mon Corps, prenez et mangez!

C'est mon Sang, prenez et buvez!
Car je suis la Vie et **je suis l'Amour**.[*]
O Seigneur, emporte-nous dans ton Amour!

*Xem thư của Phaolô (1 Cor 13:4-7) và của John (1John 4:8)

(Bài hát khá dài, với nhiều phiên khúc. Ai thích hát, hoặc muốn biết trọn lời ca, bản nhạc, xin xem phần tham khảo nơi cuối bài)

Chỉ vừa nghe vài chữ đầu, ông bà vào đồng ca ngay. Bà lại lịch sự khen, “*Tôi hiểu từng lời anh hát.*” Tạ ơn Chúa!

Thế rồi ông hỏi, “Thế anh nghĩ gì về sự hiện diện của Pháp tại quê hương anh?” –chủ yếu là thời thuộc địa, đô hộ của Pháp. Minh đáp lại bằng một phong cách ngoại giao, ông hài lòng.

Sau đó, ông bà hỏi tiếp, “*Anh đến thăm Corinth với mục đích gì?*” Minh đáp, “*Tôi theo dấu chân Phaolô.*” Ông bà trở mắt lên, “*Chúng tôi cũng thế.*” Rồi trao đổi nhau emails để giữ liên lạc. Ông bà mời mình ghé thăm gia đình khi nào đến Pháp.

3. Meteora

Đã đến Hy-Lạp mà không đến “Meteora” để thăm viếng các dòng tu được xây dựng vào các thế kỷ thứ 13-16, trên các đỉnh núi đá cao vút giữa trời, quả là một sự mất mát. Meteora—tiếng Hy-Lạp có nghĩa là “trên không-in the air”—nằm ngay phía bắc thành phố Kalabata khoảng 2 cây số—tây bắc vùng thảo nguyên Thessaly. Minh gặp một người Ấn-độ, ngoài 75 tuổi, theo đạo Hindu—như bao nhiêu vạn triệu người khác trên khắp thế giới, ông không đến thăm nơi này vì đức tin tôn giáo. Liên Hiệp Quốc (UNESCO) [8A] công nhận Meteora là “di sản văn hoá thế giới”, cũng không vì yếu tố tôn giáo, nhưng giá trị văn hoá. Một ngạc nhiên khác, mình gặp lại một sinh viên người Đức, mới tuần trước cùng trọ tại một nhà nghỉ tại Corintho, nay, cùng trọ một nhà tại Meteora. Anh đi từ Đức đến các thành phố Hy-Lạp bằng xe gắn máy (motocycle).

Các dòng tu có tên chung bằng tiếng Anh: “Monastory”, không phải “Convent”- Chính Thống Giáo là một quốc giáo của Hy-Lạp, do đó, các dòng tu tại đây được sự bảo trợ của không những chính quyền, nhưng nhất là giới quý tộc và những người giàu sang phú quý thuở xưa. Hiện nay, du khách chỉ được vào thăm một phần rất nhỏ của tu viện, lắm nơi không cho chụp hình. Duy có một nơi chừng bày nhiều di tích về trang phục cho linh mục, các vật dụng dùng trong các bí tích, nghi thức tôn giáo, ảnh tượng, thánh giá, đặc biệt là nhiều văn bản viết tay, được bảo quan qua bao thế kỷ—Cho phép chụp hình, quay phim. Thử mừng tượng—những văn bản viết, sao chép bằng tay, tiếng Hy-Lạp ấy, lại là các bản tin mừng (Mathêu, Marco, Luca và Gioan, hoặc Thư của Phaolô, quả là một hạnh phúc biết bao cho những ai khao khát đi tìm, khảo sát, nghiên cứu về lịch sử và truyền thống Kitô giáo.

Sáu (6) tu viện đang còn hoạt động [8B]: 1) The Great Meteoron, 2) Agia Trida, 3) Agios Kiolaos và 4) Varlaam thuộc về nam tu sĩ – 5) Agios Stephanos và 6) Roussanou thuộc về nữ tu sĩ. Hiện nay, không còn nhiều người đi tu như thời trước, do đó, tất cả các tu viện đã trở thành những nơi du lịch, thu hút du khách trên toàn thế giới nhiều hơn là người muốn đi tu. Có những tuyến du lịch chỉ trong vòng [1] ngày, khởi hành từ thủ đô Athens, cách Meteora mấy trăm cây số. Đi du lịch như vậy, người Việt hay sử dụng từ “cưỡi ngựa xem hoa”, thật đúng nghĩa. Muốn đi thăm [6] tu viện, ít nhất, phải cần 2 hoặc 3 ngày. Vì đến thăm một nơi có những di tích lịch sử, tôn giáo, văn hoá; thiết tưởng, cũng cần hội nhập, tiếp cận với người địa phương, quan sát, tìm hiểu về đời sống, văn hoá, phong tục tập quán và nhất là con người bản xứ; chưa nói những ai mê chụp hình. Muốn có hình đẹp, cần phải cần ánh sáng tự nhiên—ánh sáng lúc bình minh lên, hoàn toàn khác hẳn với lúc chiều tàn, tàn rất mau—nhìn thật kỹ có thể thấy được mặt trời xuống dần, xuống nhanh sau rặng núi hướng tây. Mỗi phút, mỗi giây, ánh sáng thay đổi, giá trị và vẻ đẹp của hình ảnh cũng thay đổi theo—không nói đến việc sử dụng khoa học kỹ thuật photoshop.

4. Thessaloniki (Thessalonica)

Cổ thành—buổi sáng đầu tiên, vừa bước ra khỏi nhà nghỉ chừng hơn một trăm mét, mình nhận diện ngay di tích thành cổ, khoảng một mét bề ngang. Dõi theo bờ thành, đưa mình lên khu cao nhất—một dãy thành đồ sộ hiện ra. Dọc theo thành, có một ngôi giáo đường chính thống giáo—tôn giáo chính của Hy-Lạp, chiếm 98 phần trăm dân số—nên đâu đâu cũng chỉ thấy nhà thờ có cùng một lối kiến trúc cổ điển giống nhau. Từ lan can của nhà thờ nhìn xuống phố, ra biển, Thessalonica quả là thành phố khá đẹp, có biển (vịnh), có phố xá nhộn nhịp, sau lưng là núi, không phải núi đồi khô trọc, nhưng đầy cây cao, xanh tươi, nhà nhà san sát kín cả triền đồi. Như đã nói, những thành phố lớn của Hy-Lạp ngày nay, luôn bên dưới là một thành phố cổ 2-3000 năm trước. Hiện nay vẫn còn nhiều công trình khai quật những di tích cổ xưa chôn vùi bên dưới, lắm di tích còn hiện rõ những thành, nhất là những cột bằng đá hoa cương (marble) cao vút.

Nơi đây, có nhiều giáo đường chính thống giáo cổ, xây dựng từ thời thế kỷ thứ 5, 6; tuy đã nhiều lần bị cháy do thiên tai, động đất, hoặc do chính các cuộc xâm lăng, chiến tranh tôn giáo-Hồi Giáo-Kitô Giáo, ngay cả thời đệ nhị thế chiến, quân fascist tiêu huỷ gần hết các đền thờ, giáo đường và giết không biết bao nhiêu linh mục, tu sĩ chính thống. Có đến Hy-Lạp, có giao tiếp và lắng nghe những người dân địa phương chia sẻ, nhất là những người có họ hàng, tổ tiên trong hàng tư tể, linh mục, tu sĩ, đã bị tù đày, hành hạ, tiêu diệt trong thời Hitler, mới cảm nhận được nỗi đớn đau, thống khổ—một quá khứ đầy máu và nước mắt của họ—đứt ruột! Đa số những giáo đường, đền thờ đã và đang được trùng tu, xây dựng lại nguyên nét cổ kính như ngày xưa. Trong một dịp khác, chúng ta sẽ tìm hiểu thêm từ “Chính Thống Giáo-Orthodox Church”. Tại sao gọi là Chính Thống Giáo? Thế, những giáo phái Kitô Giáo khác như công giáo La-Mã (Roman Catholic), tin lành (Protestants), sẽ là tà giáo hoặc nguy giáo chăng?

Gặp linh mục chánh xứ đền thánh Phaolô

Đứng bên giáo đường St. Nikolas Church [9A] nhìn qua phía lưng đồi bên trái, nơi đó, Giáo đường kính thánh Phaolô [9.B] nổi bật hẳn giữa hàng ngàn căn nhà san sát bên nhau. Đến nơi, mặt trời đã lặn. Thấy một tu sĩ trong bộ áo dòng, mình chào thăm, “*Phải ngài là linh mục không?*” Ngài đáp, “*Vâng, tôi là linh mục chánh xứ.*” Sau khi giới thiệu về hành trình theo dấu chân Phaolô của mình, linh mục vui vẻ chia sẻ, “*Đấy, bên kia, nhà thờ thánh Nikolas, chính nơi ấy, thánh Phaolô đã một lần rao giảng tin mừng.*”

Người Hy-Lạp tin và một niềm tin sâu thẳm về sứ mệnh rao giảng tin mừng của Phaolô trên quê hương họ, cho dân tộc của họ—dựa theo công vụ tông đồ: “*Và trong giấc mơ, Phaolô thấy một người, ông đứng đó van nài, ‘Hãy đến Macedonia và giúp chúng tôi.’ Sau khi mơ thấy vậy, họ lập tức đến Macedonia, kết luận rằng, Chúa đã gọi chúng tôi đến rao giảng tin mừng cho họ. And a vision appeared to Paul in the nights: a man of Macedonia was standing there, urging him and saying, ‘Come over to Macedonia and help us’. And when Paul had seen the vision, immediately we sought to go on into Macedonia, concluding that God had called us to preach the gospel to them.*” (Acts 16:9-10). Chính linh mục chánh xứ đã nhắc lại đoạn này một cách tự tin và hãnh diện. Quả vậy, trong kinh thánh tân ước, không một miền xứ, đất nước nào được Phaolô quan tâm, nghĩ đến và viết nhiều thư nhắn gửi, tâm tình và khuyên răn—thể hiện một chiều sâu thần học Kitô giáo, phương châm sống đạo—đặc biệt nói về tình yêu. Một hình thức sống đạo, thói quen hay tập quán—hầu như rất nhiều tín hữu Hy-Lạp làm dấu thánh giá khi đi ngang qua giáo đường, nhà thờ, đầu đi bộ hay đi xe.

Chuông chiều đổ vang, mình hỏi, “*Thưa cha, phải là giờ lễ không?*” “*Mời vào.*” Linh mục đáp. Thế là thêm một thánh lễ theo truyền thống Chính thống, trong giáo đường kính thánh Phaolô.

Đến đền thờ nơi Phaolô đã một lần giảng đạo [9A]

Ngày đầu tiên, khi mình vừa đến Thessaloniki, sau khi đi dần mò theo cỗ thành đã ghé vào, chụp hình ngôi nhà thờ cổ, nhưng vắng vẻ, không thấy bóng dáng người, cửa đóng khoá. Hôm sau, khi nghe linh mục chánh xứ đền thánh Phaolô mách cho biết, mình trở lại. Hôm nay, thứ Bảy, các cửa nhà thờ toang mở, thì ra, đang chuẩn bị cho nghi thức rửa tội cho một em bé.

Chung quanh nhà thờ, một chiếc xe van chở toán quay phim-chụp hình, nhiều xe nhà và mọi người ăn diện trang trọng như đi dự đám cưới. Mình vừa giương máy lên chụp hình, một linh mục lên tiếng, “No Photo!” Từ này mình nghe hơi nhiều, quen thuộc. Nhưng, mình luôn sống với châm ngôn, “Won’t take no for an answer” nghĩa là, “không thể khuất phục vì việc từ chối”. Mình lại gần, ghé vào tai linh mục, “*Thưa cha, tôi đang nghiên cứu về hành trình của Phaolô, tôi cần hình ảnh cho công tác viết sách. Hàng triệu người không đến đây được, sứ mệnh của tôi là...*” Vị linh mục làm thinh, bỏ đi. Thế là mình lao vào chụp, quay video, không chừa một góc cạnh nào—với châm ngôn—thừa hơn thiếu sót.

Bước vào gian khá hẹp, khoảng hơn 2 mét nhân 2 mét, mình chụp hình mọi phía, mọi hướng, rồi quỳ sập người xuống nơi chính thánh Phaolô đã một lần đứng rao giảng tin mừng, trán vừa chạm đến tảng đá lạnh, người mình bỗng nhiên bừng nóng lên như cơn sốt, nước mắt trào ra, một cảm xúc như chưa bao giờ có.

Tiếp theo, nghi thức rửa tội do ba (3) linh mục đồng cử hành và một linh mục phụ giúp. Nghi thức rất ư dài, vừa đọc lời Chúa, vừa đọc kinh, hát, theo tuần tự. Người cha ẵm đứa bé. Cháu được xúc dầu từng nơi, từ trên đỉnh đầu, hai bên thái dương, trên trán, môi-miệng và rồi toàn thân. Vị chủ tế nhúng em bé vào trong bồn nước ba (3) lần, mỗi lần lại đọc kinh, hát. Sau hết, trao em bé cho người cha, với tấm khăn lông lớn có sẵn, lau sạch dầu, và em được mặc một bộ áo mới, con người mới, sau khi nhận được bí tích thanh tẩy, giữa sự chứng giám của cha mẹ, người đỡ đầu và gia đình. Nghi thức rửa tội, tuy đơn sơ, nhưng kéo dài gần một tiếng đồng hồ, với giàn đèn và nhóm chuyên gia—một (1) nhiếp ảnh, và (4) điện ảnh/video ghi lại không thiếu một tác động, cử chỉ, góc độ nào.

Phaolô đã đến Thessalonica trong chuyến hành trình ...(xem Acts-CVTĐ 17)

5. Philippi

Thành phố Kavala [10]-Xe bus từ từ đổ dốc, đường quanh co, ngoằn ngoèo, bên phải là biển/vịnh, bên trái là rừng thông, dưới thung lũng là phố xá, trông đẹp như bức tranh. Thời của Phaolô, Kavala có tên “Neapoli”, có nghĩa “phố mới”. Mình nghĩ thầm...phải chi, được có nhiều thời giờ, thăm viếng, khám phá thêm cái đẹp quá hấp dẫn của Kavala.

Chính Phaolô đã đến đây vào mùa đông năm 49 từ Troas—đây là lần đầu tiên Phaolô đặt chân trên lục địa Âu châu trong sứ mệnh rao giảng tin mừng và từ đây, ông cùng Silas, Timothy và Luke—tác giả Công Vụ Tông Đồ, đi đến Philippi, khoảng 13 km về hướng tây-bắc, một miền đất thuộc địa của đế quốc Rôma thời ấy.

Thành phố cổ Philippi ngày nay không còn là một địa danh với dân cư đông đúc, phồn thịnh như ngày xưa. Nơi đây chỉ là một di tích lịch sử, nằm trong làng nhỏ mang tên Filippi.

Sau khi chụp hình và thu video toàn quần thể cổ thành, mình ghé vào viện bảo tàng nằm kế bên cạnh—sát chân đồi; nhưng, không có đủ thì giờ để vào thăm, đành cho ưu tiên hàng đầu—leo lên đỉnh đồi—nơi đã là một trụ sở hành chánh của vùng—thời Phaolô. Không biết khởi hành từ đâu, con đường nào. Mình hỏi nhân viên của viện bảo tàng, ông chỉ một cách miễn cưỡng—“Về hướng đó.” Về hướng ông chỉ, không thấy một con đường nào, ngay cả con đường mòn cũng không. Mình chỉ biết nhắm hướng để đi như một thời sống đời hướng đạo. Tuy nhiên, thấy vậy, nhưng không phải vậy; vì dốc đồi nghiêng gần 45 độ, gai nhiều, đá trơn, đá vỡ, không dễ tìm ra chỗ đặt chân xuống—lỡ tay trượt té là lăn nhào xuống núi ngay, toi mạng. Mình quyết tâm. Đã đến đây, gần hết hành trình rồi, không thể ra về nhưng không biết trên đỉnh đồi có gì, không nhìn

thấy được toàn quang cảnh của vùng Philippi—không thể được. Cố gắng hết sức, không phải chỉ sự cố gắng như một em “Sói Con” trong ngành hướng đạo, nhưng, gắng sức—một sống một còn, vì những giới hạn của sức khoẻ, cơ thể. Từng bước, từng nỗ lực (đúng theo nghĩa đen)—sau cùng, đã đến đích—Tạ ơn Chúa!

Cũng leo lên đồi như tại Corintho; nhưng, không có chông gai và hiểm nguy như tại Philippi. Vì thỉnh thoảng, lại thấy xương như của chó sói, da rắn... làm mình rợn da gà! Nếu, bị bất cứ một con hoang thú nào tấn công, cắn, ắt không có đường nào kêu cứu. Giữa lưng đồi hoang, bỏ hoang mấy ngàn năm, không hề có con đường mòn lên đỉnh đồi—ai nào nghĩ ra sẽ có người dám liều mạng một mình trèo ngang hông lên núi. Leo lên đã khó, tìm ra lối xuống cũng không dễ, vì hoàn toàn không một dấu hiệu nào có người lên sống đồi này, không có đường mòn, phải tự tìm lối xuống.

Phaolô rửa tội Lydia [11]

Xuống đồi, chưa được một phút xả hơi, lại phải vội vã nhanh chân đến đền thánh Lydia, nơi bà được chính Phaolô rửa tội bên bờ suối, cách cổ thành khoảng hơn nửa cây số, và được mệnh danh là người tín hữu Kitô giáo đầu tiên của Âu Châu. (xem Acts-CVTĐ 16, 15)

Đền thánh Lydia không lớn lắm, nhưng ghi lại đầy đủ những dấu tích lịch sử—từ dưới sàn nhà đến vách tường và trên trần nhà. Giữa đền thờ là một bồn dành cho nghi thức rửa tội. Công Vụ Tông Đồ không ghi lại hoặc nhắc đến bao nhiêu người khác, ngoài Lydia, được chính thánh Phaolô hoặc những người cộng sự, những người đứng đầu của giáo hội Philippi rửa tội. Philippi là cộng đoàn đầu tiên tại Hy-Lạp, nhưng không nghe nhắc đến nhiều, mãi đến năm bảy năm sau, khi Phaolô đang bị giam cầm tại Roma, mới có thư gửi cho giáo đoàn. Trong thư, Phaolô thể hiện như một di chúc, những lời nhắn gửi cuối cùng với tâm tình tri ân, trời trần, chia tay, và giã từ. *“Rốt lại, hỡi anh em, phàm điều chi chơn thật, điều chi đáng tôn kính, điều chi công bình, điều chi thanh sạch, điều chi đáng yêu chuộng, điều chi có tiếng tốt, điều chi có nhân đức đáng khen, thì anh em phải nghĩ đến. Những gì anh em đã học, đã nhận, đã nghe và đã thấy nơi tôi—hãy thực hành những điều này, thì Đức Chúa Trời bình an sẽ ở cùng anh em—Finally, brothers, whatever is true, whatever is honorable, whatever is just, whatever is pure, whatever is lovely, whatever is commendable, if there is any excellence, if there is anything worthy of praise, think about these things. What you have learned and received and heard and seen in me—practice these things, and the God of peace will be with you.”* (Philippians 4:8-9)

Phaolô đã đến Philippi trong chuyến hành trình thứ [2] (xem Acts-CVTĐ 16)

6. Rôma

Vương Cung Thánh Đường Thánh Phaolô-Ngoại thành-[14]

Thật đúng nghĩa với danh xưng, vì một công trình kiến trúc đồ sộ, trang nghiêm và tuyệt vời, không khác gì những vương cung thánh đường lớn tại Roma, ngoại trừ Vương Cung Thánh Đường Thánh Phêrô-Vatican. Nếu chỉ đi theo đoàn, tour, và chỉ nghe được những người hướng dẫn đoàn tóm lược về những gì theo kiến thức nghề nghiệp của họ, hoặc đi hành hương những đền đài tôn giáo nhưng không chuẩn bị, nghiên cứu trước, ắt hẳn sẽ mất mát rất nhiều. Vì để am hiểu thật sâu từng chi tiết, kiến trúc, hình ảnh, tượng, điêu khắc trong mọi đền đài, cần phải có rất nhiều thời gian, đi chậm, quan sát, nhìn sự vật từ nhiều góc độ, góc cạnh khác nhau. Không chỉ thấy (see), xem (watch) quan sát (observe), nhưng phải biết chiêm ngắm, chiêm ngưỡng—không chỉ bằng đôi mắt, nhưng bằng sự rung cảm trong tâm hồn và trái tim say mẩn. Để rồi, khi xa lìa các đền đài, giáo đường, mỗi người tự tạo cho mình một gia sản, tư liệu, thư viện, kiến thức phong phú và tràn đầy ý nghĩa để sống, chứ không chỉ có mặt, có hình, để cho người khác biết mình đã đến nơi này, nơi kia, viếng chỗ này, chỗ nọ. Kinh nghiệm sống, trải nghiệm, không cho, không chia phần, không trao tặng, hoặc thừa kế lại cho bất cứ ai. Ngay cả hai người cùng song hành, cùng đi hành hương, cùng nhìn về một sự vật, sự kiện, nhưng, không một ai có thể đắc thủ, cảm nhận và kinh nghiệm tương tự, đừng nói chi giống nhau.

Trước khi đến, bước vào đền thánh, mình hoàn toàn không có một cảm giác gì về một nơi thánh, mộ thánh và hấp lực, sức mạnh lôi cuốn mình, cho đến khi mình rời hẳn đền thánh, ra nơi hàng cây có ghé ngồi ngay phía trước, nhìn vào, mình cảm thấy tâm hồn đầy ắp không biết bao nhiêu cảm xúc còn giao động, đan xen vào nhau. Phải chăng, vì lần đầu tiên trong đời mình vô tình được tham dự thánh lễ ngay tại đền thánh Phaolô, với [19] vị giám mục và [5] linh mục đồng tế. Cuối lễ, lại được vị giám mục chủ tế bắt tay và hai giám mục chụp hình lưu niệm với mình. Mình không hề biết trước, cũng không mong gì ngoài việc viếng thăm đền thánh với tính cách cá nhân, riêng tư.

Đền thánh Phaolô-nơi ngài bị giam và hành quyết-Tre Fontane Abbey [15]

Đền Thánh Phaolô (ngoại thành) là nơi được bết đến là mộ của thánh Phaolô, và thành đền thánh Phaolô tại “Tre Fontane Abbey”, nơi Phaolô bị giam cầm và hành quyết—cách đền thánh Phaolô ngoại thành khoảng 2 cây số. Nơi đây vắng vẻ, không thấy bóng dáng tín hữu hành hương, du khách hoặc những sinh hoạt nhộn nhịp, không có bãi đậu xe lớn, không có quán lưu niệm, không nhà hàng ăn uống—toạ lạc trong một khu thanh vắng, với dòng tu và nơi chiêm niệm về những đau khổ, ngục tù và cái chết đau thương của Phaolô—bị chặt đầu—theo truyền thuyết của giáo hội. Những người đến đây, không phải là để tìm xem những kiến trúc nguy nga, tráng lệ, rực rỡ, huy hoàng, nhưng để nguyện cầu trong thinh lặng, hướng lòng về với đức tin và siêu nhiên.

Trên đường về, tâm hồn mình lâng lâng, như thì thầm cùng Phaolô—con nay đã được đặt chân lên những nơi thánh nhân đã một lần sống, một lần đi qua, rao giảng, và đã một lần chết—chết vì niềm tin mãnh liệt, chết cho người mình yêu—Đức Giêsu. Con vui sướng, toại nguyện và có thể thốt lên như Simeon ngày xưa, “*Lạy Chúa, giờ đây, con sẵn sàng ra đi, vì mắt con đã xem*

thấy tỏ tường, tay con đã sờ vào, chân con đã chạm trên những hành trình của Phaolô—ôi, tuyệt vời thay!”

Đan viện Citô—có tượng thánh Bênadô (Bernard) [16]

Vừa đến nơi, chuông từ trong đan viện “Tre Fontane Abbey/Three Fountains Abbey” – dòng Citô (Citeaux) vang lên, từng hồi, như chào đón, mời gọi mình. Ngạc nhiên, ngay trước đền thờ kính thánh Phaolô bị hành quyết, bên trái, một tượng thánh Bênadô (Bernard) đứng giang rộng đôi tay—như đón chào, như mời gọi, như đón con về—người Kitô hữu cùng mang tên của ngài. Lòng mình ấm lại, không như cái “ấm” ngoài da mùa hè của Roma.

Thánh Bênadô cũng thuộc dòng Citô, và ngài sáng lập ra nhiều dòng nam—nữ tại Clairvaux, nên được biết là Bernard xứ Claivaux (1090-20 tháng 8, 1153—tên Latin: Bernardus Claraevallensis) [17], nơi đó, ngài là một Đan Viện phụ, được nhiều giáo hoàng thời thánh chiến kính phục, thường hay tư vấn riêng. Ngày nay, dòng Citô trông coi, quản lý khu đền thánh nghĩa trang dưới đất, ngoài thành Roma.

Dòng Thánh Phaolô thành Chartres (Sisters of Saint Paul de Chartres) [18]

Ước muốn rất lâu được đặt chân đến nhà tổng quản, nơi có Mẹ Bề Trên Tổng Quyền đang sống, cũng là nơi hai chị của mình một thời sống và học tại Roma, đã toại nguyện. Ý định chỉ muốn biết toà nhà ấy thế nào, toạ lạc tại đâu, cũng hài lòng rồi. Nhưng, Mẹ Bề Trên đón tiếp mình với hết sức yêu thương và đặc biệt. Mẹ không hề tỏ vẻ ngạc nhiên hay ngần ngại—mặc dầu mình không gọi trước, chẳng báo trước, đừng nói chi xin phép Mẹ để thăm dòng. Hai Chị của mình cũng không hề hay biết cậu em mình hiện đang có mặt tại nhà tổng quản. Mình được mời ăn trưa, ngồi bên cạnh Mẹ—cùng bàn, có hai Soeur người Việt. Sau cơm trưa, Mẹ đưa đi thăm cơ sở—từ nhà nguyện với kiến trúc hết sức tân kỳ—từ trong ra ngoài, đến phòng tổng hội, nơi chỉ dùng bầu bèo trên tổng quyền, các điều khắc, bích chương, đến khu trưng bày biểu tượng của các miền, xứ, đất nước có cơ sở truyền giáo và công tác xã hội của dòng—đặc biệt là một mô hình về lịch sử hội dòng, từ một miền quê nghèo bên Pháp, do một nghệ nhân người đông Âu tặng. Một điều làm mình rất đỗi ngạc nhiên là, Mẹ đã giao công tác cho hai Soeur Việt—gọi taxi, tháp tùng mình đến đền thánh Phaolô, nơi ngài bị giam và hành quyết.

Phaolô đã đến Rôma trong chuyến hành trình... (xem Acts-CVTĐ)

Hành trình mấy tháng đặt chân lên [8] miền đất nước, thủ đô—tất nhiên, nhiều nơi chưa hề có dấu chân Phaolô; nhưng, mình chỉ cô đọng những gì chia sẻ trong bài viết ngắn này, chú trọng vào hầu hết những gì liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến Phaolô, ngoại trừ Meteora. Tự chung, đi đâu, tại Âu châu, vẫn tìm thấy dấu vết của thời đế quốc La Mã/Roma—liên quan rất mật thiết với thời đại của Đức Giêsu và của Phaolô. Ngay tại một nước rất nhỏ, Luxembourg, lớn

hơn Vatican, nhưng vẫn còn nhiều cổ thành của 2000 năm trước. Cũng như tại Trier, Đức, nơi chôn nhau cắt rốn của triết gia Karl Marx, vẫn thấy cổ thành La Mã ngay nơi phố chính.

Thư Phaolô—Một Sự Sống

Rồi từ đây, “Thư” của Phaolô không còn là những gì chỉ giới hạn trong các nghi thức tôn giáo, thánh lễ hay những bài giáo huấn của giáo sĩ và những ai có trách nhiệm duy trì truyền thống của giáo hội. Thư của Phaolô không còn gói gọn trong những bài đọc, bài giảng, hoặc những gì được trích, chọn chiết ra từ các Thư của Phaolô. Thư của Phaolô cũng không còn là tinh hoa, ý tưởng, huấn dụ hay kho tàng thần học của một tông đồ nhiệt thành—nhiệt thành cho đến chết. Nhưng, Thư của Phaolô là một sự sống—với hơi thở, nhịp tim—một hành trình sống với biết bao thử thách, gian lao, gian khổ, gian truân, hiểm nguy; với lòng dũng cảm, can đảm, quyết tâm và trên hết mọi sự: đó, chính là một đức tin—đức tin có thể dời non chuyển núi—trong đó, là một sự tổng hợp, hiệp lực, đồng tâm của biết bao nhiêu linh hồn, thân xác, cuộc đời, hợp lại trong cùng một đức tin mãnh liệt như không có gì lay chuyển được họ—Phaolô, các môn đệ và những tín hữu đầu tiên:

“Và tôi tin chắc rằng không gì có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa. Không phải sự chết hay sự sống, không phải thiên thần hay ác quỷ, không phải nỗi sợ hãi của chúng ta cho ngày hôm nay, không phải lo lắng của chúng ta cho ngày mai—ngay cả quyền lực của địa ngục cũng không thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Chúa. Trên trời hay dưới đất, không một quyền lực nào, không một tạo vật nào có thể tách rời chúng ta khỏi tình yêu của Thiên Chúa được mạc khải nơi đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta”—“And I am convinced that nothing can ever separate us from God’s love. Neither death nor life, neither angels nor demons, neither our fears for today nor our worries about tomorrow—not even the powers of hell can separate us from God’s love. No power in the sky above or in the earth below—indeed, nothing in all creation will ever be able to separate us from the love of God that is revealed in Christ Jesus our Lord.” (Romans 8:31-39)

Lời cuối...

Để viết trọn những gì tai nghe, mắt thấy, chạm vào, trải nghiệm và cảm nhận, từ góc độ con người, văn hoá (ngôn ngữ, phong tục truyền thống, thực phẩm, tôn giáo, đức tin, nghệ thuật, mỹ thuật, v.v.), chưa nói đến vấn đề chính trị—tác động thế nào đến tôn giáo, ắt phải mất ít nhất vài năm và dăm ba trăm trang—đấy là một công việc cần khá nhiều thời gian. Những gì mình đón nhận được một cách nhưng không, dường như là một hồng ân, một sự quan phòng và tình yêu thương của nhiều người dành riêng cho mình.

Tiền bạc không mua được học vấn, bằng cấp; và địa vị không đánh đổi được một hành trình có một không hai trong đời—nhớ đời. Để được một hành trình an bình, an toàn, và mang lại

nhieu hoa quả như ý, mong muốn, tất nhiên kiến thức cần phải có...Anh ngữ vững, khả năng thích nghi, hội nhập, nghệ thuật giao tế và trên hết mọi sự, chính là ơn trên mà người ta thường gọi là may mắn—những gì ngoài tầm tay của mình. Hành trình, ra đi—đi như Phaolô—xa khỏi môi trường mình sinh sống, tiện nghi, tất cả đều ngoài sự chủ động của mình—mình hoàn toàn trở nên bị động. Chuẩn bị, chuẩn bị, chuẩn bị và chuẩn bị. Thêm vào đó, lòng tự tin, tài ứng xử, tính chủ động, khả năng tiên liệu, phòng xa, là những yếu tố ắt có và cần thiết.

Tổ phụ triết học Socrates đã nói, “**An unexamined life is not worth living**” [25]. Dịch theo lối nôm na—Kiếp sống vô nghĩa—không đáng sống. Trong quan niệm ấy, mình đã và đang tự tạo một đời sống, một ngày sống, từng phút giây sống trọn ý nghĩa. Bằng cấp cao, nhà cửa rộng, xe êm ái...không mang lại cho mình ý nghĩa sống, đừng nói chi những phút giây hạnh phúc. Hành trang vào đời đã sẵn, mình mong dành thời gian ngắn ngủi còn lại để không phải chinh phục thế giới—nhưng chính mình; để khám phá những nơi, những gì mình mong muốn biết, đã đọc trong sách vở, xem qua phim ảnh. Giờ, bằng đặt chân, chạm đến, hội nhập vào và vun xới cho mình một kinh nghiệm sống thật, sống cùng và sống với mọi công dân hoàn vũ, chính nơi môi trường sống của từng miền, mỗi miền, mang một sắc thái văn hoá khác biệt, trong một cộng đồng thế giới cần sự tương tác, cảm thông, hợp tác, hoà bình và yêu thương hơn là tranh chấp và chiến tranh.

Mark Twain, một văn hào người Mỹ đã nói, “Đi, không cần biết đi đâu. Ra đi, bạn sẽ học hỏi được nhiều.” Quả vậy, ra đi, không bao giờ đo lường được những gì mình gặt hái và không bao giờ đong đầy được ước mơ học hỏi, phong phú hoá kiến thức và hành trang sống.

Thanksgiving 2022

BNĐ

§ ›

Bên dưới, có kèm theo nhiều tài liệu tham khảo và video những nơi mình đến, do những cơ sở, hội đoàn, tổ chức, chuyên gia hoặc cá nhân nghiên cứu, biên soạn, thực hiện, đặc biệt là video có tên: “*The Basilica of St. Paul Outside the Walls*”—Catholic Faith Net (CFN)—do một nhóm linh mục, tu sĩ, chuyên gia sử giáo hội thực hiện—trình bày một cách chuyên nghiệp, súc tích và hấp dẫn hơn. Đây cũng là cách đi thăm viếng các đền, giáo đường, công trình kiến trúc, di tích lịch sử, v.v.

Lưu ý—Mỗi thể loại phim ảnh, tài liệu, sách vở, luôn mang hoặc dựa vào tính triết lý, giá trị, truyền thống, thần học mang tính chủ quan, theo đường hướng của tôn giáo, giáo hội, giáo phái, hoặc cá nhân—do đó, người xem, đọc, cũng cần có một kiến thức rộng, thoáng và cởi mở. Không câu nệ, phân biệt, đả kích, phê bình hoặc xét đoán, khi chính mình chưa hoặc không có một kiến thức hay kinh nghiệm vượt lên trên, xa hơn, sâu sắc hơn những gì trong các thông tin, tài liệu hoặc phim ảnh.

Tên của các địa danh, thành phố, vùng miền trong kinh thánh đã thay đổi qua nhiều thời đại. Ngày nay, đã có một số cách gọi khác xưa, nhất là cách viết và phiên âm, phát âm trong tiếng Việt cũng như tiếng Anh, Pháp, theo nhiều cách của từng giáo phái. Đan cử như: Côrintô, Corinth, Corinthos, Korinthos.

*Lời riêng: Tác giả được lớn lên, giáo dục, đào tạo và sống đời đức tin từ thuở mới có trí nhớ, do đó, thuật ngữ bị ảnh hưởng sâu đậm nét công giáo Roma, nên có thể không đồng, không cùng khá nhiều danh xưng của các anh chị em trong các giáo phái hoặc tôn giáo khác, xin cảm thông. Mong góp ý và chia sẻ—chúng ta cùng tiếp tục hành trình...

**Hành trình theo dấu chân Phaolô bên trời tây, từ Hy-Lạp đến Roma, chưa đủ. Mình vừa dẫn thân vào hành trình tiếp theo, từ nơi chôn nhau cắt rốn của Phaolô (Tarsus), đến nơi khai sinh Kitô giáo (Antioch/Antakya), rồi xuôi về tây, qua các thành phố, làng, hang, nơi ông đã sống, giảng đạo—cùng với Gioan, Phêrô, đức Maria và nhiều tông đồ khác— và thành lập nhiều giáo hội thời sơ khai, trước khi có “kinh thánh”. Mình đã đến cổ thành Perge, Ephesus và sau cùng, Troy, nơi Phaolô dùng thuyền sang Hy-Lạp, khởi đầu hành trình rao giảng tin mừng (năm 49)—đang ghi lại hành trình thứ hai, “Hành Trình Tìm Về Cội Nguồn Kitô Giáo Theo Dấu Chân Phaolô—A Journey Headhome to Christianity Birthplace in Paul's Footsteps.”



Tham Khảo Kinh Thánh

I. Công Vụ Tông Đồ-Nên đọc toàn văn bản.

1. Đến Philippi và Lydia được rửa tội- Acts 16. 12, 15-16
2. Đến Thessalonica- Acts 17.1
3. Phaolô tại Athens- Acts 17. 16
4. Phaolô tại Corinth-Acts 18; 18.11
5. Phaolô tại Ephesus-Acts 19

6. Phaolô bị bắt-Acts 20. 27

II. Thư Phaolô Gửi Giáo Đoàn-Nên đọc hết các thư (đọc đi, đọc lại...)

1. Philippi

2. Thessalonica

3. Corinth (1 & 2)

4. Rôma

-

Tham Khảo

1. Wenham, David “Paul-Follower of Jesus or Founder of Christianity?”, 1995, Wm. B. Eedmans-Lighting Source; NEW STIFF WRAP edition

2. Ludemann, Gerd “Paul-The Founder of Christianity”, 2002, Prometheus Books-New York

3. Who is Apostle Paul?

https://en.wikipedia.org/wiki/Paul_the_Apostle

[Acts of the Apostles, 5](#)

[Paul the Apostle](#) in [Acts 22:3](#); [Acts 5:34](#).

4. Apostle Paul’s mission

<https://www.pbs.org/wgbh/pages/frontline/shows/religion/first/missions.html>

<https://rts.edu/resources/the-goal-of-pauls-mission/>

5. Paul’s Epistles

https://en.wikipedia.org/wiki/Pauline_epistles#:~:

[text=Most%20scholars%20believe%20that%20Paul,](#)

[Second%20Timothy%2C%20and%20Titus\).](#)

[https://www.churchofjesuschrist.org/study/scriptures/bd/pauline-](https://www.churchofjesuschrist.org/study/scriptures/bd/pauline-epistles?lang=eng) epistles?lang=eng

[https://www.oca.org/orthodoxy/the-orthodox-faith/doctrine-scripture/new-](https://www.oca.org/orthodoxy/the-orthodox-faith/doctrine-scripture/new-testament/letters-of-saint-paul)
testament/letters-of-saint-paul

<https://crossexamined.org/paul-write-thirteen-letters-attributed/>

6. Paul's 5th Journey

7. Athens

<https://en.wikipedia.org/wiki/Athens>

Culture and Religion

<https://culturalatlas.sbs.com.au/greek-culture/greek-culture-religion>

8. Mars Hill

<https://www.gotquestions.org/Mars-Hill.html>

https://en.wikipedia.org/wiki/Areopagus_sermon

9. Corinth

<https://en.wikipedia.org/wiki/Corinth>

10. Meteora

<https://en.wikipedia.org/wiki/Meteora>

11. Meteora-UNESCO

<https://whc.unesco.org/en/list/455/>

12. Monasteries in Meteora

<https://visitmeteora.travel/meteora-monasteries/>

13. Thessalonica

<https://en.wikipedia.org/wiki/Thessaloniki>

14. St. Nicholas Orphanos Church

https://en.wikipedia.org/wiki/Church_of_Saint_Nicholas_Orphanos

15. Church of St. Paul-Church of Aghios Pavlos

<https://orthodox-world.org/en/i/17833/Greece/Thessaloniki/Agios-Pavlos/Church/Saint-Paul-Orthodox-Church>

https://saloniki.guide/en/Attraction-Church_of_St_Paul-p2099-r189473-

Thessaloniki

16. Kavala

<https://en.wikipedia.org/wiki/Kavala>

17. Philippi

<https://en.wikipedia.org/wiki/Philippi>

18. Lydia

https://en.wikipedia.org/wiki/Lydia_of_Thyatira

19. God is Love [1 John 4:7-21]

<https://www.biblegateway.com/passage/?search=1%20John%204%3A7-21&version=ESV>

20. Le Seigneur Nous a aime –Lyrics

<https://www.conducteurdelouange.com/chants/consulter/192>

21. Le Seigneur Nous a aime-video

<https://www.youtube.com/watch?v=gzM0g4tevoE>

22. Basilica of Saint Paul (ngoại thành)

The Basilica of St. Paul Outside the Walls

Catholic Faith Net (CFN)

<https://www.youtube.com/watch?v=Z8WG358booc> [video-42:15]

https://en.wikipedia.org/wiki/Basilica_of_Saint_Paul_Outside_the_Walls

Saint Peter's Basilica and St. Paul's Outside the Walls

<https://www.youtube.com/watch?v=GJdSnxeGKMY&t=1033s>

23. St. Paul Church at Tre Fontane

https://en.wikipedia.org/wiki/San_Paolo_alle_Tre_Fontane

24. Tre Fontane Abbey

https://en.wikipedia.org/wiki/Tre_Fontane_Abbey

25. Saint Bernard of Clairvaux

https://en.wikipedia.org/wiki/Bernard_of_Clairvaux

26. Sisters of Saint Paul de Chartres

https://en.wikipedia.org/wiki/Sisters_of_Saint_Paul_of_Chartres

<https://stpaulrome.com/>

27. Socrates, "An unexamined life..."

<https://socratesjourney.org/socrates-and-the-unexamined-life/>

<https://www.the-philosophy.com/unexamined-life-worth-living-socrates>

Bernard Nguyễn-Đăng

VỀ MỤC LỤC

CÁC TÔNG ĐỒ ĐÃ SỐNG Ở ĐÂU VÀ CHẾT NHƯ THẾ NÀO SAU NGÀY CHÚA VỀ TRỜI

Trần Mỹ Duyệt

Những ngày xa xưa trong buổi đầu khi Tin Mừng được rao giảng, Chúa Giêsu đã đích thân tuyển chọn 12 người để cộng tác với Ngài gọi là những Tông Đồ. Tin Mừng ghi: “Trong những ngày ấy, Chúa Giêsu lên núi cầu nguyện, và suốt đêm, Người cầu nguyện cùng Thiên Chúa. Sáng ngày, Người gọi các môn đệ và chọn mười hai vị mà Ngài gọi là Tông đồ: Đó là Simon, mà Người đặt tên là Phêrô, và em ông là Anrê, Giacôbê và Gioan, Philipphê và Bartôlômêô, Matthêu và Tôma, Giacôbê con ông Alphê và Simon cũng gọi là Nhiệt Thành, Giuđa con ông Giacôbê và Giuđa Iscariôt là kẻ phản bội.” (Luca 6:12-16)

Ngoại trừ một vài Tông Đồ được nhắc đến về số phận và cái chết của họ trong Tin Mừng như Phêrô, Gioan, ngay cả Giuđa, số còn lại ít ai được biết tới. Điều này dẫn đến câu hỏi là sau khi Chúa Giêsu về trời thì số phận của họ như thế nào? Theo Thánh Kinh thì sau khi Chúa chịu chết, sống lại và về trời, đặc biệt, sau ngày Chúa Thánh Thần hiện xuống thì đời sống của các Tông Đồ đã thay đổi hoàn toàn. Các ông không còn rụt rè, nhút nhát, sợ sệt, nhưng đã mạnh dạn, can đảm ra đi để làm chứng nhân cho Tin Mừng. Vậy họ đã làm gì? Sống và chết ra sao?

Sau khi Chúa Giêsu về trời, các Tông Đồ trở lại Giêrusalem và cầu nguyện 10 ngày như Chúa Giêsu đã căn dặn (Acts 1:4). Các ông nhận lãnh Thánh Thần trong lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống (Acts 2). Lịch sử của Giáo Hội đã khai mở, nhưng ngoài những gì được ghi trong các Phúc Âm, trong Tông Đồ Công Vụ, trong các Thánh Thư, đặc biệt là những thư của Phaolô, chúng ta biết rất ít về số phận các Tông Đồ, mặc dù chúng ta vẫn tin tưởng rằng các ông đã đi rất xa tận cùng trái đất để rao giảng về Chúa Giêsu. Các ông đã đau khổ vì đức tin, và đã bị chết một cách đau đớn để trở thành những chứng nhân sống động cho Tin Mừng mà các ông rao giảng.

Sau đây là 13 trong số các Tông Đồ gồm Matthias thay thế Giuđa Iscariot trong nhóm 12 theo Luca 6:12-16, và Phaolô, Tông đồ dân ngoại:

1. Simon/Phêrô: Simon sinh tại Bethsaida thuộc Galilee. Xuất thân ông là một ngư phủ chuyên nghiệp. Cha của ông cũng là ngư phủ chuyên nghiệp tên là Jonah. Ông có người em là Andrê cũng là Tông Đồ trong nhóm 12 được Chúa Giêsu tuyển chọn. Căn nhà ông ở tại Capernaum vào thế kỷ thứ 5 người ta xây một thánh đường bao trên đó.

Sau 3 năm theo Thầy, và sau khi Chúa về trời, ông khởi đầu sứ vụ bằng bài giảng ngay trong ngày lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống (Tông Đồ Công Vụ, Chương 2). Một bài giảng gây tiếng vang, và đã thu hút 3000 người xin chịu phép Rửa ngay ngày hôm đó. Ông chuyên chú vào người Do Thái, khác với Phaolô nhắm tới dân ngoại. Sau nhiều lần bị giam giữ tại Giêrusalem, ông đã tới Rôma, ở đó cùng với Marcô thư ký của ông đã biên Phúc Âm thứ nhất theo lời giảng của ông. Phần cá nhân, ông cũng viết 2 thư xuất hiện trong Tân Ước.

Ông được Chúa Giêsu đổi tên là Cephas (Phêrô), có nghĩa là đá do lòng nhiệt thành của ông. Đó cũng là tên mà Chúa Giêsu nhắm tới việc xây dựng Giáo Hội của Ngài trên ông. “Con là Cephas nghĩa là đá, trên đá này Thầy sẽ xây Giáo Hội Thầy” (Mt 16:18). Irenaeus (c.180A.D) dựa theo truyền thống, cho rằng Phêrô và Phaolô đã xây dựng Giáo Hội ở Rôma. Ông là vị Giáo Hoàng tiên khởi của Hội Thánh Công Giáo.

Phêrô, theo Phaolô ghi lại trong thư gửi giáo đoàn Galatians, thì cũng đã một lần viếng thăm Antioch (Galatians 2:11) và có thể ở Corinth (1 Corinthians 1:12). Cũng trong Tông Đồ Công Vụ, ông đã giảng đạo cho Cornelius ở Caesarea. Người đầu tiên được ông hướng dẫn mà không phải Do Thái (Acts 10).

Theo truyền thuyết, hoàng đế Rôma là Nero đã ra lệnh giết Phêrô năm 66 AD, sau 33 năm Chúa về trời. Ông bị đóng đinh ngược và được an táng dưới hầm vương cung thánh đường Thánh Phêrô hiện nay ở Rôma.

2. André: Ngư phủ từ Galilee, em của Phêrô. Nguyên thủy ông là môn đệ của Gioan Tẩy Giả (Mark 1:16-18). Sau khi cùng anh là Phêrô bỏ nghề chài lưới theo Chúa, ông thuộc số những Tông Đồ đầu tiên của Ngài.

Ông giảng đạo cho người Scythians và Thracians. Bị đóng đinh và an táng tại Patras (Patrae), thành Achaia (Achaea), Hy Lạp. Theo Hippolytus, André giảng đạo tại Georgia/Bulgaria ngày nay, phần đất nối liền với Hắc Hải (Black Sea) gần Thổ Nhĩ Kỳ. Eusebius trong lịch sử của Giáo Hội đã dùng tài liệu của Origen để xác định rằng André giảng đạo tại Scythia. Trong Chronicle of Nestor thêm rằng, ông giảng đạo dọc theo Hắc Hải và sông Dnieper tới mãi tận Kiev, và từ đó di chuyển đến Novgorod. Do đó, ông trở thành Bồn Mạ của nước Ukraine, Romania và Nga. Theo truyền thống, ông lập tòa ở Byzantium (Constantinople và Istanbul sau này) năm 38 AD, sau này thành tòa thượng phụ Constantinople, và đã đặt Stachys là Giám Mục. Cả André và thánh Stachys đều được coi là quan thầy của Tòa Thượng Phụ.

Tài liệu trước đó trong Công Vụ của André (Acts of Andrew) như Gregory of Tours đã cho rằng ông bị trói chứ không phải bị đóng bằng đinh vào một loại thập giá gọi là thập giá Latin có hình chữ X vào năm 74 AD. Cái chết của ông, theo nhà sử học, Dorman Newman thuộc thế kỷ 15, khi ở Patras thuộc đông Hy Lạp năm 69 AD, Tổng Đốc Rôma là Aegeates ở đây đã tranh luận với ông về tôn giáo. Aegeates đã cố gắng thuyết phục André từ bỏ Kitô giáo để tránh bị tra tấn và xử hình. Cuối cùng ông bị đánh đòn và sau đó bị đóng đinh. Ông đã sống thoi thóp trên thập giá 2 ngày, và không ngừng rao giảng Tin Mừng cho những người qua lại. Tại Hy Lạp gần Ethiopia vẫn còn dấu tích mộ của ông.

Ngoài ra, theo Scots thì André cũng đã đến giảng đạo tại Picts, vì vậy họ dùng cây thập giá của Thánh André trên quốc kỳ của họ.

3. Giacôbê: Con của Zebedee người làng Bethsaida, và là anh của Gioan. Ông và em ông là anh em họ với Chúa Giêsu. Để phân biệt với Giacôbê con ông Alphaeus, ông được gọi là Giacôbê Cả hay Giacôbê Tiền. Tên của ông không rời xa tên em ông là Gioan trong Mark 1:19-20; Mt 4:21, và Luca 5:1-11. Ông là Tông Đồ đầu tiên bị tử đạo.

Là ngư phủ sinh sống quanh Bethsaida, Capernaum và Giêrusalem. Ông cùng em đã bỏ chài lưới đi theo Chúa Giêsu khi Người gọi hai ông, lúc hai ông đang vá lưới dưới thuyền với cha mình. Ông và em ông được Chúa Giêsu đặt cho biệt danh là con sấm sét.

Tương truyền rằng ông đã sang tận Tây Ban Nha rao giảng Phúc Âm, nhưng sau về lại Giuđêa. Ông được cho là Giám Mục Giêrusalem, bị quận vương Herod Agrippa I chém đầu năm 44 AD., và được an táng ở Giuđêa (Tông Đồ Công Vụ 12:2). Hippolytus xác nhận cái chết của ông. Eusebius cũng cho biết ông chết theo sau Stêphanô, vị phó tế đầu tiên bị ném đá.

Lý do ông bị chết vì Herod Agrippa I, quận vương mới của Judea muốn chứng tỏ mình trung thành với người Rôma bằng cách bắt bớ những thủ lĩnh các tôn giáo. Sau khi Giacôbê bị bắt và bị dẫn đi hành hình, người tố cáo ẩn danh ông đã xúc động do lòng can đảm của ông, nên không những đã xin theo đạo, mà còn xin được chết chung cùng với Giacôbê. Ông để lại 1 Thánh Thư trong bộ Thánh Kinh Tân Ước.

4. Gioan: Em của Giacôbê con ông Zebedee. Ông và anh mình được Chúa Giêsu đặt cho biệt danh “Boanerges”, có nghĩa là con Sấm Sét, khi hai ông xin Chúa cho lửa bởi trời xuống thiêu hủy dân làng Samaritan vì đã không đón tiếp Ngài (Luca 9:51-54). Mẹ ông đã có lần xin Chúa cho anh em ông được ngồi hai bên tả hữu trong nước của Ngài (Mark 10:35-37). Ông là người được Chúa Giêsu yêu cho dựa đầu vào ngực Chúa trong bữa tiệc ly, và trối Đức Mẹ lại trước khi Ngài tắt thở trên thập giá: “Này là mẹ con.” (Gioan 19:24-27)

Ông là đầu của giáo hội tại Ephesus, và được diễm phúc phụng dưỡng Đức Maria, Mẹ của Chúa Giêsu. Theo truyền thống Latin, ông được cho là đã thoát khỏi vạc dầu sôi trước đó khi ở Rôma.

Trong cuộc bách hại của Domitian và giữa năm 90, ông bị lưu đày qua đảo Patmos. Ông viết Phúc Âm và viết 3 lá thư. Cũng trong thời gian lưu đày ở đảo Patmos, ông đã viết sách Khải Huyền là cuốn sau cùng chấm dứt bộ Tân Ước. Theo Hippolytus, tuy bị lưu đày tại đảo Patmos, nhưng ông qua đời ở tuổi già tại Ephesus khoảng năm 100 AD.

5. Philípphê: Philip người Bethsaida là một trong số những môn đệ đầu tiên của Chúa Giêsu. Ông là người cùng quê với các ông André và Phêrô (Gioan 1:44). Ông rao giảng Tin Mừng ở Phrygia, Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey). Ông bị đánh đòn, bỏ vào ngục và bị ném đá năm 80 AD tại Hierapolis, Thổ Nhĩ Kỳ.

Philip là người thứ năm trong số 12 tông đồ được Chúa Giêsu tuyển chọn: “Hôm sau, Đức Giêsu quyết định đi tới miền Galilê. Người gặp ông Philípphê và nói: “Anh hãy theo tôi.” (Gioan 1:43) Liên sau khi trở thành môn đệ Chúa, ông đã đi giới thiệu Chúa Giêsu cho Nathanael (Bartholomew). Khi thấy Nathanael ngần ngại, nghi ngờ, ông đã bảo bạn mình: “Hãy tới mà xem.” (Gioan 1:46) Và Nathanael cũng được Chúa tuyển chọn làm Tông Đồ.

Ông được Phúc Âm nhắc đến nhiều ở biển cố Chúa làm phép lạ bánh hóa nhiều, khi Người muốn thử xem ông phải làm gì (Gioan 6:5-6). Phúc Âm cũng nói đến việc những người Hy Lạp Do Thái trong dịp lễ Vượt Qua (Passover) tại Giêrusalem nhờ ông giới thiệu họ với Chúa Giêsu (Gioan 12:20-22). Xúc động nhất là câu hỏi của ông trong Bữa Tiệc Ly, khi đó ông xin Chúa Giêsu cho được thấy Chúa Cha (Gioan 14:8-11).

Sau khi Chúa về trời Tông Đồ Công Vụ ghi, ông đã tới Samaria ở đó rao giảng Tin Mừng và thực hiện những phép lạ (Acts 8:4-6). Ông đã cải đạo được cho Simon phù thủy (Acts 8:9-13). Trong khi nhận được lời truyền từ thiên thần, ông đã gặp một người Ethiopia tại Gaza, vị hoạn quan quyền thế dưới quyền hoàng hậu Candace và đã rửa tội cho ông này (Acts 8:26-39). Sau cùng ông sống tại Caesarea (Acts 21:8). Cũng theo Tông Đồ Công Vụ thì Philip có 4 người con gái sống đời đồng trinh và đã được ơn nói tiên tri (Acts 21:9).

6. Nathanael/Barthôlômêô: Ông là người từ Cana, Galilee với tên gọi Nathanael. Trong Lịch Sử Hội Thánh của Eusebius, sau khi Chúa về trời, Barthôlômêô sang truyền giáo tại Ấn Độ. Cũng có một truyền thuyết khác nói rằng ông đã truyền rao Tin Mừng tại Ethiopia, Mesopotania, Parthia, và Lycaonia. Nhưng phần đông vẫn cho rằng ông giảng đạo tại Ấn Độ, và sau này đến Greater Armenia.

Theo truyền tụng đại chúng của người Armenians, Tông Đồ Jude (Thaddaeus) là người đầu tiên đến truyền giảng Tin Mừng trong vùng này từ năm 43-66 AD. Năm 60 AD, Barthôlômêô cũng đã đến cùng truyền đạo với ông. Khi đến nơi, ông đã mang theo Phúc Âm của Mátthêu, và đã dịch Phúc Âm này sang tiếng địa phương. Barthôlômêô tử đạo tại Albanopolis, Armenia năm 68 AD.

Nhiều tài liệu khác nhau về cái chết của ông, một số cho rằng ông bị chém đầu. Một số khác thì ông bị lột da sống và chịu đóng đinh ngược đầu do lệnh truyền của Astyages. Lý do vì ông đã cải đạo Polymius em của Astyages, vua xứ Armenia.

7.Mátthêu: Mátthêu cũng còn gọi là Levi, con của Alphaeus, vì thế ông bị cho là anh em với Giacôbê Trẻ. Trước khi được Chúa gọi, ông là người thu thuế ở Capernaum. Ông viết Phúc Âm cho người Do Thái. Với mục đích viết Phúc Âm cho người Do Thái, nên Phúc Âm của ông được viết bằng tiếng Do Thái.

Theo một số truyền thuyết ông đã đến rao giảng tại Ethiopia, và một số khác cho rằng ông cũng đã đến Persia và Parthia. Ông tử đạo khoảng năm 68 AD tại Ethiopia bằng một lưới gươm đâm thấu. Cũng có truyền thuyết cho rằng ông bị đâm sau lưng bằng lưới đồng do một tên hành quyết được vua Hertacus cử tới bởi vì ông đã phê bình đời sống luân lý của vua.

8.Tôma: Thomas cũng gọi là Didymus. Có thể là một ngư phủ, thường được nhớ như Thomas đa nghi. Trong lúc Chúa Giêsu nói với các Tông Đồ trong Bữa Tiệc Ly, ông đã thẳng thắn hỏi Chúa: “Lạy Chúa, chúng con không biết Chúa đi đâu, thì làm sao biết được đường.” (Gioan 14:5) Cũng trong Tin Mừng Gioan (20:25), khi nghe các Tông Đồ nói đã thấy Chúa sống lại, ông đã thẳng thừng từ chối, và cho rằng chỉ khi nào ông nhìn những vết đinh nơi tay Chúa, và thọc tay vào cạnh sườn Ngài, ông mới tin. Nhưng Chúa đã thỏa mãn sự nghi ngờ của ông và qua đó, chúc lành cho mọi người sau này không được diễm phúc nhìn thấy Chúa như ông nhưng vẫn tin: “Tôma vì con đã thấy thầy và đã tin. Nhưng phúc cho những ai không thấy mà tin.” (Gioan 20:29) Cũng do thái độ hoài nghi của ông mà sau này mới được biết về cái chết và việc Đức Mẹ về trời cả hồn lẫn xác.

Theo Hippolytus, Thomas là một nhà rao giảng nhiệt thành. Ông được biết là đã rao giảng Phúc Âm cho người Parthians, Medes, Persians, Hyrcanians, và người Bactrian-Margianian. Ông có lẽ năng động nhất ở đông Syria. Truyền thống cho là ông đã sang tới mãi tận Ấn Độ, và những Kitô hữu Marthoma xa xưa đón nhận ông như đấng sáng lập.

Ông bị đâm bằng một lưới đồng trong lúc đang cầu nguyện tại Chennai, Ấn Độ ngày 3 tháng Bảy năm 72 AD., và được an táng tại Mylapore, bờ biển đông Ấn Độ. Truyền thống Giáo Hội Latin cho rằng ông tử đạo ngày 21 tháng Mười Hai. Ông đã để lại một cộng đoàn ở đó cho đến khi người Bồ Đào Nha tới.

9.Giacôbê: Con của Alphaeus chứ không phải là con của Zebedee, và do đó, ông cũng không phải là anh em với Gioan. Tên của ông được xuất hiện trong Mt 10:1-3, Mark 3:14-19, Luca 6:13-16, và Acts 1:13. Mẹ của ông là Maria, một trong những phụ nữ ra viếng mộ Chúa Giêsu và thấy mộ trống trong buổi sáng Phục Sinh. Ông được gọi là Giacôbê Trẻ hay Giacôbê Hậu để phân biệt với Giacôbê Tiền hay Giacôbê Cả là anh của Gioan. Cũng vì cha ông là Alphaeus, nên ông thường bị cho là anh em với Mátthêu.

Sau khi Chúa về trời, ông truyền rao Tin Mừng trong phạm vi Giêrusalem. Ông là một trong những vị Tông Đồ sống lâu nhất, có lẽ còn hơn cả Gioan. Ông qua đời năm 94 tuổi. Trước hết bị đánh đòn, và bị ném đá. Sau đó bị đánh vào đầu bằng một cây gậy. Tuy nhiên, theo Hippolytus, thì ông bị người Do Thái ném đá tại Giêrusalem. Và ông được mai táng bên cạnh đền thờ năm 62 AD.

10.Simon Nhiệt Thành: Giám mục Giêrusalem sau Giacôbê. Ông đến từ Cana và vì thế cũng được gọi là Simon người Canaanite, hoặc Simon Nhiệt Thành. Ông không thuộc những người Do Thái nhiệt thành chống lại người Rôma. Ông là con của Clopas. Theo Hippolytus, ông là Giám Mục thứ hai của Giêrusalem kế vị Giacôbê. Thánh Demetrius thành Rostov cũng xác nhận ông

là Giám Mục thứ hai của Giêrusalem. Ông được an táng tại Giêrusalem. Theo tài liệu thì ông đã bị đóng đinh như vị Giám Mục của Giêrusalem sau khi giảng Phúc Âm tại Samaria.

Các tài liệu không đồng nhất về những nơi ông đã rao giảng Tin Mừng. Có tài liệu nói là ông đã đi tới tận Anh quốc. Tài liệu bằng tiếng Hy Lạp thì cho rằng ông giảng đạo tại Hắc Hải (Black Sea), Ai Cập, và Bắc Phi. Nhưng theo tài liệu Latin "Passio Simonis et Judae", ông sống tại Persia và tử đạo tại Suanir, còn nơi an táng của ông không ai biết. Theo những người Kitô giáo Ethiopians thì ông bị đóng đinh tại Samaria, trong khi Justus Lipsius viết rằng ông bị cưa đôi tại Suanir, Persia. Ông bị giết vì đã từ chối không dâng lễ vật cho thần mặt trời.

Ông cũng được cho rằng cùng với Jude (Thaddaeus) giảng đạo tại Persia và Armenia, hoặc Beirut, Lebanon. Cả hai cùng tử đạo năm 65 AD. Một tài liệu khác lại cho rằng, ông bị đóng đinh thập giá năm 74 AD. Giáo Hội Tây Phương kính ông cùng với Jude (Thaddaeus). Ngược lại, ở Đông Phương hai ngài được kính riêng. Ông là bổn mạng những người thuộc da.

11. Giuđa/Thaddaeus: Con của Giacôbê. Rao giảng Tin Mừng tới Edessa gần sông Euphrates và chung quanh khu vực Mesopotamian (Iraq, Syria, Turkey, Iran). Qua đời năm 72 AD. Ông bị bắn bằng tên tại Ararat.

Thánh Giêrônimô gọi Judas là "Trinomius" có nghĩa là người có 3 tên. Trong Mark 3:18 ông được gọi là Thaddeus. Trong Mátthêu 10:3, ông được gọi là Lebbeus. Và tên Thaddeus (Trái tim được sưởi ấm). Trong Luca 6:16 và Tông Đồ Công Vụ 1:13, ông được xem như Juda anh em của Giacôbê.

Theo Hippolytus, sau khi Chúa về trời, ông ra đi rao giảng Tin Mừng cho người ở Edessa (bên trên Mesopotamia) và cả vùng Mesopotania. Qua đời tại Berytus (Lebanon, gần Syria và Thổ Nhĩ Kỳ), và được an táng tại đó.

Trong Tân Ước (John 14:22). Ông đã hỏi Chúa Giêsu trong Bữa Tiệc Ly, "Tại sao Chúa chỉ tỏ mình cho chúng con mà không cho thế giới". Qua câu hỏi này ông muốn cho mọi người được biết Chúa Kitô. Ông cũng để lại 1 thư trong số các Thánh Thư của Tân Ước.

12. Mátthia: Theo tiếng Hy Lạp, Matthias có nghĩa "Ân huệ của Giavê". Ông là một trong 70 môn đệ theo Chúa Giêsu từ đầu, lúc Ngài chịu phép rửa bởi Gioan Tiền Hô trên sông Jordan cho đến khi Ngài về trời (Acts 1:21-22).

Sau khi Chúa về trời, Phêrô đã triệu tập 11 Tông Đồ trên căn thượng lầu và đã bỏ phiếu giữa Matthias và Giuse còn gọi là Barsabus, người có tên họ là Justus. Matthias được chọn thay thế cho Giuđa Iscariot để giữ con số Tông Đồ là 12 như lúc ban đầu, nhưng ông không do chính Chúa Giêsu tuyển chọn.

Ông được cho là đã tới Syria cùng với Andrê. Theo Nicephorus (Historia eccl., 2, 40), Matthias đầu tiên giảng Tin Mừng ở Judea, rồi sau đó ở Aethiopia (miền Colchis, thuộc Georgia ngày nay), và bị ném đá chết. Một truyền thống khác cho rằng ông bị người Do Thái ném đá tại Giêrusalem, sau đó bị chém đầu. (cf. Tillemont, Mémoires pour servir à l'histoire ecclesiastique des six premiers siècles, I, 406-7). Ông cũng được cho là đã rao truyền Phúc Âm trên bờ biển Caspian và Cappadocia. Theo Hippolytus, Matthias chết ở Giêrusalem năm 80 AD. Ông là Giám Mục Giêrusalem.

Những tin tức liên quan đến cuộc sống và cái chết của ông không rõ ràng. Theo Nicephorus (Lịch Sử Giáo Hội II.40) cho rằng đầu tiên ông rao giảng Phúc Âm ở Judea, rồi tới Ethiopia và ông bị đóng đinh ở đó. Nhưng theo Dorotheus thì Matthias rao giảng Tin Mừng cho những người

man khai, mọi rợ ở trong Ethiopia, và hải cảng biển Hyssus tại cửa sông Phasis. Ông qua đời tại Sebastopolis và được an táng gần Đền Thờ Mặt Trời. Thánh Helena đã đem hài cốt của ông về Rôma.

13.Phaolô – Tông Đồ Dân Ngoại. Ông được Chúa Giêsu gọi khi đang trên đường ông đến Damas bắt bớ các Kitô hữu. Ông đã tự giới thiệu mình là Tông Đồ với giáo đoàn Êphêsô: “Tôi, Phaolô, tông đồ của Chúa Giêsu Kitô theo thánh ý của Thiên Chúa.” (Ephesians 1:1; 1 Corinthians 1:1; 2 Corinthians 1:1; Galatians 1:1)

Ông tên là Saul (Saulê). Ông sinh năm c.5 AD. Tại Tarsus, Cilicia thuộc Đế Quốc Rôma, ngày nay là Mersin, Thổ Nhĩ Kỳ. Ông tử đạo năm c. 64/65 AD., tại Roma, Ý, thuộc Đế Quốc Roma. Vương Cung Thánh Đường Thánh Phaolô Ngoại Thành được xây trên nơi ông đã bị chém đầu.

Phaolô bị chặt đầu bằng gươm, vì ông có quốc tịch Rôma. Ông bị hành hình dưới thời hoàng đế Neron năm 33 AD. Cuộc đời của Phaolô, ơn gọi đặc biệt của ông, việc trở lại diệu kỳ của ông, hành trình truyền giáo của ông, cũng như những tư tưởng phi thường của ông đã được ghi rõ trong Tông Đồ Công Vụ và 13 thư do ông viết trong Tân Ước.

Tiến Sĩ Tâm Lý Trần Mỹ Duyệt

VỀ MỤC LỤC

TƯƠNG QUAN VỚI MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN

Lm Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss

NGƯỜI NỮ TU

SỐNG TU ĐỨC TOÀN DIỆN

LỚP THẦN HỌC LIÊN TU SĨ

TÒA GIÁM MỤC BÙI CHU

2008 – 2009

CHƯƠNG BA

CON ĐƯỜNG SỐNG THÁNH (tiếp theo)

IV. TƯƠNG QUAN VỚI MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN

Cuộc sống nhân bản, thiêng liêng và tông đồ của người tu sĩ cũng cần đến mối tương quan với môi trường thiên nhiên.

Trong thời đạo đức sinh học của chúng ta hôm nay, tu sĩ cần thiết lập một mối tương quan lành mạnh với toàn thể thế giới được tạo thành, nơi mà Chúa Thánh Thần hằng hoạt động.

“Thiên Chúa ở trong tất cả” là lối hiểu nền tảng của mối tương quan giữa Thiên Chúa và thụ tạo: Thiên Chúa không ở ngoài thụ tạo và Ngài tiếp tục sáng tạo, canh tân tạo vật của Ngài cho đến tận cùng muôn đời theo kế hoạch yêu thương của Ngài (2 Cr 5,19; 1 Cr 8,6; Eph 1,3-14; Cl 1,15-29; Ga 1,1-3; Kh 21,5), và cứu chuộc nó (Rm 8,19). Chúng ta được kêu gọi tham dự vào công trình sáng tạo này của Thiên Chúa (St 1, 28) như một trách nhiệm tôn giáo.

Thật vậy, đời sống thiêng liêng là toàn thể cuộc sống được sống trong Thần Khí, nên khi chăm sóc thụ tạo, chúng ta cũng làm cho trách nhiệm này hoà nhập vào chính đời sống thiêng liêng của chúng ta.

Để chu toàn đời sống và sứ vụ của mình, ta phải nhìn vào đời sống và giáo huấn của Chúa Giêsu liên quan tới tạo vật: hạt giống, hoa cỏ, chim trời, cá biển, cây nho, cây vả, vườn tược, cánh đồng, mùa gặt, sa mạc, núi non, nắm men, thùng bột, ngọn đèn, v.v.... (nhỏ cỏ / nhỏ tận gốc tận chồi; chăm cây cảnh / chăm nhân đức v.v.)

Chúa Giêsu được Thần Khí hướng dẫn và Ngài thường ra đi từ sáng sớm tinh sương hay muộn màng khi trời đã tối, ngay cả giữa đêm khuya thanh vắng, một mình, vào sa mạc hay lên núi, ở đó sứ mạng và sự hiệp thông thân mật của Ngài với Chúa Cha được thử thách, khẳng định và củng cố (x. Mc 6,31).

Ta nên tìm thư giãn trong các môi trường thiên nhiên, để nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng và gia tăng hiệp thông thân mật với Thiên Chúa, bằng cách để cho trí óc và con tim ngưỡng mộ và thưởng thức vẻ đẹp của tạo vật.

Ta có thể dành thời gian để suy ngẫm và cầu nguyện ngay trên bờ biển lúc rạng đông lên hay khi hoàng hôn xuống, dưới ánh trăng sao dịu mát ban đêm giữa cánh đồng bao la bát ngát hay trong rừng sâu giữa mùa hè lắng nghe tiếng sóng vỗ của đại dương, tiếng reo của suối, tiếng thì thầm của cây cối, tiếng líu lo của chim chóc, tiếng xào xạc của hoa cỏ như là nghe thấy Chúa Thánh Thần (Ecclesia in Asia, no. 15) nói trong trí khôn, trong con tim và trong linh hồn vậy.

Ta sẽ cảm nhận rõ sự hiện diện thân tình của Thiên Chúa nơi thiên nhiên, đồng thời cảm nhận được sự cao cả của Chúa và sự thấp hèn của mình. Ta sẽ học thực hành sống khiêm nhường trong tương quan với Thiên Chúa, với tha nhân và với tạo thành (xem ý nghĩa và nội dung biến cố “Tráng sinh lên đường”)

Chúng ta cũng thực hành thư giãn thân thể nhờ nhịp độ của hơi thở: Khi hít vào, ta tưởng tượng rằng năng lực của Chúa Thánh Thần đang chuyển vào trong mình ta để chữa lành, thánh hoá và tăng thêm sức mạnh, và trong khi thở ra lại nghĩ rằng Chúa Thánh Thần đang đẩy những điều xấu ra khỏi cuộc sống mình.

Tập thư giãn bằng cách: Hít dưỡng khí vào thật sâu qua mũi cho căng đầy bụng, rồi chuyển qua huyệt đan điền, đẩy ra toàn thân tới tận chân tơ kẽ tóc / đường gân thớ thịt. Xong lại rút thán khí về qua huyệt đan điền để đẩy ra ngoài qua miệng. Trong khi đó để

tâm trí kiểm soát đường đi của hơi thở. Còn ý nghĩ thì nghĩ rằng Chúa Thánh Thần đi vào để thánh hóa và rút bỏ những xấu xa quý quái khỏi lòng trí và thân xác ta.

Cuộc đời không luôn luôn xảy ra như lòng ta mong ước. Có những điều tích cực mong mãi không được. Lại có những điều tiêu cực không chờ đợi vẫn đến, cố tránh mà vẫn phải gặp. Vận dụng hơi thở để giải trừ: Khi hít vào, ta cũng có thể nghĩ là mình đón nhận tất cả những gì là tích cực; còn thở ra là loại bỏ tất cả những gì là tiêu cực từ bất cứ đâu mà đến.

Với cách này, ta tập giữ tâm hồn ở trạng thái thanh thản, như kinh Yataka dạy ‘Con hãy giữ tâm như đất: trên đất, người ta đổ ra dầu ngọt dầu chua, dầu cay dầu đắng, dầu sạch dầu dơ, đất vẫn một mực thản nhiên, đất không giận, đất không thương’.

Một tinh thần lành mạnh trong một thân thể tráng kiện. Nếu chúng ta biết vun trồng và bảo vệ thiên nhiên, thì thiên nhiên sẽ bảo vệ và tăng sức lực cho chúng ta. (Ecclesia in Asia, no.41). Chẳng hạn câu chuyện “cây thầu dầu với tiên tri Giônã”:

“Chúa khiến một cây thầu dầu mọc lên ở phía trên ông Giônã để có bóng mát che đầu ông, hầu làm ông hết buồn bực. Ông Giônã vui, vui lắm vì cây thầu dầu. Nhưng hôm sau, khi hừng đông ló rạng, Chúa khiến một con sâu cắn cây thầu dầu và cây bị héo. Khi mặt trời mọc, Chúa cho có một cơn gió đông nóng bỏng, và mặt trời giội nắng xuống đầu ông Giônã; ông ngất xỉu và xin cho mình được chết, ông nói: "Thà tôi chết còn hơn là sống." Chúa hỏi ông Giônã: "Người nổi giận vì cây thầu dầu, như thế có lý không?" Ông trả lời: "Con có lý để nổi giận đến chết được!" Chúa phán: "Người, người thương hại cây thầu dầu mà người đã không vất vả vì nó, và không làm cho nó lớn lên; trong một đêm nó đã sinh ra, rồi trong một đêm lại chết đi. Còn Ta, chẳng lẽ Ta lại không thương hại Ninivê, thành phố lớn, trong đó có hơn một trăm hai mươi ngàn người không phân biệt được bên phải với bên trái, và lại có rất nhiều thú vật hay sao?" (Giona 4,6-11)

(xem Phụ Lục I: SỐNG TƯƠNG QUAN VỚI THIÊN NHIÊN QUA MỘT SỐ THÁNH THI)

V. TƯƠNG QUAN VỚI “TỬ CHUNG”

- 1. Cái chết**
- 2. Phán xét**
- 3. Thiên Đàng**
- 4. Hỏa Ngục**

Không có cái gì chắc chắn sẽ đến như cái chết; không có gì công bằng và nghiêm ngặt cho bằng cuộc phán xét chung thẩm; không có gì cay đắng và khủng khiếp cho bằng hỏa ngục; và không có gì dịu ngọt hạnh phúc cho bằng thiên đàng.

NGHĨ VỀ CÁI CHẾT

“Hãy để cái chết làm thầy dạy cho chúng ta” (Thánh Augustinô)

1. CÁI CHẾT: MỘT CON ĐƯỜNG SỐNG THÁNH

“Đã đến giờ tôi phải ra đi. Tôi đã đấu trong cuộc thi đấu cao đẹp, đã chạy hết chặng đường, đã giữ vững niềm tin. Giờ đây tôi chỉ còn đợi vòng hoa dành cho người công chính;

Chúa là vị Thẩm Phán chí công sẽ trao phần thưởng đó cho tôi trong Ngày ấy, và không phải chỉ cho tôi, nhưng còn cho tất cả những ai hết tình mong đợi Người xuất hiện” (2 Tm 4,6-8)

“Nếu ngày nào ta cũng sống như thể đó là ngày tận thế của mình, đến một lúc nào đó ta sẽ thấy mình đúng.” Hãy luôn nhìn vào gương mỗi ngày để tự hỏi: “Nếu hôm nay là ngày cuối của đời mình, liệu tôi có muốn làm những việc hôm nay tôi sắp làm mà lương tâm tôi sẽ ân hận không?” Và khi nhận ra câu trả lời là “không” thì ngày này qua ngày khác, tôi biết mình cần thay đổi điều gì đó.

Ghi nhớ rằng "một ngày nào đó gần thôi mình sẽ chết đi" là một bí quyết vô cùng quan trọng giúp ta quyết định những lựa chọn lớn trong đời, bởi vì hầu hết mọi thứ - những mong đợi của người khác, lòng kiêu hãnh, nỗi lo sợ xấu hổ khi thất bại - đều phù phiếm trước cái chết, chẳng có gì quan trọng cả.

Luôn nhớ rằng mình sẽ chết là cách tốt nhất để biết tránh sa vào cái bẫy suy nghĩ rằng mình không muốn mất đi cái gì đó. Lòng ta được thanh thoát, chẳng có lý gì để không đi theo tiếng gọi của Chúa: “Không ai biết được lúc nào Chúa vạch đường ranh giới chấm dứt cuộc đời mình.”

Không ai muốn chết cả. Thế mà cái chết lại là điểm đến của tất cả chúng ta. Không ai có thể trốn khỏi nó. Có lẽ đó cũng là điều hợp lẽ, bởi Cái Chết là sản phẩm tuyệt vời nhất của Cuộc Sống. Nó là yếu tố làm thay đổi cuộc sống. Nó gạt bỏ cái cũ và mở đường cho cái mới. Ngay bây giờ “cái mới” là thể hệ chúng ta, nhưng không xa nữa đâu, chúng ta sẽ trở thành cái cũ và bị loại bỏ. Xin thứ lỗi cho tôi, nói như thế là quá gay, nhưng mà đúng như vậy đấy.

Thời gian của chúng ta là có hạn, nên đừng phí phạm bằng cách sống cuộc đời của người khác. Đừng rơi vào bẫy của sự độc đoán, giáo điều của người khác. Đừng để những ý kiến ồn ào xung quanh đánh chìm tiếng nói của Chúa ở bên trong chúng ta. Và quan trọng nhất, hãy có dũng cảm để đi theo tiếng gọi của lương tâm chúng ta và lời thúc giục của Chúa Thánh Thần. Nhờ đó, chúng ta sẽ biết được cái gì thực sự là quan trọng, còn mọi thứ khác chỉ là thứ yếu thôi.

Con người là con vật duy nhất biết mình sẽ chết. Nhưng cái biết này vẫn còn là lý thuyết xa lạ, nhất là đối với người trẻ, đang khỏe mạnh, đang yêu, đang thành công, tương lai đang hứa hẹn và cuộc đời đang mỉm cười với. Chỉ khi nào vấp phải một chứng bệnh nan trị, khi y học khiếm tốn nhìn nhận giới hạn của mình và buộc lòng phải tàn nhẫn tuyên bố bản án tử, thì khi đó sự biết mình sắp chết mới trở nên gần gũi thiết thân, hay nhưc nhói đến từng làn da thớ thịt.

Trước cái biết sắp chết này, có người tuyệt vọng, buông xuôi hoặc bất mãn, căm hận, nổi loạn “trả thù đời”, để rồi chết đi khổ sở không bình an. Nhưng có người lại coi đó là một may mắn: có thời gian chuẩn bị hành trình tốt đẹp đi về vĩnh cửu.

Vi thế, các bậc thánh hiền dạy hãy năng nghĩ đến cái chết, vì nó giúp mình sống một cuộc đời tốt lành thánh thiện hơn. Thật vậy, có ai biết chốc lát nữa mình sẽ chết mà còn ham hố những sự đời này, còn gieo rắc bất công, hận thù, còn ghen ghét tranh chấp hơn thua nữa, mà không trái lại, an hòa với mọi người, tôn trọng lương tâm của kẻ khác, giao

phó cho lòng nhân từ của Chúa lời phẩm bình cuối cùng và sự xét đoán chung thẩm, nỗ lực chuẩn bị tâm hồn để ra đi trong bình an về với Chúa?

Cái may mắn cho mình, cho người và cho đời là ở chỗ đó: có gì nữa để mắt đâu mà sợ mắt, có gì cần được nữa ở đời này đâu mà lo cho được?! Cảm nhận được điều đó đem lại cho chúng ta sự thanh thản và sức mạnh cho tâm hồn; đồng thời nỗ lực sống một cuộc sống đẹp như lời khuyên: “Ngày con sinh ra, mọi người cười (vui mừng vì con ra đời) mà con khóc. Con hãy sống thế nào để ngày con chết đi, con cười (mãn nguyện) mà mọi người khóc (vì thương tiếc con)”

(slideshow **BÀI HỌC QUÉT LÁ**)

2. CÁI CHẾT: HẠNH PHÚC TRỞ VỀ

(trích CHÚA VẮN THƯƠNG tr.114-117)

Bạn hãy nhìn cái chết với lòng trông cậy

Những kẻ khác giảng về sự khủng khiếp của cái chết. Còn bạn hãy giảng về niềm vui của cái chết. “Ta sẽ đến như kẻ trộm”, Chúa đã nói như vậy không phải để làm cho bạn sợ, nhưng vì thương bạn, muốn bạn luôn luôn sẵn sàng và sống từng phút giây dường như lúc bạn phải vĩnh viễn ra đi: “*Con ơi, hôm nay có thể là ngày cuối cùng rồi đó!*”

Bạn hãy sống trên trần gian như người đang chờ chết, như người từ cõi bên kia trở lại. Chúa luôn có mặt bên bạn, ngay cả lúc mọi sự dường như đổ vỡ, và nhất là trong giờ chết của bạn. Bạn sẽ thấy đôi bàn tay Chúa choàng xuống trên bạn và ôm chặt bạn vào lòng. Bạn sẽ khám phá ra bạn đã làm việc, đã đau khổ cho ai.

Bạn sẽ cảm ơn Chúa đã đối xử với bạn như thế, đã gìn giữ bạn khỏi bao nhiêu nguy hiểm phần hồn phần xác, đã dẫn dắt bạn trên những con đường hết sức bất ngờ, đôi khi như lạc lối nữa, nhưng đã làm cho đời sống bạn được đồng nhất trong việc phục vụ anh chị em của bạn. Lời tạ ơn của bạn sẽ không ngừng vang lên khi bạn khám phá thấy lòng thương xót của Chúa trên bạn cũng như trên thế giới.

Bạn hãy năng dâng cho Chúa cái chết của con người để họ được sống bằng sự sống của Chúa. Bạn hãy nghĩ đến cuộc gặp gỡ của chúng ta trong ánh sáng. Chính vì vậy mà bạn đã được tạo dựng, đã làm việc, đã đau khổ. Khi đến phiên bạn, Chúa sẽ hái lấy bạn. Bạn hãy năng nghĩ đến đó và dâng trước cho Chúa giờ chết của bạn hiệp nhất với cái chết của Chúa Giêsu.

Bạn cũng hãy năng nghĩ đến cái gì sẽ đến sau cái chết. Phải, bạn hãy nhìn cái chết với lòng trông cậy và hãy tận dụng chuỗi ngày cuối đời mà chuẩn bị chết với tình yêu. Bạn cũng hãy nghĩ đến cái chết của anh chị em đồng loại, ba bốn trăm ngàn người mỗi ngày vĩnh viễn ra đi. Bạn hãy cầu nguyện cho những người không hề nghĩ tới lúc phải ra đi. Đó là một cách hữu hiệu nhất làm cho Hy Tế Can-vê của Chúa Giêsu thêm giá trị và thánh lễ bạn dâng mỗi ngày thêm phong phú.

Nhiều người chẳng hề nghĩ Chúa sẽ đến gọi họ chiều nay! Bao nhiêu tai nạn, bao nhiêu thiên tai bất ngờ, còn bạn, bạn hãy ngủ yên trong vòng tay Chúa chiều nay. Bạn hãy làm mọi việc trong khi nghĩ đến lúc đó, nó sẽ giúp bạn. Chính vì yêu bạn mà Chúa Giêsu đã chấp nhận cái

chết. Bạn chỉ có thể cho Chúa bằng chứng lớn lao khi chấp nhận cái chết kết hiệp với Chúa Giêsu.

Bạn hãy tiếp tục năng liên kết cái chết của bạn với cái chết của Chúa Giêsu và dâng lên Chúa Cha qua tay Mẹ Maria, dưới ảnh hưởng của Chúa Thánh Thần. Nhân danh cái chết của bạn liên kết với cái chết của Chúa Giêsu, bạn có thể xin những ơn trợ giúp cấp thời để sống tốt hơn trong hiện tại. Bạn hãy tận dụng điều đó.

Chính bằng cái chết của Chúa Giêsu mà Thiên Chúa đã làm cho thế gian được sống. Và bằng sự hiến dâng cái chết của Chúa Giêsu mà Chúa tiếp tục ban sự sống cho loài người. Bạn hãy tín nhiệm Chúa. Chúa luôn có mặt mọi lúc trong cuộc sống trần gian của bạn. Chúa sẽ có mặt lúc bạn đi vào đời sống vĩnh cửu. Và Mẹ Chúa, người đã tỏ ra quá tốt với bạn như thế, Mẹ cũng sẽ có mặt với bạn, với tất cả sự dịu dàng từ mẫu của Mẹ.

Bạn cũng hãy năng nghĩ đến anh chị em của bạn trong luyện ngục, họ không thể tự mình làm chi cho mình thêm công nghiệp. Họ cần đến công nghiệp của anh chị em còn ở trần gian giúp cho họ. Chớ gì mọi người, những người già cả, ốm đau, bệnh tật biết dùng những năm tháng cuối đời để thêm ơn và công nghiệp cho các linh hồn và cho chính mình. Cái chết của họ sẽ dịu dàng hơn, vì Chúa đã hứa ban một ơn trợ giúp đặc biệt vào lúc trọng đại đó cho những ai sống cho kẻ khác trước mình. Chính đó là tình yêu. Với những hy sinh nhỏ bé, hãy dọn mình chết bằng cách yêu mến.

Chúa biết giờ chết của bạn và cách nó sẽ xảy ra. Chính Chúa đã chọn cho bạn với tất cả tình yêu. Chúa sẽ có mặt vào giờ ra đi trọng đại cuối cùng của bạn, với mọi ơn cần thiết. Chính mức độ tình yêu của bạn sẽ cho bạn dự phần cách sung mãn. Người ta chết như người ta đã sống. Nếu bạn sống trong yêu thương, cái chết sẽ đến với bạn trong tình yêu. Chính Chúa sẽ đợi bạn ở cuối đường đời, sau khi đã là bạn đồng hành của bạn suốt cả cuộc sống bạn. Còn bạn, hãy dùng cho tốt quãng thời gian còn lại.

Bạn hãy rao giảng tinh thần lạc quan cho những người ngã lòng. Chúa ở với Giáo Hội mọi ngày cho đến tận thế. Thay vì ngã lòng, họ hãy kêu đến Chúa: *Lạy Chúa, xin cứu chúng con kéo chúng bạn chết mất*. Họ hãy gia tăng Đức Tin vào sự hiện diện và quyền năng của Chúa. Cách trực diện với sự chết đối với bạn phải là vấn đề Đức Tin, Đức Cậy và Đức Mến. Cái chết là một cuộc khởi hành để đến đích. Trong nhà Cha, nơi đó bạn sẽ gặp lại tất cả.

Người ta chết như người ta đã sống.

Bạn hãy sống trong tình yêu để được chết trong tình yêu

Hôm nay, bạn hãy ngủ yên trong vòng tay Chúa.

Và chớ gì bạn sẽ ra đi như thế!

(slideshow CON XIN PHÓ THẮC)

BÀI CHIA SẺ

1. Mỗi người tự chọn đề tài, được gợi hứng từ những gì đã chia sẻ trong lớp. Viết tối thiểu 3 trang, tối đa 6 trang khổ giấy A4.

2. Viết những gì đang làm chị em bận tâm nhất:

- về những thuận lợi cũng như khó khăn, những điểm mạnh cũng như những điểm yếu, những kỳ vọng và trông đợi ở bản thân, ở Bề trên, ở chị em trong cộng đoàn,
- cũng như những thách đố, những trở ngại về tinh cảm và công việc liên quan đến sứ vụ tông đồ của chị em để tiến lên trong đời tu.

3. Viết càng đúng với thực tế bao nhiêu càng có giá trị bấy nhiêu, vì tu đức không phải là một kiến thức, mà là một cuộc sống thăng trầm không ngừng được điều chỉnh, và trong cuộc sống đó mỗi người “chia sẻ” để tìm kiếm bình an và hạnh phúc cho mình, bây giờ và sau này.

Không những thế, mỗi người đều cố gắng đem lại bình an và hạnh phúc cho người khác, giống như Chúa Giêsu, Ngài đến không để giải thích đau khổ, để cất đau khổ, nhưng để chịu đau khổ, để chia sẻ đau khổ với con người và mời gọi con người chia sẻ đau khổ của nhau, hầu đạt tới hạnh phúc.

VỀ MỤC LỤC

VĂN HOÁ GIAO TIẾP - HAI THƯƠNG ĂN NÓI MẶN MÀ CÓ DUYÊN?

**TRI ÂN CHA ĐA MINH ĐÌNH VĂN VÃNG,
BÚT HIỆU LM. ĐAN VINH, HHTM (HIỆP HỘI THÁNH MẪU)**



22/6/1947 – 14/6/2023

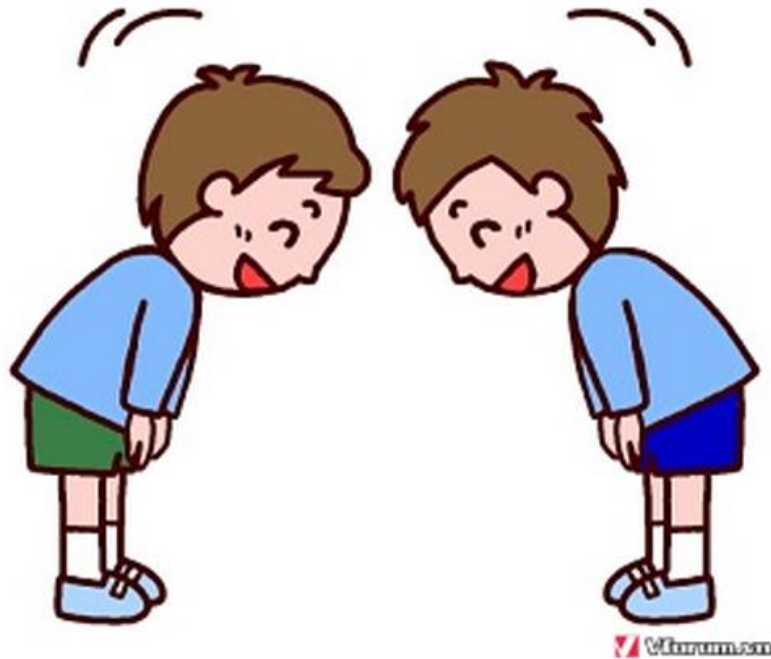
Loạt 120 bài “Học làm người và làm con cái Chúa”

của Lm Đan Vinh, HHTM

BÀI 56

VĂN HOÁ GIAO TIẾP - HAI THƯƠNG ĂN NÓI MẶN MÀ CÓ DUYÊN ?

Ca
đao
tục
ngữ
hay
về
giao
tiếp,
lời nói



1. LỜI CHÚA : Thánh Gia-cô-bê dạy : “**Thật vậy, tất cả chúng ta thường hay vấp ngã. Ai không vấp ngã về lời nói, ấy là người hoàn hảo, có khả năng kiềm chế bản thân**” (Gc 3,2)

2. CÂU CHUYỆN : TRÚNG TUYỂN NHỜ KHÉO ĂN NÓI.

“Một thương tóc bỏ đuôi gà. Hai thương ăn nói mạn mà có duyên”. Mới đây, trong gần 30 bạn trẻ đăng ký với phòng tuyển dụng để được trở thành nhân viên làm việc cho một công ty nước ngoài tại TP.HCM, người được trúng tuyển lại là một cô bạn gái không hẳn giỏi hơn những ứng viên khác về mặt kiến thức xã hội, về sự thông minh hay về vẻ ngoại hình bên ngoài, nhưng chính là nhờ cách nói chuyện duyên dáng, tự tin, sắc sảo mà lại khiêm tốn và chừng mực, nên đã thuyết phục được hội đồng tuyển dụng khiến họ nhất trí chọn cô.

Sau đây là một số nguyên tắc ứng xử văn hoá về lời nói cần áp dụng khi giao tiếp :

3. SUY NIỆM :

1. Lời nói thể hiện nhân cách : Khi nói chuyện với ai, bạn cần nhắm mục đích tốt, luôn hướng đến điều tích cực, lạc quan, và hướng thiện. Tránh than thân trách phận nói ra những điều tiêu cực, chỉ trích người khác. Riêng các bạn gái lại càng cần phải biết cách ăn nói có duyên như người ta thường nói : “**Nếu bạn thông minh, bạn sẽ được người khác quý trọng; Nếu bạn xinh đẹp, bạn sẽ được mọi người để ý; Còn nếu bạn ăn nói có duyên, bạn sẽ cuốn hút được nhiều người yêu mến bạn**”. Như vậy : Duyên là vẻ đẹp tâm hồn, nó làm cho bạn gái thêm phần hương sắc và có sức lôi cuốn được nhiều người đến với mình.

2. Nói chuyện với người mới quen : Cần dè dặt, **không nên tỏ ra quá thân mật khi mới gặp lần đầu**. Không nói chuyện cách **suông sã** hoặc tâm sự quá nhiều về mình. Không nên nói chuyện riêng hai người trong cuộc họp hay trong bữa tiệc chung. Cũng **không nên khoe khoang về kiến thức uyên bác** của mình.

3. Thái độ khi nói chuyện : Bạn phải để ý thái độ của người đối diện xem họ có muốn nghe bạn không ? Trong câu chuyện, nên trả lời ngắn gọn, chính xác. Nên **ôn tồn khiêm tốn** khi phát biểu ý kiến. Biết **cảm thông chia sẻ nỗi đau của người khác, biết động viên an ủi** người đang gặp khó khăn hoạn nạn.

4. Nói ít, nghe nhiều : Chú ý nghe người đang nói, biết gợi chuyện và đề cập đến đề tài thực tế được họ quan tâm. **Tránh nói to** ở nơi công cộng như tại nhà thờ, chùa chiền, trên xe buýt, trong rạp hát hay viện bảo tàng... Phải thành thật khen ngợi để động viên người khác. Nên năng dùng ngôn từ lịch sự như : cảm ơn, xin lỗi, không có chi, không sao đâu...

5. Giao tiếp qua điện thoại : Tránh nói chuyện với giọng miến cưỡng, nhưng cần ăn nói vui vẻ lịch thiệp để gây được thiện cảm với người đang nói chuyện. Cần nói chuyện với **giọng nhỏ nhẹ** để người nghe cảm thấy dễ chịu.

6. Cách gây thiện cảm khi nói chuyện : Lời nói cần rõ ràng, dễ hiểu, vừa đủ nghe, không nói nhanh hay chậm quá, không nói quá nhiều; Không chêm **tiếng “lóng” hoặc chữ thề**; Không nói lời **thô lỗ, cộc cằn, chua ngoa, vô lễ**... vì đó là nguyên nhân làm mất thiện cảm khi giao tiếp. Cũng cần phải **xưng hô phù hợp với tuổi tác và địa vị của người đối diện**.

7. Cần một chút tinh tế để nói cho sự thật bớt căng thẳng : Tránh đề cập đến **khiếm khuyết của cơ thể, lỗi lầm quá khứ, sự thất bại, vì sẽ chạm vào tự ái của người đối diện**. Các bạn gái **tránh ăn nói với nhau cách số sàng**, tránh ám chỉ đến **bộ phận nhạy cảm của bạn trai** để chọc quê họ.

8. Cách phê bình góp ý : hãy **khen trước khi chê**. Nên nhớ rằng : Không gì dễ lọt vào lòng người bằng một lời đề nghị giúp đỡ ngọt ngào. Khi phải từ chối một lời yêu cầu thì cũng **nên từ chối cách khôn ngoan tế nhị kèm theo lời xin lỗi** như người xưa dạy : “Lời nói không mất tiền mua. Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.

TÓM LẠI : Nói chuyện có duyên không chỉ **do năng khiếu bẩm sinh**, nhưng chính **kết quả của sự tập luyện**. Xã hội sẽ đẹp lên nhiều nếu mọi người đều biết ăn nói có duyên từ gia đình, đến công sở và nơi công cộng. Lời nói có duyên phải **xuất phát từ tâm hồn, hợp với hoàn cảnh và nhu cầu** của tha nhân. Nhất là **tránh tranh luận về các đề tài tôn giáo và chính trị** vì rất dễ gây ra chia rẽ ly tán.

4. SINH HOẠT : Bạn tâm đắc nhất với điều nào trong bài suy niệm trên ? Tại sao ?

5. LỜI CẦU :

Lạy Chúa Giê-su. Xin giúp chúng con biết cách ăn nói có duyên; Biết nói ra sự thật lọt vào lòng người khác; Biết tránh đụng chạm đến tự ái của tha nhân; Cho chúng con biết nói năng nhỏ nhẹ, nhất là khi phải góp ý phê bình. Xin cho chúng con biết ăn nói khiêm tốn tế nhị là điều kiện để đạt được thành công trong mọi việc.- AMEN.

LM ĐAN VINH – HHTM

VỀ MỤC LỤC

TỪ GIÁO HỘI NÀY ĐẾN GIÁO HỘI KHÁC

Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp

CHUYỆN VỀ TẬP SÁCH “ DẤU VẬY THÌ VẮN CỨ TIN” CỦA CHA JOSEPN MOINGT S.J. NGÀY THỨ BA - TỪ GIÁO HỘI NÀY ĐẾN GIÁO HỘI KHÁC



Cái quang cảnh tinh thần hôm nay thấy rõ là có chuyện phân cắt...Đã từ nhiều năm tháng qua, người ta nhìn thấy sự phân cắt ấy qua khá nhiều những hoạt động tôn giáo mới; và sự phân cắt ấy cũng xảy ra nơi các tôn giáo đã từng ổn định trong các cơ chế của mình, chẳng hạn như Đạo Công Giáo...Nào là nhóm chủ trương bảo thủ, nhóm thức thời phương Tây,

những Kitô hữu Châu Phi hay Châu Á... Tình trạng này gợi nên với Cha điều gì?

Điều tiên quyết chúng ta phải nói với nhau là xin hãy tương đối hóa cái nhìn có vẻ gay gắt ấy nơi các bạn đối với lịch sử của Giáo Hội, bởi – thưa bạn – Giáo Hội không ngừng để tự phân cắt qua thời gian với cùng một chuyển động giúp cho Giáo Hội lan rộng đến nhiều nơi nhiều chốn, nhiều dân tộc và nhiều nền văn hóa... Với thật nhiều những lý do khác nhau qua đó những vấn nạn về quyền lực nối kết với những vấn nạn về nghi thức hay về giáo lý, hoặc đơn giản nhưng rất sâu xa là những dị biệt về phong tục cũng như các nền văn minh; không nói đến những khái niệm mới phát sinh từ ý thức của con người và gợi nên những câu hỏi trong lãnh vực tôn giáo – chính vì thế mà khi những khám phá thiên văn mới mẻ đưa đến việc nghi ngờ chuyện mặt trời quay quanh trái đất - sẽ đặt để Kinh Thánh trong tình trạng bên ngoài có vẻ như đi ngược lại với khoa học và hạ bệ con người khỏi cái ngai mà họ nghĩ là... họ đã chiếm hữu được cái rốn của vũ trụ ấy...

Ngay từ những buổi đầu, Giáo Hội đã để cho chính mình bị phân cắt : Giáo Hội đã gầy dựng tính duy nhất của mình bằng cách tự tách ra thành muôn vàn giáo phái được công bố là dị giáo hay ly giáo, và điều đó xảy ra rất lâu trước biến cố quan trọng và quyết liệt hơn – tức sự gãy đổ giữa Giáo Hội Tây Phương và Giáo Hội Đông Phương, sự gãy đổ mà có lẽ phương diện văn hóa là điểm chính đưa đến tình trạng xa rời lẫn nhau, bởi nó đưa ra một cuộc tranh cãi về ngôn ngữ giữa tiếng La - tinh và tiếng Hy Lạp : làm sao để có thể có được sự hòa hợp giữa người Kitô giáo với nhau khi mà người ta không thể cùng chung chia một ngôn ngữ ?

Một sự phân cắt ít gây ồn ào hơn nhưng tiếng vang lại có vẻ âm ỉ và kéo dài hơn – sự phân cắt vì lý do đức tin... và xuất hiện từ rất rất lâu so với thời điểm mà người ta gọi là “thời hiện đại”, khi nền văn hóa Tây phương đã bắt đầu tách ra khỏi truyền thống vốn đèo bồng nền văn hóa ấy cho đến bây giờ : trong khi đức tin tiếp tục cho thấy là mình vẫn được Kinh Thánh và giáo lý của các “Nghị Phụ trong Giáo Hội” nuôi dưỡng... thì một tư tưởng mới xuất hiện, dựa trên việc quan sát, phương pháp nghi vấn, những giả thiết cần được khám phá : Giáo Hội tự đẩy lui cái quá khứ của mình khi tính lý luận phương tây tự chuyển hướng và tiến về phía trước để đón nhận những kiến thức mới mẻ và coi đây như là một thứ hồi môn của mình...

Kết quả thứ nhất của sự thay đổi ấy về cấu trúc của Giáo Hội chính là chuyển động của công cuộc Canh Tân tách đôi Kitô giáo thành các Giáo Hội Tin Lành và Giáo Hội Công Giáo La mã, và đưa đến tình trạng đối đầu giữa Kinh Thánh được coi như nguồn gốc duy nhất của mạc khải, và Truyền Thống được xếp vào hàng chú giải không quan trọng – một sự đối đầu mà khía cạnh văn hóa khá là rõ ràng bởi nó đã cắt đứt phương Tây thành thế giới dùng tiếng La tinh với thế giới nói tiếng Đức...

Vào thời của chúng ta đây, Giáo Hội phân cắt thành những nhóm nhỏ, do những lý do nội bộ nhưng phản ảnh chủ nghĩa cá nhân chung quanh : nhóm truyền thống, nhóm Công giáo trung thành với Vaticanô II, nhóm những người chủ trương một thực hành thường xuyên và những người thỉnh thoảng mới có mặt ở những buổi cử hành phụng vụ, nhóm những Kitô hữu thích “chỉ trích” và những Kitô hữu phóng túng sống bên lề mọi sự... Và cũng phải thêm rằng chúng ta có thể nhìn thấy cái dòng chảy chia cắt này nơi những Giáo Hội Kitô giáo khác, chẳng hạn nơi anh chị em Tin Lành tại Mỹ với sự tách biệt giữa nhóm chính thống và nhóm đặc sủng...

Và các bạn hỏi tôi rằng cái dòng chảy phân cắt ấy đã gợi nên cho tôi những suy nghĩ gì ư ?

Suy nghĩ thứ nhất : nó gợi nên một sự co rút hay co cụm chung chung nào đó của tôn giáo... Tôn giáo đã đánh mất vai trò người điều hành và là người tạo nên sự hiệp nhất của xã hội... Đồng thời mối tương quan nội bộ của nền giáo dục tôn giáo bị suy giảm, và các Giáo Hội bị phân cắt thành muôn vàn những nhóm nhỏ... Tôn giáo đã từng là cội nguồn của tất cả các tổ

nhóm con người... Tôn giáo có trách nhiệm tạo nên những mối tương quan, những cơ hội dính kết giữa nhiều nhiều những thành viên của tổ nhóm... Khi các tổ nhóm đã hình thành một Quốc Gia và Quốc Gia nhận lãnh trách nhiệm về phần lớn những nhu cầu của công dân mình thì Tôn Giáo – Giáo Hội – mất đi tính lợi ích xã hội của mình, và điều đó đưa đến hai hậu quả : một phần, rất nhiều tín hữu xa rời Giáo Hội bởi vì họ thấy chẳng có lợi ích gì trong cái mối tương quan ấy nữa; phần khác, khá nhiều người vẫn trung thành với Giáo Hội nhưng lại có khuynh hướng chia thành nhiều nhóm nhỏ, bởi vì Giáo Hội không còn đủ uy lực và sức mạnh để giữ họ hiệp nhất được với nhau...

Suy nghĩ thứ hai mà tình trạng ấy gợi nên nơi tôi là những gì trực tiếp liên quan đến Giáo Hội Công Giáo : đây là náo trạng người ta đang ở trong một giai đoạn có tính cách tạm thời... Nghĩa là người ta đang hướng đến một hình thức khác, một cách thể khác để xây dựng Giáo Hội, chẳng hạn một cách thể nào đấy không quá ư thâm trầm... Đương nhiên là mọi thay đổi đều mang một diện mạo đầy lo lắng bởi nó sẽ tạo nên những suy sụp, những xé rách, những gãy đổ; và những hạn từ điển tả này hoàn toàn mang tính cụ thể ngay trong cơ cấu của Giáo Hội... và là những hạn từ duy nhất đủ ý nghĩa để gợi nên được những khổ đau cũng như nguy hiểm cho Giáo Hội... Thế nhưng sự tiến triển này sẽ là sự lên ngôi của một thời đại mới... mà tôi vẫn chưa có thể tưởng tượng được điều gì sẽ xảy ra cho Giáo Hội cũng như cho đức tin Công Giáo, tuy nhiên không hẳn sẽ nhất thiết phải là một thời đại khủng khiếp đâu... Chắc chắn là tôi không hề nghĩ đến chuyện Giáo hội có thể lấy lại được quyền lực của mình trên xã hội, nhưng Giáo Hội sẽ có một chỗ đứng khác đi trong thế giới và giữ lại được cho mình sự hiệp nhất...

Rất có thể Giáo Hội sẽ ít nổi trội hơn, khi ta hiểu rằng sự nổi trội hiện nay của Giáo Hội nằm ở chỗ Giáo Hội cố giữ lấy cho mình cái cơ cấu phẩm trật và giáo sĩ hiện thời... Không, cơ cấu phẩm trật của Giáo Hội đã làm giảm bớt đi rất nhiều niềm tin nội bộ cũng như với bên ngoài nữa, bởi những lạm quyền thái quá trên bà con tín hữu cũng như với xã hội, và hàng giáo sĩ – mất đi sự mền mọ - sẽ sớm nhận ra rằng họ sẽ không thể tự bảo vệ những vai trò quyền lực và trách nhiệm đã được chuyển giao cho họ... Và vì thế sự nổi trội rõ nét của Giáo Hội sẽ được chuyển giao cho những người giáo dân bình thường, bởi ngày càng ít người đeo đuổi ơn gọi giáo sĩ cho nên dù muốn hay không... thì cũng buộc phải chuyển giao lại cho bà con giáo dân những trách nhiệm này/khác... có thể nói là quan trọng... Và Giáo Hội cũng sẽ ít nổi trội hơn vì sự giảm bớt mạnh con số bà con tín hữu, và còn một sự ít nổi trội khác nữa – khó thấy hơn – đây là phần đa số những người không tôn giáo trong xã hội cũng là thành phần ngang ngửa với Giáo Hội – và tình trạng này sẽ làm cho Giáo Hội mang một bộ mặt ít tính tôn giáo hơn, ít nghi thức và nghi lễ hơn...

Trên bình diện hành động cũng như tư tưởng, sự nổi trội lớn nhất không còn là vì đây là Giáo Hội Công Giáo trong tư cách là một tôn giáo – nghĩa là một nhóm mà sinh hoạt chính chỉ là việc cử hành các thứ nghi lễ và nghi thức - nhưng trong tư cách là Tin Mừng – nghĩa là một nhóm những con người chỉ lo nhắm đến việc suy tư và thực hành Tin Mừng... được coi như lý tưởng đời sống con người và qui định những phong cách giữa các cá nhân cũng như trong xã hội...

Tưởng tượng đến một sự tiến triển như thế đã mang lại cho tôi đầy tràn hy vọng – xin thú thật với các bạn như thế - mặc dù rất có thể sẽ có khá nhiều người không còn muốn tự nhận mình là tín hữu Công Giáo nữa... Thế nhưng tư tưởng về con số bà con rời bỏ Giáo Hội có nhiều như vậy đi chẳng nữa thì cũng không làm tôi thấy bối rối, hoảng loạn... Không phải vì tôi lo sợ việc rời bỏ Giáo Hội của những bà con ấy sẽ đưa đến chuyện hỏa ngục này/khác – bởi tôi không tin rằng Thiên Chúa đeo đuổi chuyện giận hờn của Người đối với những ai không tin Người – nhưng là do việc đánh mất tất cả đời sống tinh thần của mình như thế sẽ làm cho bà con rơi vào trạng thái đêm tối mãi mãi trong sự chết... nếu thực sự - với những người tin – là sẽ chỉ có đời sống vĩnh cửu trong sự hiệp nhất với Thiên Chúa... Đây là một chủ đề lớn xứng đáng để một nhà

thần học bỏ công suy tư : chủ đề về vấn nạn là những người đã rời bỏ - thậm chí là từ bỏ tất cả đức tin Kitô giáo của mình - họ có còn được hưởng ơn cứu độ mà Giáo Hội dành cho các tín hữu của mình không ? Hay là còn trầm trọng hơn nữa câu hỏi này : Giáo Hội đã hết mọi trách nhiệm của mình đối với những người đã rời bỏ Giáo Hội – nhiều khi là do lỗi lầm của chính Giáo Hội – chưa? Giáo Hội có thể làm gì đối với những người không còn chờ mong chi nơi Giáo Hội nữa không ? Đây là những con đường mà Giáo Hội có thể dùng để tái nối kết lại với họ những mối tương quan mới đây ? Đây là những vấn nạn, những câu hỏi mà tôi đang cố gắng để tìm cho ra giải đáp bằng cách kiếm cho bằng được một định nghĩa khác về tôn giáo và về ơn cứu độ hay đúng hơn là tìm cho bằng được những mối khớp của tôn giáo và của ơn Chúa cứu độ, hay – một cách rộng rãi hơn – tìm cho ra một cách hiểu khác về sứ vụ của Giáo Hội dành cho nhân tính của con người...

Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp chuyển dịch

VỀ MỤC LỤC

THƠ GỬI NGƯỜI EM QUÊ LŨ

.francis assisi lê đình bàng.

Chuyện tôi kể, từ lá rau, hạt cải
Chúa cho mọc lên, xúm xít cánh đồng
Có mùi nhà quê, chợ búa, bãi sông
Kể tưới, người gieo, bốn mùa tươi tốt

Chỉ mình Chúa, là muối men trong bột
Nấu nồi cơm to, no bụng, ấm thân
Yêu lấy đầy vơi của kiếp nhọc nhằn
Trăm nổi, chín chiều, bao điều tất bật

Có lúc, vờ quên cơn đau, ruột thắt
Có những chiều, nghe nốt nhạc, chạnh buồn
Tội nghiệp thay, thương lúa tuổi còn son
Em, quê lũ ở cuối dòng, xa tít

Cây cầu yếu, gục đầu, trôi oan nghiệt
Xác Em đâu? Chỉ thấy lũ ngập tràn
Lũ vô tình trong bèo nước tan hoang
Có người phải đi gấp phân, bán máu

Đầu sóng chân mây, biết đâu mà đậu
Chúa gìn giữ Em trên chỗ nước nguồn
Biển có bao giờ nhiều muối, mặn hơn
Em đã trèo lên non cao của Chúa

Vẫn bật tin Em, nhà dòng Hưng Hoá
Ôi, thế gian này, cũng đang qua đi
Cả đồng xanh vừa thắm thiết, xanh rì
Vui khắp khởi, vì đường xa đã đến

Cuồng hợng tôi, muốn dâng lên nghèn nghẹn
Biển và sông và lũ cứ ùa ra
Đâu thấy gì, giọt nước mắt xót xa
Đây là đỉnh Cấn Vê và thánh giá

Em chết trẻ và ra đi vội vã
Hoa cứ non tươi và lá cứ xanh
Như trái tim Em, là một phước lành
Thôi, Em nhé, đã vâng theo ý Chúa

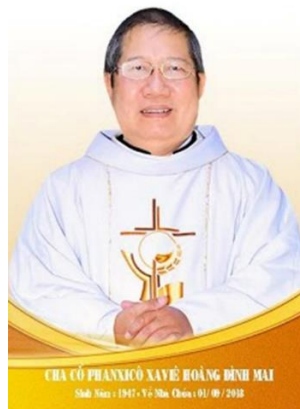
Tới bến cảng của một miền đất hứa
Thuyền Em ra khơi, chở nặng một đời.

Francis Assisi Lê Đình Bảng

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

LỜI TẠM BIỆT:



**Kính xin mọi người hiệp thông
cầu nguyện cho Cha Cố
PX. Hoàng Đình Mai
1947- 01.09.2018**

Xin chân thành cảm ơn

**Quán trọ đời chân trần nay đã mỗi,
Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,
Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.**

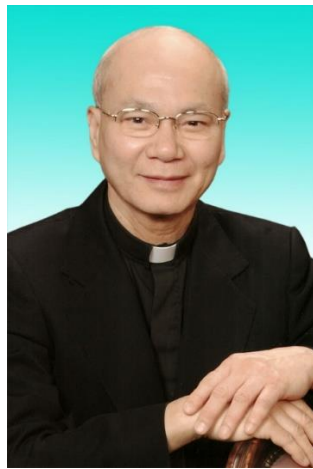
Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:

"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...

**"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.
Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.
Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giảng Hồng Ân.**

Kính báo: Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,
xin vui lòng liên lạc BBT CGVN congiaovietnam@gmail.com

Tri Ân
Cha Luca PHẠM QUỐC SỬ
Chủ Nhiệm Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam



30.12.1946 – 01.12.2020

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ
giasivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc "Trợ lực Giáo sĩ" bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những "Linh mục" không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.congiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Thư Ký: Giuse Phạm Hoàng Quỳnh.

TGP Baltimore USA